

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIAN NGƯỜI VIỆT

Về

Quyển 1



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Về

Quyển 1

**Viện nghiên cứu Văn hóa
và Nhà xuất bản Khoa học xã hội
giữ bản quyền sách này**

TINH HOA VĂN HỌC DÂN GIÀN NGƯỜI VIỆT

VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HÓA

Về

Quyển 1

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2009

Biên soạn
TS. VŨ TỔ HẢO

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam là nước có truyền thống văn học. Bộ sách *Tổng tập văn học Việt Nam* do GS. Đinh Gia Khánh làm Chủ tịch Hội đồng biên tập, được Nhà xuất bản Khoa học xã hội tái bản năm 2000 (gồm 42 tập) là minh chứng cho truyền thống đó. Đây là bộ Tổng tập văn học viết của cả người Việt và các dân tộc thiểu số Việt Nam từ thế kỷ X cho đến ngày 02 tháng 9 năm 1945.

Về văn học dân gian, từ năm 2002 đến năm 2006, Viện Nghiên cứu Văn hóa và Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã hợp tác biên soạn và xuất bản trọn bộ *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, gồm 20 quyển). Hiện nay, hai đơn vị đang hợp tác biên soạn và theo kế hoạch đến năm 2010 sẽ hoàn thành việc công bố bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* gồm 23 tập. Bộ sách giới thiệu diện mạo văn học dân tộc thiểu số nước ta theo từng thể loại và được xuất bản với hình thức song ngữ (ngôn ngữ phổ thông và ngôn ngữ dân tộc thiểu số).

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* (19 tập, 20 quyển) là bộ sách lần đầu tiên được biên soạn tương đối thống nhất về phương pháp, giới thiệu diện mạo văn học dân gian người Việt theo thể loại. Trong *Tổng tập*, mỗi một thể loại được giới thiệu như sau: Bài Khảo luận (trong bài trình bày, giới thiệu thể loại, lịch sử sưu tầm, nghiên cứu, giá trị nội dung và hình thức); phần biên soạn các tác phẩm; thư mục. Các thể loại tục ngữ, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, vè, ca dao được dành hai tập cho một thể loại. Còn các thể loại sau được thể hiện với dung lượng mỗi tập một thể loại: câu đố, truyện ngụ ngôn, giai thoại văn học, truyện nôm bình dân, kịch bản chèo sân đình, kịch bản tuồng dân gian. Người Việt cổ có thần thoại và có thể có sử thi, nhưng vì lý do lịch sử, sử thi bị mai một, thần thoại chỉ còn những mảnh vụn, không còn hệ thống.

Bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt* trước hết và chủ yếu được biên soạn dành cho giới nghiên cứu. Để đáp ứng nhu cầu rộng rãi của bạn đọc, được sự cho phép của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, sự đồng ý của các soạn giả, Viện Nghiên cứu Văn hoá và Nhà xuất bản Khoa học xã hội chủ trương trên cơ sở đảm bảo nội dung cơ bản, lược bỏ phần dị bản của các tác phẩm, in thành những quyển sách có khuôn khổ và độ dày phù hợp nhằm phục vụ độc giả cả nước. Những quyển này nằm trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*. Khi từng quyển sách này đến tay bạn đọc, sau khi thưởng thức trí tuệ mẫn tiệp trong các câu tục ngữ, sự hóm hỉnh trong câu đố, sự sáng khoái trong các truyện cười, tính chất ý nhị trong các giai thoại văn học, những rung động thiết tha qua lời ca dao trữ tình..., xin bạn đọc hiểu rằng đó là tài sản văn hoá tinh thần quý báu của cha ông, việc sưu tầm, gìn giữ nó không chỉ do các soạn giả được ghi tên ở trong sách, mà còn do nhiều thế hệ, nhiều nhà sưu tầm thực hiện, tên tuổi và các công trình của họ đã được ghi nhận đầy đủ trong bộ sách *Tổng tập văn học dân gian người Việt*.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc từng quyển trong bộ sách *Tinh hoa văn học dân gian người Việt*.

Hà Nội, tháng 8 năm 2008

Giám đốc
Tổng biên tập
NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI
TS. Vi Quang Thọ

Viện trưởng
VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HOÁ
Chủ tịch Hội đồng biên tập
Tổng tập văn học dân gian người Việt
GS. TS. Nguyễn Xuân Kính

VỀ TRẺ EM

QUA CẦU HẦU THẺ

Qua cầu
Hầu thẻ
Bẻ bàng
Sang ngón
Chọn tay
Ngày giờ
Giờ gì
Giở giả
Áo mi
Ý mao
Chị Ba mây
Chị Tư tao
Rủ với nhau
Đi qua cầu
Té xuống ao
Nhào xuống vũng
Nghe cái tùm
Nhúm cái thẻ
Né cái thủm
Sang tay này
Chuyên tay kia

ĂN NO

Ăn no
Béo mỡ

Nằm thỏ
Hùi hùi
Cầm dùi
Đánh chó
Cầm rọ
Bắt mèo
Đỡ treo
Lục phúng¹
Nồi thủng
Cá rơi
Mất dùi
Chó chạy
Rọ gậy
Mèo ra
Van cha
Đói bụng...

NÀY CÒ, NÀY CẤU

Này cò,
Này cấu
Này dẫu
Này thưng
Lưng sào
Cánh ná
Này lá
Này lao

1. *Lục Phúng*: Lục nổi ăn vụng.

Nghe công bà rao
Nghe lệnh ông dống
Nghe voi rông rống
Chong chóng chạy về
Ê hê? Chạy!

GIẢNG BÀ GIÀO

Giảng bà Giáo
Cào cổ Cai
Khoai tư Đạo
Gạo cổ Bá
Cá tú Tư
Sư chùa Giã
Xã chùa Oí
Cơi tổng Quỳnh
Đình làng Mui
Dui tổng Tôn
Lợn bà Chiêu
Niêu mẹ Sĩ.

ÔNG ĐẾM CÁT

Ông đếm cát
Ông tát bể
Ông kể sao
Ông đào sông
Ông trồng cây

Ông xây rú
Ông trụ trời.

CHẤP CON THẺ

Chấp con thẻ
Bẻ cái bồi
Lên trên đồi
Hái trái vả
Ra ngoài ngõ
Lấy đất chai
Đem về phơi
Làm hòn bồi
Chấp con thẻ
Bẻ cái bồi...

ĐÚC CÂY DỪA

Đúc cây dừa
Chừa cây nặng
Cây lỏng ống
Cây bí đao
Cây nào cao
Cây nào thấp
Cây nào rập
Cây nào rà
Mỏng tơ, bí đỏ
Quan văn, quan võ

Ăn cắp trứng gà
 Bọ xa, bọ xít
 Bò ra tay này
 Mà gây tay nọ
 Mà bỏ tay người!¹

TẬP TÂM VÔNG

Tập tâm vông
 Chị lấy chồng
 Em ở goá
 Chị ăn cá
 Em mút xương
 Chị nằm giường
 Em nằm đất
 Chị húp mật
 Em liếm ve
 Chị ăn chè
 Em liếm bát
 Chị coi hát
 Em vỗ tay
 Chị ăn mây
 Em xách bị
 Chị làm đi
 Em xỏ tiền
 Chị đi thuyền
 Em đi bộ

1. Các bài hát trẻ em này (xưa gọi là đồng dao) thường có kèm theo trò chơi.

Chị kéo gỗ
 Em lợp nhà
 Chị trồng cà
 Em trồng bí
 Chị tuổi tý
 Em tuổi thân
 Chị tuổi dần
 Em tuổi mẹo
 Chị kéo kẹo
 Em kéo cốm
 Chị về sớm
 Em về trưa
 Chị đánh bữa
 Em đứng trực
 Chị thờ cha
 Em nuôi mẹ
 Chị trồng họ
 Em trồng hành
 Chị để dành
 Em ních hết
 Chị đánh chết
 Em la làng
 Chị đào hang
 Em chun tuốt...

TAY CẦM CON DAO

Tay cầm con dao
 Làm sao cho sắc

Để mà dễ cắt
 Để mà dễ chặt
 Chặt lấy củi cành
 Chặt lấy cả cây
 Trèo lên rừng xanh
 Chạy quanh sườn núi
 Một mình thui thủi
 Chặt cây chặt củi
 Tìm chốn ra ngồi
 Ngồi mát thanh thoi
 Kia một đàn chim
 Ở đâu bay đến
 Ở đâu bay lại
 Con đang cắn trái
 Con đang tha mồi
 Qua lối nọ nó ăn
 Cái con hươu kia
 Mày đang ăn lộc
 Lộc vả lộc sung
 Mày trông thấy tớ
 Tớ không đuổi mày
 Mày qua lối nọ làm chi?

LẠY TRỜI MƯA XUỐNG

Lạy trời mưa xuống
 Lấy nước tôi uống
 Lấy ruộng tôi cày
 Lấy đầy bát cơm
 Lấy rơm đun bếp

CHẬP CHIÊNG CHẬP CHÓE

Chập chiêng chập chỏe
Lớn lớn bé bé
Ra đánh giặc trời
Ông lớn cười voi
Phát cờ đi trước
Đi lên mạn ngược
Đi xuống mạn xuôi
Giao bà bình vôi
Thổi nồi cơm nếp
Giao cho ông bếp
Nấu nồi canh cua
Lính tráng ăn no
Chập chiêng chập chỏe...

TRỜI MƯA LÂM RÂM

Trời mưa lâm râm
Cây trâm có trái
Con gái có duyên
Đồng tiền có lỗ
Bánh ổ thì ngon
Tôm càng thì béo
Cái kéo cắt may
Cái cày làm ruộng
Cái xuống đắp bờ
Cái lò thả cá
Cái ná bắn chim

Cái kim may áo
Cái giáo đi săn
Cái khăn bịt đầu
Cái gầu tát nước
Cái thước để đo
Cái mo làm quạt
Cái lạt bó mạ
Rơm rạ thay tranh
Phải học, phải hành
Để mà chóng biết.

CỐC CỐC KENG KENG

Cốc cốc keng keng
Mụ rên đi chợ
Mụ rở ở nhà
Bắt gà làm thịt
Bắt vịt chặt đuôi
Bắt ruồi chặt cánh
Đòn gánh có mấu
Con sấu có tai
Con nai có sừng
Bánh chưng thì ngọt
Roi vọt thì đau
Hàng trâu, hàng cau
Là hàng con gái
Hàng bánh, hàng trái
Là hàng bà già
Hàng hương, hàng hoa

Là hàng ông bốn¹
 Nấu cơm sồn sồn
 Đội nón gia sường
 Đi chợ tắm hương
 Là con gái Huế.

CÁI SÁO MẶC ÁO EM TAO

Cái sáo mặc áo em tao
 Làm tổ cây cà
 Làm nhà cây chanh
 Đọc canh bờ giếng
 Mỗi miệng tiếng kèn
 Hỡi cô trồng sen
 Cho anh hái lá
 Hỡi cô trồng bưởi
 Cho anh hái hoa
 Cứ một cụm cà
 Là ba cụm lý
 Con nhà ông Lý
 Mặc áo tía tô
 Con nhà thằng Ngô
 Mặc áo lang khách
 Hai con chim khách
 Đánh nhau trên cây
 Hai cái bánh dày

1. Ông bốn: còn gọi là ông từ, tức là người chăm sóc, quét dọn trong các miếu, các nhà thờ ngày xưa.

Đánh nhau mâm cỗ
 Có hai hạt đỗ
 Đánh nổ nồi rang
 Hai con kiến cang
 Đánh nhau lọ mật
 Có hai hòn đất
 Đánh vật bờ ao
 Mày tát chuôm tao
 Tao tát ao mày
 Mày đây rổ cá
 Tao đây rổ tôm
 Mày đi chợ Cầu Nôm
 Tao đi chợ cầu Rền
 Mày bán cửa đền
 Tao bán cửa vua
 Mày làm mắm chua
 Tao làm mắm thính
 Mày con ông Chính
 Tao con ông Xã
 Mày là cái cả
 Tao là thằng hai
 Mày đội bồ dài
 Tao đội nón méo
 Mày cầm cái kéo
 Tao cầm con dao
 Mày làm sao
 Tao làm vậy
 Mày đi buôn cày
 Tao đi buôn hồng
 Mày đi lấy chồng

Tao đi lấy vợ
Mày lên kẻ chợ
Tao về nhà quê.

ĐÒN GÁNH CÓ MẪU

Đòn gánh có mẫu
Củ ấu có sừng
Bánh chưng có lá
Con cá có vây
Ông thầy có sách
Đào ngạch có dao
Thợ rào có búa
Xay lúa có giàng
Việc làng có mỗ
Cắt cỏ có liềm
Câu liềm có lưỡi
Cây cà có trái
Con gái có chồng
Đàn ông có vợ
Kẻ chợ có vua
Trên chùa có bụt
Cái bút có ngòi
Con voi có quăn...

CHÚ GÌ, CHÚ CHUỘT

Chú gì, chú chuột
Chốt gì chốt tre

Bè gì, bè muống
 Ruộng gì, ruộng nương
 Đường gì, đường cống
 Cống gì, cống sập
 Sáp gì, sáp ong
 Lòng gì, lòng trời
 Chơi gì, chơi tán
 Tháng gì, tháng châu
 Châu gì, châu Bụt...

CHÚ BÉ BẮT ĐƯỢC CON CÔNG

Chú bé bắt được con công
 Dem về biếu ông
 Ông cho con gà
 Dem về biếu bà
 Bà cho quả thị
 Dem về biếu chị
 Chị cho quả chanh
 Dem về biếu anh
 Anh cho tu hú
 Dem về biếu chú
 Chú cho buồng cau
 Chú thím đánh nhau
 Buồng cau trả chú
 Tu hú trả anh
 Quả chanh trả chị
 Quả thị trả bà

Con gà trả ông
Con công phần tôi.

HỎI ĐÁP

Hỏi:

Mây ơi tao đổ mây hay
Cái gì thì cay
Cái gì thì nồng
Cái gì dưới sông
Cái gì trên đồng
Cái gì trên non
Cái gì nhiều con
Cái gì thì son
Cái gì thì tròn
Vừa bằng bàn tay
Cái gì thì dày
Cái gì thì mỏng
Cái gì no lòng
Cái gì sống lâu
Cái gì đội đầu
Cái gì dựng trầu
Cái gì cầm tay.

Đáp:

Mây ơi tao giăng mây hay
Trầu thì không cay
Vôi này thì nồng
Thuyền bè dưới sông
Thóc lúa trên đồng

Hươu vượn trên non
 Gà mái nhiều con
 Cái chỉ thì son
 Cái gương thì tròn
 Vừa bằng bàn tay
 Cây lựa thì dày
 Cây vải thì mỏng
 Cơm ăn no lòng
 Bà già sống lâu
 Cái nón đội đầu
 Cái dây dựng trâu
 Cái quạt cầm tay.

MỘT LÊN MƯỜI

Một lên mười
 Chống cột, một đôi
 Chống khoai, hai đôi
 Chống cà, ba đôi
 Chống từ, tư đôi
 Chống nằm, năm đôi
 Quét cột, một đôi
 Quét khoai, hai đôi
 Quét cà, ba đôi
 Quét từ, tư đôi
 Quét nằm, năm đôi
 Đầu quả quá giang
 Sang sông về dò
 Cò nhảy gầy chân

Dây leo bèo nổi
Ồi xanh, hành bóc vỏ
Trứng đỏ lòng
Tôm con dít vệt
Vít canh me
Bẻ canh sung
Lung tung, quét lá bàng
Vào làng xin thịt
Ra làng xin xôi
Ồi các chị em ơi
Cho tôi xin một ván... ù.

ÔNG GIẢNG ÔNG GIẢNG

Ông giảng ông giảng
Xuống chơi với tôi
Có bầu có bạn
Có ván cơm xôi
Có nồi cơm nếp
Có nệp bánh chưng
Có lưng hũ rượu
Có khiêu đánh đu
Thằng cu vỗ chài
Bắt trai bỏ giỏ
Cái đồ ằm em
Đi xem đánh cá
Có rá vo gạo
Có gáo múc nước
Có lược chải đầu

Có trâu cày ruộng
Có ruộng thả ao
Ông sao trên trời...

ÔNG GIẢNG ÔNG GIẢNG

Ông giảng ông giảng
Xuống chơi ông Chính
Ông Chính cho mõ
Xuống chơi nổi chõ
Nổi chõ cho vung
Đến chơi cây sung
Cây sung cho nhựa
Đến chơi con ngựa
Con ngựa cho gan
Đến chơi bà quan
Bà quan cho bạc
Đến chơi thợ giác
Thợ giác cho bầu
Đến chơi cần câu
Cần câu cho lưỡi
Đến chơi cây bưởi
Cây bưởi cho hoa
Đến chơi cây cà
Cây cà cho trái
Đến chơi con gái
Con gái cho chồng
Đến chơi đàn ông
Đàn ông cho vợ

Đến chơi kẻ chợ
 Kẻ chợ cho voi
 Đến chơi cây sồi
 Cây sồi cho lá
 Đến chơi con cá
 Con cá cho vây
 Đến chơi ông thầy
 Ông thầy cho sách
 Đến chơi thợ gạch
 Thợ gạch cho dao
 Đến chơi thợ rào
 Thợ rào cho búa
 Trả búa thợ rào
 Trả dao thợ gạch
 Trả sách ông thầy
 Trả vây con cá
 Trả lá cây sồi
 Trả voi kẻ chợ
 Trả vợ đàn ông
 Trả chồng con gái
 Trả trái cây cà
 Trả hoa cây bưởi
 Trả lưỡi cày trâu
 Trả bầu thợ giã
 Trả bạc bà quan
 Trả gan con ngựa
 Trả nhựa cây sung
 Trả vung nổi chõ
 Trả mõ ông Chính.

PHỤ ĐỒNG PHỤ CHỐI

Phụ đồng phụ chối
 Thối lỗi mà lên
 Ba bề bốn bên
 Sôi lên cho chóng
 Nhược bằng cửa đóng
 Phá ra mà vào
 Cách chuôm cách ao
 Cách ba ngọn rào
 Cũng vào cho lọt
 Cái roi von vót
 Cái vọt cho đau
 Hàng trâu, hàng cau
 Hàng hương, hàng hoa
 Là đồ cúng phật
 Hàng chuối, hàng mật
 Hàng kẹo mạch nha
 Nào cô bán quế
 Vừa đi vừa tế
 Một lũ học trò
 Người cầm quạt mo
 Là vợ ông chối
 Thối lỗi mà lên.

SÁO SẬU LÀ CẬU SÁO ĐEN

Sáo sậu là cậu sáo đen
 Sáo đen là em sáo đá

Sáo đá là má bồ nông
Bồ nông là ông ác là
Ác là là bà tu hú
Tu hú là chú chim ri
Chim ri là dì chim xanh
Chim xanh là anh cò bộ
Cò bộ là vợ thằng Ngô
Thằng Ngô là cô sáo sậu
Sáo sậu là cậu sáo đen...

GỐC MẺ, GỐC TRE

Vẻ vẻ ve
Gốc mẻ, gốc tre
Ta vẻ cũng nặng
Mấy núi gánh nặng
Ta vẻ hai vai
Mấy mụ lấy trai
Ta vẻ làng bắt
Mấy mụ nghèo ngặt
Ta vẻ nợ đòi
Hát chẳng ai coi
Ta vẻ hà tiện
Dầu không ai kiện
Ta vẻ dầu nhờn
Chết không ai chôn
Ta vẻ cô độc
Cây chi không lộc
Ta vẻ cây du

Cạo đầu đi tu
Ta về thầy trọc
Có vàng không ngọc
Ta về đồng đen
Cái lưỡi không răng
Ta về lưỡi cước
Có thầy không thuốc
Ta về thầy dây
Có lá không cây
Ta về bài giống
Có mái không trống
Ta về mái nhà
Có miệng không la
Ta về miệng hũ
Có áo không mũ
Ta về áo tơ
Tốt chẳng ai chơi
Ta về nộm giấy
Ruộng không ai cấy
Ta về ruộng hoang.

VỀ CON QUỐC

Nghe vẽ nghe ve
Nghe về con quốc
Ai chơi với quốc
Thì quốc cho giò
Ai chơi với bò
Thì bò cho nhau

Ai chơi buồng cau
Buồng cau cho trái
Ai chơi con gái
Con gái cho hun
Ai chơi trò mun
Trò mun cho học
Ai chơi trường học
Trường học cho hoa
Ai chơi ông già
Ông già cho răng
Ai chơi với trăng
Thì trăng cho cuội
Ai chơi côm nguội
Côm nguội cho no
Ai chơi với go
Thì go cho vãi
Ai chơi với cải
Thì cải cho dưa
Ai chơi với cửa
Thì cửa cho ván
Ai chơi chúng bạn
Chúng bạn cho tiền
Ai chơi thiên liên
Thiên liên cho thơm
Ai chơi với nơm
Thì nơm cho cá
Ai chơi với ná
Thì ná cho chim
Ai chơi với kim
Thì kim cho chỉ

Ai chơi với khỉ
Thì khỉ cho bản
Ối thôi
Trả xôi ông thần
Trả bản cho khỉ
Trả chỉ cho kim
Trả chim cho ná
Trả cá cho nôm
Trả thơm thiên liên
Trả tiền chúng bạn
Trả ván cho cửa
Trả dưa cho cải
Trả vải cho go
Trả no cơm nguội
Trả cuội cho trắng
Trả răng ông già
Trả hoa trường học
Trả học trò mun
Trả hun con gái
Trả trái cho cau
Trả nhau cho bò
Trả giò cho quốc.

CON MÈO HAY HÁT

Con mèo hay hát
Bà cho cái quạt
Để mà làm tiên
Bà cho đồng tiền

Để mà làm của
Bà cho chiếc đũa
Để mà xắn xôi
Bà cho cái môi
Để mà múc thịt
Bà cho trái mít
Để mà ăn múi
Bà cho cái cối
Để mà giã trầu
Bà cho con trâu
Để mà cày ruộng
Bà cho bó muống
Để mà thả ao
Ao mi mi tát
Mi đây rổ cá
Tao đây rổ tôm
Mi đi chợ hôm
Tao đi chợ mai
Mi con ông cai
Tao con ông chánh
Ông chánh cho xôi
Mi đến hàng nổi
Hàng nổi cho vung
Mi đến cơn (cây) sung
Cơn sung cho sữa
Mi đến con ngựa
Con ngựa cho bàn
Mi đến ông quan
Ông quan cho bạc
Mi đến thầy giát

Thầy giát cho bầu
 Mi đến cần câu
 Cần câu cho lưỡi
 Mi đến cơn buổi
 Cơn buổi cho hoa
 Mi đến cơn cà
 Cơn cà cho trấy
 Trả hoa cho buổi
 Trả lưỡi cho câu
 Trả bầu thợ giát
 Trả bạc ông quan
 Trả ban con ngựa
 Trả sữa cơn sung.
 Trả vung hàng nôi
 Trả xôi ông chánh.

VỀ CON NGHỊT CHẾT KHÔ

Rậm rịt, xậm xịt
 Con nghịt chết khô
 Con rô chết đứng
 Con ruồi cứng vôi
 Con voi dài ngà
 Con gà dài cựa
 Con heo to trồ¹
 Chiếc nồ² hay đi

1. Trồ: đầu.

2. Nồ: ghe, thuyền.

Gà ri hay gáy
Củ ráy dưới ao
Ngôi sao cô¹ trời
Cá bơi ngoài đồng
Tổ ong trong nhà²
Cái đà ngoài mương
Chàng hương³ dưới bầu
Cá tràu⁴ trong hang.

NGHÉ NHỎ

Hươ con ghé nhỏ
Lạc đàn theo chó
Lại gõ theo trâu
Nghe mẹ rống dâu
Đâm đầu mà nhảy
Hươ con ghé nhỏ,
Ham cỏ bỏ bầy
Hươ con ghé nhỏ
Ham chơi xa đàn lạc mẹ.

GỌI NGHÉ

Nghé ơi... theo ta!
Nghé bông hay là ghé hoa

1. Côì: trên, phía trên.

2. Loại ong tò vò.

3. Một loại ếch nhái.

4. Cá tràu: cá chuối, cá quả.

Như cà mới nở
 Mẹ gọi tiếng trước.
 Cất cổ chạy mau!
 Mẹ gọi tiếng sau
 Chân lỏng mà chạy!
 Có khôn thì đi theo mẹ!
 Có khéo thì đi theo đàn
 Chớ ăn quần ăn quàng
 Có ngày mất mẹ
 Việc nặng phần mẹ
 Việc nhỏ phần con
 Kéo nỉ kéo non
 Kéo đến quanh tròn
 Mẹ con ta nghỉ
 Ông khách hỏi mua
 Nhà ta chả bán
 Ông khách hỏi gạn
 Nhà ta chả cho
 Cất cổ ăn no
 Theo cây đờ mẹ.

GỌI NGHÉ

Ở ghé ơi, ghé à...
 Nghé bông ghé hoa
 Như gà trong trứng
 Mẹ nuôi mẹ nựng
 Mẹ nựng con so
 Cỏ đã bút về

Cho ghé ăn no
Cây thay cho mẹ
Ơ ghé ơi, ghé à...

Ơi ghé ơi ghé...
Một buổi hai đường
Hai buổi bốn đường
Cày dọc bờ ngang
Cày sang ruộng toóc
Cày dọc nương khoai
Cày hai nương đậu
Khoai lâu ngày to củ
Bằng ba vựa vùn
Gà mất mẹ lâu khôn
Ghé sảy đàn thậm khổ...

GỌI NGHÉ

Nghé hành ghé hụi
Mây chui cụm nào
Chân thấp chân cao
Chân nào theo mẹ
Con ghé đủ nhẹ
Mà đi theo đàn
Chớ có đông quàng
Kéo gập kẻ gian
Nó bắt mất mây
Đem tiền đi chuộc
Mới được mây về

Cái ngày hôm qua
Cái ngày hôm nay
Bắt ra kéo cày
Mày chạy xòng xọc
Đến gốc cây đa
Ra gốc cây đề
Chạy mau chạy chóng
Mà về với mẹ
Ơi, ơi, ơi, ơi.

VỀ VUI CHƠI GIẢI TRÍ

(Về nói ngược, về nói láo, về nói dối)

VỀ LỘN NGƯỢC

Nghe vẽ nghe ve
Cái vẽ lộn ngược
Voi đi dưới nước
Thuyền rượt trên bờ
Lên núi đặt lò
Xuống sông bữa củi
Gà giò hay ủi
Heo nái hay bơi
Ba mươi nước lớn
Mồng một nước ròng
Ghe lớn thì chống
Ghe nhỏ thì chèo
Ba chú nhà nghèo
Cho vay chủ nợ
Ba chú nhà giàu
Bợ trước hựt sau
Đòn xóc bữa cau
Dao tranh gánh lúa
Hay hót con cua
Hay bò chim sẻ
Đàn ông hay đẻ
Đàn ông mọc râu
Biển rộng bắc cầu
Sông sâu lội bộ
Ông quan nghèo khổ
Ăn mầy nhiều vàng

Ai thích nói ngang
Kể về lộn ngược.

VỀ NÓI NGƯỢC

Về về về về
Bắt về nói ngược
Ngựa đua dưới nước
Thuyền chạy trên bờ
Con gái nội rồi đúc súng trong lò
Con trai thợ bạc tằm trâu đái khách
Miếng ván thì đem ra rạch
Miếng thịt rước thợ về cửa
Con heo bắt ra cày bừa
Con trâu đan rọ mà nhốt
Cái nón có cột có kèo
Cái đình có tai có quai
Mặt mắng bẻ cổ ông vua
Gà con tha tổ quạ đứng hoài bụi tre
Ông voi ấp trứng sau hè
Bắt con gà què đem ra đánh giặc
Nực cười ông đất mà đẻ bà trời
Chàng hiu bẻ lá đập dơi trên đèo
Chó dạy con mèo xuống biển biết bơi
Cánh bướm sợ gió rì rà
Trời sinh con muỗi để đốt trứng gà
Đàn ông có chữa, đàn bà có râu
Bà già bạc đầu nằm ngửa trong nôi
Thế gian làm ngược xưa nay

May áo bằng chày, giã gạo bằng kim
 Đan lưới bằng kim đục lỗ khoan nêm
 Đứa no ăn thêm, đứa đói nhịn thêm
 Sáng mai xách giỏ đi hái bông sung
 Nấu chè kho mắm dậy vung
 Nấu cơm dậy rõ cho trùm kín hơi
 Rập rình gà đá tai mèo
 Tay dựng chũn chèo thuyền chạy trong kho.

VỀ NÓI NGƯỢC

Nghe về nghe về,
 Nghe về nói ngược.
 Ngựa đua dưới nước
 Tàu chạy trên đồng.
 Bảy mươi có chồng,
 Mười lăm ở giá,
 Ăn trâu với cá,
 Hút thuốc bằng vôi.
 Giã gạo bằng cối,
 Nấu cơm bằng cối.
 Vác đá đồn gỏi,
 Đắp nhà bằng bông.
 Làm ruộng đi không,
 Đánh bài cào vác cuốc.
 Ban ngày đi duốc,
 Tối lại đi dù.
 Giờ ngộ tối hù,

Canh ba đứng bóng.
Đám cưới rước bóng,
Làm tuần đưa dâu.

VỀ NÓI NGƯỢC

Nghe vè nghe vè,
Nghe vè nói ngược.
Ghe chạy đằng trước,
Ngựa tể đằng sau.
Ăn cơm với cau,
Ăn trâu với cá.
Bắt ốc bằng ná,
Bắt cá bằng chày.
Củ lại ngủ ngày,
Mèo lại ngủ đêm.
Ăn ớt thì tèm,
Ăn rau thì nướng.
Người nghèo sung sướng,
Lắm bạc đói meo.
Cám đòi ăn heo,
Gà đòi ăn diều.
Mất mùa được nhiều,
Trúng mùa được ít.
Con nít đi cày,
Mẹ cha lêu lổng.
Trẻ con đưa võng,
Ru ngủ bà già.

Hành khất ngủ nhà,
 Phú ông ngủ chợ.
 Đàn ông cưới chồng,
 Đàn bà hỏi vợ.
 Tôi đang mắc nợ,
 Có kẻ trả tiền.
 Chủ nợ rất hiền,
 Dem cho bạc nén.

VỀ NÓI NGƯỢC

Ngồi buồn nói ngược mà chơi,
 Cua đình nói liệng một trời không hay.
 Trưa trưa bắt chó ra cày,
 Trâu kia hay sữa, chuột dày ông voi.
 Bà già con nít xúm lại mà coi,
 Trời trưa đứng bóng đi soi ếch già.
 Con nít lại dắt ông già,
 Chân đi lấm đầm vậy mà té ao.
 Câu cá lấy đá làm phao,
 Lưới kia bủa lấy ào ào ngọn cây.
 Sáo mun còn ở trên mây,
 Bị gông, bị trói, bị vây giữa đồng.
 Bà già trang điểm lấy chồng,
 Con gái dốt lòng ở vậy nuôi con.
 Bảy mươi tuổi hãy còn son,
 Mười lăm mười bảy cháu con thiếu gì.

VỀ NÓI NGƯỢC

Ngồi buồn nói ngược mà chơi
 Cua đình nó liệng vàng khơi trên trời.
 Kênh kênh xuống vịnh lợi bơi,
 Heo mà rượt hổ chạy ngay giữa đồng.
 Cá lên moi củ giống lang,
 Ghe kia đang chạy trên đàng khô khan.
 Dưới đời đươn đệm bằng nan,
 Đươn thúng bằng bằng thế sự lạ xem.
 Trà Tàu quá chén thì say,
 Rượu lại kỳ rày thế sự khen ngon.
 Bút mây về trời gà con,
 Lấy sợi chỉ mòn về trời chân voi.
 Trâu kia đương ủ thêm, bờ,
 Heo kia gác ách kéo cày ngày đêm.
 Chó chạy thì chồn đuổi theo,
 Chuột gặm đầu mèo, muỗi đốt cánh dơi.
 Túc cười cơm nguội lên hơi,
 Buồm kia kiếng tổ, áo tơ viền tà.¹

VỀ NÓI NGƯỢC

Nghe về nghe về
 Nghe về nói ngược
 Ngựa đua dưới nước
 Tàu chạy trên bờ

1. *Kiếng tổ*: Cánh buồm may bằng vải tổ, một loại vải tốt.

Lên núi đặt lò
 Xuống sông bửa củi
 Gà cổ hay ủi
 Heo nái hay bơi
 Nước kém ba mươi
 Mồng mười nước dậy
 Nước rong thì đẩy
 Nước kèm thì chèo
 Mấy chú nhà nghèo
 Cho vay bạc nợ
 Nhà giàu bưng bợ
 Thiếu trước hụt sau
 Đòn xóc bửa cau
 Dao bầu gánh lúa
 Ăn trâu bằng búa
 Bửa củi bằng kim
 Thấp đèn bằng lạt
 Nhà lành dột nát
 Nhà rách không dột
 Ăn trâu bằng bột
 Gói bánh bằng vôi
 Giã gạo bằng nôi
 Nấu cơm bằng cối
 Đêm rằm thì tối
 Mồng một sáng trắng
 No bụng thì ăn
 Đói lòng thì nhịn
 Ai mà vui tánh
 Nói ngược nghe chơi.

VỀ NÓI NGƯỢC

Về về về vó
 Nghe về nói ngược
 Con chim mần tổ dưới nước
 Con cá mần tổ trên cây
 Trâu chết dất ra đi cày
 Trâu sống, chôn mày xuống lỗ
 Thuyền đi trên bộ
 Ngựa lội dưới sông
 Một bầy cá nhám lên đồng kiếm ăn¹
 Cái thằng nói ngược, thôi dà dễ nghe:
 Con voi ấp trứng sau hè,
 Con gà cao bành để đua.
 Con tôm cắn trả con cua,
 Một bầy cá mại² hù hù ăn theo.
 Cho chuột ăn mèo, cho cỏ ăn trâu.
 Chim én cắn cổ diều hâu.
 Gà con tha quạ bay đâu mịt mù !...

VỀ NÓI NGƯỢC

Lặng nghe kể ngược
 Hươu ở dưới nước
 Cá ở trên núi

-
1. Từ dòng này, có người còn đọc: *Cá nhám ăn đồng*
Chuột nhắt xuống sông, xuống nước.
 2. *Cá mại*: cá ở sông, đồng, con lớn nhất cũng chỉ bằng ngón tay cái, thịt mềm.

Dụng phân bằng túi
 Dụng trâu bằng ghe
 Bể thì có bờ
 Ruộng thì lai láng
 Hàng xẩm thì sáng
 Tối mịt thì đèn
 Hũ miệng thì kèn
 Loa miệng thì lọ
 Cân cần thì to
 Con voi bé tí
 Nhẫn nhui thì mít
 Gai góc thì dứa
 Bồ hòn thì chua
 Nước cá thì thơm
 Người nằm ổ rơm
 Nhường giường cho chó
 Thất nghiệp thì giàu
 Bay thấp bồ câu
 Bay cao thì đế
 Chua thì có mía
 Ngọt thì có chanh
 Thịt lợn mùi tanh
 Thịt ếch thì ngậy
 Ngọt thì có cây
 Chua thì bánh đường
 Đi cây bằng quang
 Gánh phân bằng ách
 Bà vãi có sách
 Ông thầy ngồi không
 Quan cả đeo gong

Thằng tù xử kiện
Cái kiến thì to
Con bò bé tí.

VỀ NÓI NGƯỢC

Thất nghiệp thì trọng
Vua chúa thì hèn
Tối như ngọn đèn
Sáng như thàng xẩm
Cơm nếp lăm cẩm
Cơm tẻ dẻo dai
Rắn như khoai lang
Bở như hòn đá
Trên vườn thả cá
Dưới ao trồng bông
Chuôm ao ngoài đồng
Để rắc hạt dưa
Cò ăn từ sáng đến trưa
Bắt vào cày bừa
Hết cả ruộng nương
Voi thì nằm ở gấm giường
Cóc đi đánh giặc tứ phương nhọc nhằn.

NÓI NGƯỢC

I

Trời mưa cho mối bắt gà,
Đòng đòng, cân cán đuổi cò xôn xao.

Lươn nằm cho trúm bò vào,
 Một đàn cào cào đuổi bắt cá rô.
 Thóc giống cần chuột trong bồ,
 Một trăm lá mạ đuổi vồ con trâu.
 Chim chích cần cổ điều hâu,
 Gà con tha quạ biết đâu mà tìm.

II

Bong bóng thì chìm
 Gỗ lim thì nổi
 Đào ao bằng chổi
 Quét nhà bằng mai
 Hòn đá dẻo dai
 Nắm xôi rắn chắc.

III

Gan lợn thì đắng
 Bò hòn thì bùi
 Hương hoa thì hôi
 Thơm tho thì cú
 Trâu thì hay sữa
 Chó thì đi cày
 Mật mía thì cay
 Ớt tiêu thì ngọt
 Mèo thì hay hót
 Chim thì hay meo...

IV

Cá thì ở động
 Chim ở vực sâu
 Nhanh nhẹn là trâu
 Nặng nề là bướm
 Voi đi thì chóng
 Ngựa đi khoan khoan
 Ngọt, lấy thợ hàn
 Than, lấy thợ kẹo
 Mặt gương thì méo
 Lèo kéo thì tròn¹
 Quả sung thì ngon
 Thịt gà thì chất
 Ở gần thì vạt (ném)
 Ở ngái (xa) thì trao
 Ngắn thì đo sào
 Dài thì đo lẻ (que)
 Ngái (hồ) kêu "ngó nghe"
 Nghé kêu "ắc ùm"
 Mõ đánh "ắc ùm"
 Mõ đánh "thì thùm"

-
1. *Lèo kéo*: bộ phận của cái kéo, chỗ cầm để cắt. Theo các cụ cho biết, chỗ này ngày xưa người ta làm thành còng queo. Các câu 7, 8, 9, 10 của bài IV, có người đọc là:

Gặp ông thợ hàn
Hàn gương hàn kéo
Gương ông thì méo
Kéo ông thì tròn

Trống kêu "lốc cốc"

.....

Xa thì năm ngày

Gần thì một tháng

Rau cải thì nắng (nướng)

Thịt lợn muối chua

Bắt chó đi bữa

Bắt trâu ngồi bếp

Thơm tho là nếp

Hôi hám là hoa

Voi đi bò trà

Rắn thì ngát nghều

No đi xấu rếu

Đói đi hung hăng

Ngựa thì đi bằng

Trâu thì đi nhót

Nhà giàu thì mót

Nhà khó coi gặt

Chuồn chuồn đánh giặc,

Ngựa đậu hàng rào.

Rộng rãi là ao

Hẹp hòi là bể...

V

O a, o a nói ngược

Chim thì đẻ nước,

Cá thì đẻ cây

Thuyền chèo lên bộ

Ngựa bầy thì chạy dưới sông
Quan thì xuống đồng
Dân thì viết trát
Mùa đông thì mát
Nóng bức mùa đông
Vai đề lên gánh, mối xông ăn gà.
Đàn ông ru con ở nhà,
Bao nhiêu đàn bà đánh giặc cho vua.
Con trâu cấp cọng con cua,
Một bầy chuột nhất chạy đua với mèo
Trời làm cho cá ăn heo,
Cho chuột ăn mèo, cho cỏ ăn trâu.

VI

Trời đen thì nắng
Trắng trời thì mưa
Nhiều hột thì dừa
Ít hột thì mít
Thúi thì mùi nhang
Đứa ở nằm giường
Chủ nhà nằm nóng
Thằng dân thì trọng
Đức chúa thì hèn
Giấy bản thì đen
Mực tàu thì trắng
Thịt lợn thì đắng
Bồ hòn thì bùi

Đám ma thì vui
 Đám cưới thì khóc
 Cua thì có nọc
 Rắn thì có cang
 Khét thì mùi nhang
 Thơm thì mùi trứ (trấu)
 Đàn ông có vú
 Đàn bà rậm râu
 Hay sữa là trâu
 Hay cày là chó
 Bò nằm trong giỏ
 Bắt ếch đi bữa
 Con mèo kéo cửa
 Thợ mộc bắt chuột
 Con khỉ tươi tốt
 Nàng tiên xấu xa
 Nghiến răng là gà
 Hay gáy là cóc
 Đỗ thì cấy rộc
 Rau muống cấy vườn
 Ngắn thì con lươn
 Dài thì con ốc
 Cái trống kêu cóc
 Cái mõ kêu thùng
 Xấu là con công
 Đẹp là con cú
 Ố anh, ố chú
 Nói ngược ta chơi.

VỀ NÓI NGƯỢC

Ve vè vè ve
 Bắt vè nói ngược:
 Trúng chập bể đá
 Gà con bắt quạ,
 Chuột lại bắt mèo
 Chim thì hay trèo
 Dê thì hay dũi.
 Xúc thì bằng nhủi,
 Quét thì bằng mai.
 Tròn thì bù dài
 Méo thì cái thúng.
 Việc dân thì trọng
 Vua chúa thì hèn.
 Giấy bản thì đen
 Mực tàu thì trắng.
 Thịt lợn thì đắng
 Bò hòn thì bùi.
 Thơm tho mọi mùi
 Là loài chim cú.
 Đàn ông lớn vú
 Đàn bà rậm râu
 Hay cắn là trâu
 Hay cày là chó.
 Bò thì ở lỗ
 Bắt ếch ra bờ.
 Mèo thì kéo cửa
 Thợ mộc bắt chuột.

Khỉ thì tươi tốt
Tiên lại xấu xa.
Voi thấp la đà
Cóc cao ngất nghểu.

BẢN 2

Chuồn chuồn đánh giặc
Voi đồ càn rào
Rộng rãi thì ao
Hẹp hòi thì biển.
Đẹp tốt thì khỉ
Xấu xa thì tiên.
Bong bóng thì chìm
Gỗ lim thì nổi.
Đào ao thì chổi
Quét nhà thì mai,
Tròn thì bù dãi
Méo thì miệng thúng.
Đàn ông lớn vú
Đàn bà rậm ru (râu)
Hay cắn là tru (trâu)
Hay cày là chó.
Trâu bò ở lỗ
Cóc nhái đi bờ
Con mèo đi cửa
Thợ mộc bắt chuột...

VỀ MỤ ĐẦN

Đây là bài về nói ngược khá ngộ nghĩnh, đầy tính bông đùa hài hước, dễ mua vui giải trí mà cũng gián tiếp giáo dục người đời, nhất là trẻ em. Với bài "Mụ Đần" người ta muốn thông qua "cái ngược" để có thể nhận thức sâu sắc hơn "cái thuận" trong tự nhiên và xã hội.

Bài này không mang tính phê phán mà chỉ chế giễu những ai là "đần" tí chút cho vui.

Ve ve bắt về mụ Đần,
Dáy (dạy) ăn, dáy mần
Dáy thằng đứa ở:

Ló (lúa) phơi thì trở
Rơm phơi thì quây
Nước mắm đóng dầy
Muối thì đóng mạnh (miệng)

Tháng năm rét lạnh
Tháng mười ở trần
Tốt thì đi mần
Ngày thời nằm ngủ.

Lợn thì thả rú
Bò thì thả nường
Củ để trong buồng
Ló để ngoài ngõ.

Bồ sừa dựng ló

Bỏ dày đựng khoai
Áo cánh mặc ngoài
Áo dài mặc lót.

Qua mương lội trước
Ăn cỗ đi sau
Dao phay bổ cau
Đúc hành thì xuống.

Đôi rú trồng muống
Đôi ao trồng cà
Chê đắng thịt gà
Ngọt hoa quế rụng

Thịt gà rau húng,
Thịt chó lá chanh
Ông lý nằm chiếu manh
Ăn mây nằm chiếu miếu

To là con kiến
Nhỏ là con voi
Rủ chắc đi coi
Con mụ đàn nói ngược.

NÓI NGƯỢC

Hỡi người hàng xú kia ơi
Lặng nghe anh hoạ ngược đời cho nghe
Ốc nhồi cần cổ vịt le

Cỏ non tháng sáu cần què mồm trâu
Gà con cấp cổ điều hâu
Một đàn châu chấu đá râu ông già
Các chị đàn bà bóp vú đàn ông
Người nằm cho lợn cạo lông
Một chục quả hồng nuốt cụ tám mươi
Nấm xôi nuốt trẻ lên mười
Con gà be rượu nuốt người lao đao
Lươn nằm cho trúm bò vào
Một đàn cân cần đuổi đàn cá rô
Thóc giống đuổi chuột trong bồ
Đồng đong cân cần lại vô cò con.

Bước sang tháng sáu gió chân
Tháng một nằm trần, bức đồ mồ hôi
Con chuột kéo cây lồi lồi
Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong
Vườn rộng thì thả rau rong
Ao sâu vãi cải lấy vồng làm dưa
Đàn bò đi tắm đến trưa
Để cho đàn vịt cày bữa ruộng nương
Voi kia nằm ở gầm giường
Cóc đi đánh giặc tứ phương nhọc nhằn
Chuồn chuồn thấy cá liền ăn
Lợn sẽ thấy cá nhọc nhằn bay qua
Trời mưa cho mối bắt gà
Đồng đong cân cần mổ cò xôn xao
Trời làm một trận khô khao
Ốc cần mồm chuột lẳng vào bụi tre
Lẳng lẳng em họa anh nghe

Kìa kìa cây cỏ cần què mồm trâu
Ai kìa tát nước đầu cầu
Dăm ba con mái quật đầu liu điu
Nhà bà có mèo thì treo
Năm ba miếng mỡ cấp mèo tha đi.

VỀ NÓI LÁO

Nghe về nghe về
Nghe về nói lão
Có một cây pháo
Đốt nổ sập nhà
Có một con gà
Đẻ ba trăm trứng
Có một quả trứng
Nở chẵn ba con
Trồng một cây gòn
Bán chơi bạc triệu
Có cây củ kiệu
Ngó thấy bên Tàu
Có một cái bao
Đựng chừng ngàn gia
Có một con quạ
Nuốt hết trăm heo
Có một con mèo
Mười hai con mắt
Có một con người
Mười hai lỗ rún.

VỀ NÓI LÃO

Nghe vè nghe vè
Nghe vè nói lão
Trong nhà không gạo
Nói những lúa thiên
Không có đồng tiền
Nói dư muôn bảy
Chưa mua lưới đáy
Nói đóng hàng khơi
Chưa nói một lời
Việc xong hết thấy
Sinh con chưa chạy
Nói có đích tôn
Nước mông tới trôn
Nói trên cần cổ...

VỀ NÓI LÃO

Ngồi buồn đặt chuyện lão thiên
Hỏi nhỏ tôi có đi khiêng ông trời
Ra đồng thấy muối bắt dơi
Bọ hung làm giỗ đi mời ông voi
Nhà tôi có một củ khoai
Xắt năm thúng vẫn hằm hỏi còn dư
Nhà tôi có bụi khoai từ
Bới lên một củ hằm lẫn hứ nửa vườn
Tôi vừa câu được con lươn

Cái thịt quết chả cái xương dẻo chày
 Nhà tôi có một cái dàn xay
 Đầu cong bịt bạc, đầu ngay bịt vàng
 Nhà tôi có một cái ang
 Gạt lên bảy làng đong hấy còn lưng
 Nhà tôi có một bụi gừng
 Bới lên một củ ước chừng một đòn xeo
 Nhà tôi có một con mèo
 Bữa mô hết thịt hấn lên đèo bắt nai
 Nhà tôi có một cái chai
 Đựng tám thùng mắm với hai thùng dầu
 Ông già tôi có bộ râu
 Tôi bút một cái đem câu con cá chình.
 Nói ra chị em chớ có khinh
 Vì thiên hạ đều nói lão chứ không mình chi tôi.

VỀ NÓI LÁO

Nhà tôi có một con gà
 Ngày ngày nó đói lên đèo bắt nai
 Nhà tôi có một củ khoai
 Chẻ ra phân nửa chắt hai căn nhà
 Nhà tôi có một con gà
 Ngày ngày nó đẻ ra ba trứng vàng
 Ông tôi có một cái thang
 Dem ra tất cả ba ngàn nấc thang
 Ghe tôi có một cái sào
 Gốc cắm thời tới âm phủ
 Ngọn cao tới ông trời

Nhà tôi có một cái nồi
Để ba táo¹ gạo mà nồi còn lưng
Nhà tôi có một bụi gừng
Nhổ lên đi bán độ chừng bốn xe
Nhà tôi có một cây me
Hái vô một trái bằng hũ ghè đựng tương.

VỀ NÓI LÁO

Nghe về nghe về
Nghe về nói lão
Chiếc tàu đang chạy tôi tháo lại lui
Vô rừng bắt ổ ong ruồi
Mật thì ba máng, sáp thì hai ghe
Chống trên một lát bầy bè tôm khô
Nhà tôi có một bà cô
Lấy chồng tám tháng đẻ con tám người
Nói ra thấy chuyện thật cười
Trồng một cây cải chín mười năm nay
Bẹ nó cửa ván ngày dài
Lót thêm bảy phở lót rồi còn dư
Gốc nó tôi chẻ làm tư
Làm bốn cột trụ bắc cầu ngang sông
Năm nay lúa thóc ngàn đồng
Trồng một cây lúa chở năm ghe lỏng
Nhà tôi có bụi tầm vong

1. *Táo*: đơn vị đo lường, thường dùng để lường lúa, gạo, đậu (mỗi táo bằng 20 lít).

Trèo lên trên đọt nắm rồng trên mây
 Nhà tôi có một con trâu bầy
 Hai sừng nó mọc vậy thì tám đuôi
 Vô rừng bắt cọp mà nuôi
 Cọp thì mặt chúa đuôi thì đuôi cong
 Bắt vòng trồng một vòng khoai
 Khoai lang một củ chở hai ghe lườn
 Bắt vòng trồng một cây xoài
 Chờ khi có trái chở nài đi tu
 Túc mình nói lão ăn tiền
 Sang năm tôi kéo cây kiềng tạ tư.

VỀ NÓI DÓC

Nghe về nghe ve,
 Nghe về thằng dóc.
 Một con cóc mà nói năm thằng.
 Một con thần lằn mà có tám vảy.
 Một củ cải ăn hết cả nhà.
 Một con gà mà có sáu móng.
 Một con còng mà có năm mắt,
 Một con ốc siết vào bù lon.
 Một cái lon năm thằng vội tưới,
 Một cái tượng chín thằng té nhào.
 Một bồ cào mà có năm góc,
 Một trái cóc mà ăn ớn quá.
 Một con cá mà không biết lội,
 Một cái bội đựng chín ngàn con.
 Một cái lon mà có tám chục lít,

Một bánh ít mà mười thằng ăn.
Một con lẳng quăng biết đánh lộn,
Dóc ơi là dóc sao mà dóc quá!

VỀ NÓI DÓC

Tôi nói dóc không ai dám bì,
Tôi ra ngoài biển Ô Kỳ (?)
Tàu đồng dương chạy tôi nín trỉ như không.
Tôi vô giếng lấy đất lấp sông,
Bắt được con cộp đem về cỡi chơi.
Tôi trồng một cây cải trời,
Nó ra một lá người đời thất kinh.
Một mình tôi ăn bảy nổi ba,
Bộ ván tôi ngủ rộng đà năm gian.
Tôi trồng một dây khổ qua,
Nó ra trái chiếng bán đà tám trăm.
Trời sanh cây xoài cà lăm,
Tam niêu quả thiệt hột bằng cái lu.
Trời sanh đám mía mịt mù,
Chặt vô một lóng ăn chơi tám làng.
Chuối tiêu nải bằng cái sàng,
Trà Huế năm làng uống mãi tư niên.
Rồi mùa rồi lại ăn ong,
Lấy chơi tám gánh, mật đọng muôn thùng.
Ngồi buồn tính chuyện điên khùng,
Chiếc ghe tám lỗ thiệt đà bể hai.
Giữa đường không có dầu chai,
Lấy đất mà trét đi hai năm trời.

VỀ NÓI LỐI

Buổi mai ngủ dậy,
 Ra tắm bể Đông.
 Đạp cây xương rồng,
 Kéo lên chín khúc.
 Gặp mẹ bán cá úc,
 Đổ máu đầu cầu.
 Gặp mẹ bán dầu,
 Dầu trơn lấy lấy.
 Gặp mẹ bán giấy,
 Giấy mỏng lành tanh.
 Gặp mẹ bán chanh,
 Chanh chua như dấm.
 Gặp mẹ bán nấm,
 Nấm lại một tai.
 Gặp mẹ bán khoai,
 Khoai lòi một cổ.
 Gặp mẹ bán rổ,
 Rổ sưa rức rức.
 Gặp mẹ bán ếch¹,
 Ếc nhảy lom xom.
 Gặp mẹ bán đom,
 Đom đỏ loi loi.
 Gặp mẹ bán mối²,
 Mối mận như trường.

1. Ếc: ếch.

2. Mối: muỗi.

Gặp mẹ bán đường,
 Đường đen thui thúi.
 Gặp mẹ bán chửi¹,
 Chửi nhọn veo vẻo.
 Gặp mẹ bán kéo,
 Kéo sổ ngặc² ra.
 Gặp mẹ bán ca³,
 Ca kêu chín chít.
 Gặp mẹ bán mít,
 Mít mủ cả tay.
 Gặp mẹ bán cối xay,
 Xay kêu lộn cộn.
 Gặp mẹ coi động⁴,
 Mẹ ơi là mẹ!

VỀ THẲNG BỌM

Về về về về
 Nghe về thẳng Bọm
 Nấu cơm chưa chín
 Đi tắm biển Đông
 Đạp phải xương rồng
 Chặt ra chín khúc

1. *Chửi*: chửi.

2. *Ngặc*: vòng khuy hay chốt giữ, khi gắn hai vật rời với nhau (*sổ ngặc*: bung rời ngặc ra).

3. *Ca*: gà.

4. *Động*: đồi, núi.

Gặp mụ bán ốc
 Máu chảy đỏ ngầu
 Gặp mụ bán dầu
 Dầu thơm bông lý
 Gặp mụ bán bí
 Bí chẽ hai gianh¹
 Gặp mụ bán chanh
 Chanh chua như giấm
 Gặp mụ bán nấm
 Trọc óc trọc tai
 Gặp mụ bán khoai
 Cong lưng ngoẹo cổ
 Gặp mụ bán rổ
 Rổ sưa rức rức
 Gặp mụ bán ếch
 Ếch nháy lom xom
 Gặp mụ bán dom
 Dom đỏ lòi lói
 Gặp mụ bán mối
 Mối mận như trường
 Gặp mụ bán hương
 Hương thơm phưng phức
 Gặp mụ bán mít
 Mít đen thùi thui
 Gặp mụ bán chui
 Chui nhọn veo veo
 Gặp mụ bán kẹo

1. *Gianh*: miếng, khoanh.

Kẹo dẻo như da
 Gặp mụ bán ca
 Ca kêu cút kít
 Gặp mụ bán mít
 Mít toàn cả xơ
 Gặp mụ bán tơ
 Tơ vò một nắm.

VỀ KỂ VẬT, KỂ VIỆC

I - VỀ THỰC VẬT

(Cây, lá, rau, hoa, quả)

KỂ CÂY

Vỏ vỏ vò vo
Cây nhỏ cây to
Cây cò đậu
Cây sáo sậu trèo
Cây rắn leo
Cây mèo nhẩy
Cây gãy cành
Cây xanh lá
Cây xây rạ
Cây chồng rơm
Cây đơm quả
Cây xả hương
Cây bám tường
Cây cắm đất...
Ta ngồi ta nói thật
Cây tre xanh cật
Ruột trắng như bông
Cây mít đỏ lòng
Cây thông nứt vỏ
Cây ngó thân mềm
Cây sên cứng cáp
Cây núc nác da xanh

Cây chanh chua quả
Cây vả cây sung
Là cùng chú bác
Cây nần cây lác
Hay mọc giữa đồng
Cây đậu cây bông
Hay ưa ruộng cạn
Cây khoai lạng vạng
Leo dọc vồng cao...
Ăn quả cây nào
Ta rào cây ấy:
Quả hồng béo ngậy
Da đỏ hồng hào
Quả cam xanh xao
Múi ăn thì ngọt
Quả bòng quả lót
Chua lét chua le,
Quả đào ngon ghê,
Quả na ngon gớm,
Quả thị vàng rộm
Thơm lựng cả nhà.
Hương ổi bay xa
Gọi người đến hái...
Còn cây cỏ dại
Chẳng ai thèm nhìn.
Mời bạn ngồi im
Nghe tôi nói thật
Cây lúa là nhất
Ở giữa trần đời
Ta đi dạo khắp trăm nơi

Cây lúa đẹp nhất ở nơi đồng làng.
 Một cây
 Hai cây
 Ba cây
 Bốn cây
 Năm cây
 Cây làm vày
 Cây làm cột
 Cây che dột
 Cây làm xà
 Cây cúng hoa
 Cây đơm trái (trái)
 Cây cho gậy
 Cây đóng thuyền
 Cây đan phen
 Cây chắn dậu
 Cây đậu leo
 Cây khiêng heo
 Cây đeo chó
 Cây đánh hổ
 Cây bắt voi
 Cây làm roi
 Đi đánh giặc

VỀ KỂ CÂY

Nói là về kể cây nhưng kể cả quả, cả lá, cả mùi quả. Bài về tuy ngắn nhưng nó cũng cho biết một số cây gần gũi thường thấy ở nông thôn.

Chơi hoa nên biết tính cây,
Biết cây tính hạnh vốn rày nhỏ khôn.
Sung sướng thay có một cây sung,
Ơn trời lăm trái xoay vòng tứ vi.
Xấu thay có một cây si,
Trồng trong bể cạn có khi dầm đoà.
Ngã ba có một cây đa,
Chát chua ai biết, mặn mà ai hay.
Cửa chùa có một cây chay,
Vỏ thời ăn được, quả cây đều dùng.
Trước ngõ có một cây hồng,
Ai chưa lấy chồng, ăn quả hồng ngâm.
Quý thay cây quýt, cây cam,
Tiếng chua tiếng ngọt, bắc nam đều dùng.
Tốt thay cây bưởi cây bòng,
Vỏ thời he hái, múi trong chua lôm.
Nhân thời về tiết tháng năm,
Cây dùm dola lá, quả ăn ngọt lừ.
Trong vườn cây ổi, cây na,
Cây đào cây mận đôi ta thường trèo.
Trong ao có những cây bèo,
Không trồng mà thả cho heo ăn hàng ngày.
Mít kia cũng thực quý thay,
Làm chùa, tạc tượng ngày rày cũng thiêng.
Cây thông làm những cột đèn,
Cây vàng lá bạc kết nguyên đôi ta.

KỂ CÂY

Ngồi buồn anh họa bài cây
Lên rừng khắc tạc đánh cây xoan đào

Cây lim với lại xoan đào
 Lim thời lấm rề xoan đào thời gai
 Cây mít vốn nó đại tài
 Mang về tạc tượng để ngai mà thờ
 Nhất thẳng là cây gỗ chò
 Cây sến, cây táu làm chùa Tam Thanh
 Cây đại vốn nó đàn anh
 Cây hồng nó chỉ rắp ranh một bề
 Cây sói với lại cây lê
 Vốn nó mang về làm cảnh nhà ta
 Cây đề với lại cây đa
 Tựa nơi bóng Phật xem đà làm sao
 Cây táo mọc ở hàng rào
 Cây tre nó lại cao cao một dòng
 Kìa như cây trúc hoá long
 Cây mai nó nở ra dòng cây mai
 Bồ kết nó lại lấm gai
 Cây thị thảng bầy ai ai cũng tìm
 Lên rừng cây bứa, cây sim
 Thấy cây núc nác đi tìm cây đa
 Cây cau mọc ở trước nhà
 Phận em là gái biết là cây ai
 Cây dừa vốn nó lấm gai
 Cây đào cây mạn mọc ngoài cây lê
 Cây chuối vốn nó bốn mùa
 Ai trông thấy nó không mua cho đành.

KỂ CÂY

Lim tơ cho chí xoan đào
 Lim thời lấm lõi, xoan đào thì dai

Cây mít là cây ngoại tài
Để người tạc tượng lên ngai mà thờ
Thẳng nhất là cây gỗ chò
Hình dung hoàng đế bao giờ gặp nhau
Bây giờ em nói cây cau
Bốn mùa ấp ở đằng sau mái nhà
Cây thông cho chí cây đa
Đừng nhờ bóng Phật, cội mà rừng xanh
Cây quế nó ở trong Thanh
Ai ai cũng muốn vịn cành mà chơi
Cây lúa vốn nó thương người
Nó mà xanh tốt thì ai cũng mừng
Bé nhỏ là giống cây gừng
Ai làm cay đắng để lòng xót xa
Vào vườn cây táo, cây na
Kìa như cây khế nó là của chua
Cây đậu mọc trước cửa chùa
Kìa như cây mái cây mua ngoài đồi
Bây giờ nói đến cây chanh
Cây dừa, cây chuối thì cành nó dàu
Cây chay rọc vỏ ăn trầu
Bây giờ nói đến cây dâu chần tầm
Một nong tầm bằng năm nong kén
Một nong kén bằng chín nén tơ
Cây đào, cây mận, cây mơ
Kể ra muôn vạn, bao giờ cho thôi.

VỀ CÁC THỨ LÚA

Hồng hồng gấm lụa
Là lúa ráng mây

Thừa chun đủ tay
 Là chàng ba túc
 Minh mảy gai góc
 Là lúa xương rồng
 Sợ gió mùa đông
 Chàng chùm cần thận
 Tánh hay nhâm lẫn
 Lúa lộn lung tung
 Đi đất chuyển rung
 Tàu binh ì ạch
 Thân thể trong sạch
 Trắng lựa dễ yêu
 Hỏi giá bao nhiêu
 Ba trăm chắc chắn
 Biết rõ dài vấn
 Là lúa ba sào
 Ăn mặc một màu
 Lúa nâu đậm bạc
 Trêu ghẹo vị giác
 Chùm ruột tròn tròn
 Nhà chỉ một con
 Tên là thẳng nhưt
 Nửa đường khổ cực
 Là lúa gãy xe
 Đẹp chẳng cần khoe
 Lúa thơm quyến rũ
 Hai dòng máu mủ
 Là lúa tàu lai
 Hồn không nguôi ngoai
 Nàng hương cô độc

Chạy kêu lóc cộc
Ngựa đỏ đưa đường
Không ai tỏ tường
Chính danh lúa lạ
Giống như rải mạ
Là lúa đuôi trâu
Cát rừng gặp nhau
Sa lâm tường ngộ
Xưng tên khó nhớ
Là col - bà - ao
Mệt mỗi chớ nao
Là nàng chết cục
Bán ba thừa sức
Xà nách tân thời
Xin chẳng hỏi hơi
Chính là tàu nút
Tên nghe kì cục
Là cà sa la
Trà móc cà dưng
Xe xiêm tá túc
Công ngộ đốc ràng
Tàu hương ba chúc
Lượm trắng lượm vàng
Cùng so chàm cá
Cẩn vỏ lời ra
Nàng thân thơm ngọt
Hay đâm hay thọc
Là lúa trắng soi
Ban đêm khó coi
Là lúa đen mỡ

Che mưa đỡ khổ
 Chính tên lúa hiền
 Mua không tiếc tiền
 Có nàng trắng lớn
 Mình không như bốn
 Trắng nhỏ hèn hò
 Còn lúa ho so
 Chẳng Miên thì Thái
 Thắc mắc mà chi
 Dù trai hay gái
 Tên cũng êm ái
 Là so mà ra
 Giải nghĩa khó ra
 Đọc mãi sẽ nhớ
 Có chàng ếch vàng
 Phóng nhảy nhộn nhàng
 Chính anh trắng tếp
 Khen hoa phượng đẹp
 Lượm cổ xỏ râu
 Bay không biết mệt
 Nếp quạ trọc đầu
 Rồi loạn tơ chỉ
 Mắc cửi khó khăn
 Nhai sợ dính răng
 Đó là nếp kẹo
 Hay ưa trêu ghẹo
 Chính tên nếp ruồi
 Bị giựt sút môi
 Nếp rò ruột cá
 Cộng chung tất cả
 Còn có nếp mùa.

VỀ LÚA MIỀN TÂY

Mạ gieo lên mộng
Gồm lúa có tim
Gần bùn không đen
Bông sen tên thị
Buồn hoài buồn huyễn
Chính lúa nàng Già
Không mẹ không cha
Nàng Lôi đành phận
Tháng ngày thôn bện
Là lúa nàng Diên
Đi sợ mối chùn
Là lúa nàng Phật
Bà con cùng ếch
Nàng Nhái bốn chân
Được chiu được cưng
Chính cô nàng Út
Niềm riêng lén lút
Là lúa nàng Tây.

KỂ LÁ

Lá thông thì ở trên cao
Lá sen rụng xuống biết vào tay ai
Lá mít đóng oản cứng trời
Lá chè quạt nước để người uống chơi
Lá hồng rụng xuống nàng ơi
Còn như lá cạy chơi bởi với ai

Kìa như lá trúc, lá mai
 Thương ai mà lại đứng ngoài bờ ao
 Lá đào lá liễu làm cao
 Có cho lá mạn ra vào dây không
 Lá lậu đứng ở bờ sông
 Lá dừa gói bánh, vợ chồng kết nhau
 Còn như một cái lá cau
 Để mà làm rế¹ cho nhau quét đường
 Lá đa mọc ở bên đường
 Lá cam, lá quýt tơ vương lá đào
 Lá bồ thì cũng xinh sao
 Lá bàng anh để cho nàng nhuộm răng
 Còn như một cái lá chanh
 Dem về nấu nước cho anh gội đầu
 Xinh xinh là những lá giầu
 Để cho đây đấy gieo cầu kết đôi.

CÁC THỨ RAU

Nghe vè vè vè
 Nghe vè các rau
 Thứ ở hỗn hào
 Là rau ngành ngành
 Trong làng không chánh
 Vốn thiệt tâm lang
 Đất rộng bờ ngang
 Là rau muống biển

1. Rế: Chối rế.

Quan đòi thầy kiện
 Bình bát nấu canh;
 Ăn hơi tanh tanh
 Là rau dấp cá,
 Có ba không má
 Rau má mọc bờ
 Thò tay sợ dơ
 Nó là rau nhót
 Ăn cay như ớt
 Vốn thiệt rau răm
 Sống trước ngàn năm
 Là rau vụn thọ
 Tính hay sợ vợ
 Vốn thiệt rau co
 Làng hiếp chẳng cho
 Thiệt là rau húng
 Lên chùa mà cúng
 Vốn thiệt hành hương
 Giục ngựa buông cương
 Là rau mã đề.

VỀ CÁC THỨ HOA

Trời làm hạn hán,
 Nước biển mặn mòi.
 Vác móng mà xoi,
 Là hoa bông giống.
 Hay bay hay liệng,
 Là hoa chim chim.

Xuống nước mà chìm,
 Cái hoa bông đá.
 Làm bạn với cá,
 Là hoa san hô.
 Ở Hán sang Hồ,
 Là hoa bông khách.
 Đi mà đụng vách,
 Là hoa mù u.
 Cạo đầu đi tu,
 Là hoa bông bụt.
 Khói bay nghi ngút,
 Là hoa hắc hương.
 Nước chảy dầm đường,
 Là hoa mười tước.
 Đi ăn đám cưới,
 Là cái hoa dâu.
 Muốn tắm ao sâu,
 Là hoa muống biển.
 Nói bậy đi kiện,
 Là hoa mít nài.
 Trèo cao có tài,
 Là hoa cứt chuột.
 Cây suôn đậm đuột¹,
 Là hoa cứt dê.
 Ở lính anh về,
 Là hoa bông trốn.
 Ra trái chộn rộn²,

1. Rất thẳng.

2. Từng chùm, nhiều quả.

Là hoa thấu đau.
Khéo uốn lười câu,
Là hoa lành ngạnh.
Ăn vụng bị đánh,
Là hoa lọ nổi.
Khốn khổ thân tôi,
Là hoa bồ ngót.
Giận ai chua xót,
Là hoa chà rang.
Quần áo lang thang,
Là hoa mấn giẻ.
Không già không trẻ,
Là hoa bạc đầu.
Thiên hạ tối câu,
Là hoa bông lúa.
Hay làm hay múa,
Là hoa vòng xay.
Cho mượn cho vay,
Là hoa cam thảo.
Cứu người làm đạo,
Là hoa sa nhơn.
Đụng chút mà hờn,
Là hoa chết giả¹.
Vui chơi thông thả,
Là cái hoa chè.
Muốn đứng gần xe,
Là hoa vạn lý.

1. Còn gọi là hoa ngủ ngày.

Niên cao đắc kỷ,
 Là hoa vạn thọ.
 Đêm nằm tỏ rõ,
 Là bông hoa trắng.
 Không nói không rằng,
 Là hoa ngủ điếc.
 Xanh xanh biêng biếc,
 Là cái hoa chàm.
 Ăn nói chàm nàm¹,
 Là hoa chùm rượu.
 Đi mà lộn lạo²,
 Là cái hoa dâm³.
 Đi tối về thâm,
 Là hoa bông bọ.
 Già mà không vợ,
 Là hoa tóc tiên.
 Xấu vị vô duyên,
 Là hoa thúí địt.
 Làm mà chẳng kịp,
 Là hoa rau lủ.
 Rửa nhau bữa củi (bổ củi)
 Là hoa đầu riu.
 Lo xế lo chiều,
 Là hoa bông cái.
 Rửa nhau làm vải,
 Là cái hoa bông.

1. Huyền thuyên, gây gổ.

2. Lộn xộn, lẫn lộn, trà trộn.

3. Tức là hoa dâm bụt.

Xuống quán ngồi không,
Là hoa bông chén.
Xuống rừng mà trên¹,
Là hoa vôi vôi.
Rủ nhau bán nôi,
Là hoa bướm bướm.
Đổ mà khó lượm,
Là cái hoa mè...

VỀ HOA

Hỏi Hán qua Hồ,
Là hoa bông sứ.
Gìn lòng, nắm giữ,
Là hoa từ bi.
Ăn ở theo thì,
Là hoa bầu ngọt.
Thương ai chua xót,
Là hoa sầu đầu.
Có sông, không cầu,
Là hoa nàng cách.
Đi mà đụng vách,
Là hoa mù u.
Cạo đầu đi tu,
Là hoa bông bụt.
Khói lên nghi ngút,
Là hoa hắc hương.

1. Thẹn.

Nước chảy dầm đường,
 Là hoa mỏng tơ.
 Rửa nhau đi cưới,
 Là hoa bông dâu.
 Nước chảy rạch sâu,
 Là hoa muống biển.
 Rửa nhau đi kiện,
 Là hoa mít nài.
 Gái mà theo trai,
 Là hoa phát nhũ.
 Đêm nằm không ngủ,
 Là hoa nở ngày.
 Bận chẳng lìa cảnh,
 Là hoa bông cúc.
 Nhập giang tùy khúc,
 Là bông hoa chiu.
 Ở mà lo nghèo,
 Là hoa đu đủ.
 Đi theo cậu thủ,
 Là hoa mắng quân.
 Đánh bạc cố quần,
 Là bông hoa ngổ.
 Ngồi mà choán chỗ,
 Là hoa dành dành.
 Giận chẳng đua tranh,
 Là hoa bông ngải.
 Bắt đi tha lại,
 Là hoa phù dung.
 Ăn ở theo đường,
 Là bông hoa thị.

Theo mẹ bán bí,
Là hoa hanh hao.

VỀ KỂ HOA

Cũng như bài về kể chim, về kể cá, "Về kể hoa " khi thì nói về thời gian hoa đở nở, khi thì dùng tên gọi của hoa mà chuyển sang nghĩa khác (tính đa nghĩa của từ), cốt làm sao cho bài về trở nên sinh động mà người nghe nhớ được nhiều loại hoa. Ví dụ như: "Vô ý chạm vách là hoa mù u", tác giả dùng chữ mù, người mù đi không thấy gì cả nên mới hay "chạm vách".

Trăm hoa đua nở tháng giêng,
Có một cây riêng, hoa nở tháng hai.
Trăm hoa đua nở tháng hai,
Có một hoa lài là nở tháng ba.
Trăm hoa đua nở tháng ba,
Có một cây cà hoa nở tháng tư.
Trăm hoa đua nở tháng tư,
Có một cây bầu hoa nở tháng năm.
Trăm hoa đua nở tháng năm,
Hoa nở bữa rằm
Là hoa chiêng chiêng.
Hay bay hay lượn
Là hoa chim chim.
Xuống nác (nước) mà chìm
Là hoa bóng đá.
Rủ nhau đánh cá
Là hoa ô rô.

Vượt biển sang Hồ
 Là hoa bóng cách.
 Vô ý chạm vách
 Là hoa mù u.
 Gọt đầu đi tu
 Là hoa mối biển.
 Xúc xác đi kiện
 Là hoa mít dai.
 Gái phải lòng trai,
 Là hoa bông bong.
 Con gái chê chồng
 Là hoa khúc khắc.
 Ông mụ đập chắt
 Là hoa nếp bờ¹.
 Hấn thả ra cho
 Là hoa nếp cút².
 Khói bay nghi ngút
 Là hoa cúc hương...

KỂ HOA

Đồn rằng hoa lựu thơm thay
 Rằng mai tươi tốt nửa ngày lại phai
 Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
 Chẳng lịch cũng thể con người Trảng An³

-
1. Ta có thành ngữ: "Cái nhau như mỡ bò", chắc tác giả dân gian dùng chữ bò trong thành ngữ ấy.
 2. Tác giả dùng chữ "cút" có nghĩa là đi thẳng.
 3. Chỉ Hà Nội bây giờ.

Tốt tươi là hoa mẫu đơn
Một đàn cô tú đang xuân phải thì
Nàng đi chỗ giáng vân vi
Thông dong ta lại hoa quỳ cùng nhau
Chẳng thơm cũng thể hoa ngâu
Hoa bí hoa bầu cũng gọi là hoa
Nào là hoè quế đôi ta
Sáng che mát cảnh, tối là linh tiêu
Hoa sen tươi tốt mỹ miều
Hoa lan, hoa huệ kẻ yêu người sùng
Thơm lạ lùng là hoa thiên lý
Hỡi cô nàng có ý thì trông
Hoa đào, hoa mận, hoa hồng
Lại yêu lạ lùng có một hoa chanh
Trăm hoa đua nở trên cành
Tuy rằng tươi tốt nhưng răn để đời
Hoa nào thơm bằng hoa người
Khi nào hoa nở thì chơi đàn cầm
Hoa tường vi dãi nắng dầm sương
Hoa cau, hoa quýt, anh thương hoa nào
Anh thương hoa mận hoa đào
Còn bông hoa cúc biết vào tay ai
Xin chàng đừng thắm chỗ phai
Thoang thoảng hoa nhài mới được thơm lâu
Xin chàng đừng phụ hoa ngâu
Trăm hoa phú quý lại cầu mẫu đơn
Dù cho trăm giận nghìn hờn
Kìa hoa bách hợp nên cơn Tấn Tấn
Thương nàng như nụ tâm xuân
Rồi ra cũng được đến gần gốc cây

Yêu nhau thì nhích lại đây
 Hay còn tơ tưởng hoa mây, hoa bèo
 Trèo lên hòn đá cheo leo
 Kia bông cảm chướng mỹ miều đáng xinh
 Lẳng lơ hoa lý trên cành
 Hay còn tơ tưởng hoa chanh đi tìm
 Vào rừng chẳng hái hoa sim
 Nàng còn lặn lội đi tìm hoa đa
 Vào vườn hoa táo hoa cà
 Còn mơ hoa cải nở ra tháng mười.

TRĂM THỨC HOA NỞ CẢ TRÊN CÀNH

Trăm thức hoa nở cả trên cành,
 Hồ dung tam đáo, hồ dung đôi đường.
 Hoa từ bi dải nắng dầm sương,
 Hoa cam, hoa quýt, anh thương hoa nào?
 Anh thương hoa mạn, hoa đào,
 Còn bên hoa cúc lọt vào tay ai?
 Đào kia chưa thắm đã phai,
 Thoang thoảng hoa nhài mà lại thơm lâu.
 Xin chàng đừng phụ hoa ngâu,
 Tham vời phú quý đi cầu mầu đơn.
 Dù chàng trăm giận nghìn hờn,
 Bông hoa đã hợp đương cơn Tấn, Tần.
 Tìm anh quá nổi tìm xuân,
 Ước gì ta được tới gần cội cây.
 Anh có yêu em, anh dịch lại gần đây.
 Anh đừng mơ tưởng hoa mây, hoa hòe.

Trèo lên hòn đá cheo leo,
Thấy hoa tam xứng (?) mỹ miều trường sinh.
Lẳng lơ hoa lý trên cành,
Tìm gì hoa ngải, hoa chanh mà tìm.
Tìm gì hoa ổi, hoa sim,
Mà anh lặn lội đi tìm đường xa.
Vào vườn hái đoá hoa na,
Bước chân xuống ruộng hoa cà, hoa bông.
Anh thương nhớ ai, anh đứng anh trông.
Nhớ người nhân ngãi trong lòng say sưa.
Ngọt ngào hoa muống hoa dừa,
Mặt trời đã xế, hoa dừa, hoa cau.
Trên giàn hoa bí, hoa bầu,
Hoa lan, hoa đậu, hoa dâu, hoa vừng.
Khát khao hoa quế trên rừng,
Hoa sen dưới nước, xin đừng giả hương.
Hoa bèo đến lúc ruộng nương,
Để cho hoa huệ đôi đường ái ân.
Yêu nhau xa cũng nên gần,
Hoa lan trực tiết, hoa xuân đợi chờ.
Hoa mơ nào có ai quên,
Để cho hoa quế rụng liễn cội cây.
Trên cành hoa sói thơm lây,
Ban đêm chờ khách, ban ngày chờ ai?
Chờ người quốc sắc, thiên tài,
Mặt trong hoa ổi, mặt ngoài hoa tre.
Vào vườn hoa vối, hoa chè,
Bên sông hoa gạo đi về thảnh thơi.
Thảnh thơi ngồi dựa cây bông,
Trèo lên cây nhãn, nhớ người tình chung.

Vào vườn hoa bưởi, hoa bông,
 Để cho hoa lựu đứng trông hoa dành.
 Hoa hiên tình phụ nghĩa anh,
 Để cho hoa thuốc nên danh giá nào.
 Hoa chuối mà nở trên cao,
 Bốn mùa nở cả, mùa nào còn không?
 Em là khách ở bên sông,
 Hoa mùi ẩm cội, hoa hồng say sưa.
 Hoa riêng khúc khúc sớm trưa,
 Lấy ai là kẻ say sưa trên trần,
 Hoa tía tô với hoa cúc tần,
 Hãy còn kéo kệt lòng xuân một nhà.
 Hoa dâm bụt mà nở chốc đèn,
 Ở giữa hoa đào, đôi bên hoa hoè,
 Chẳng chẳng nghe chàng cũng phải nghe,
 Đã trót lời thề thấu đến hoàng thiên,
 Đố ai ngắt được hoa đèn,
 Thiên niên tài tử tiếng khen để đời.

BÁCH BỘ NÀNG HOA

Tôi sai bách bộ nàng hoa,
 Nở nang mặt ngọc bước ra chơi bởi.
 Trở đi trở lại vui chung,
 Hoa quế, hoa hồng châu chực đôi bên.
 Kia hoa dâm bụt tự nhiên,
 Nay tôi lại cắt hoa sen chơi bởi.
 Nào là cây hoa phù dung,
 Hoa sim, hoa ổi, đào bông làm chi?

Hoa lan, hoa huệ, hoa quỳ,
Hoa nhài, hoa sói thời đi đường nào?
Hoa mơ, hoa mận, hoa đào,
Hoa cam, hoa quýt, chen vào hoa chanh.
Say hoa bướm bướm bay quanh,
Hoa hoè, hoa mướp cùng anh hoa hồng bì¹.
Đông phương chấn động hoa quỳ,
Có lòng son sắt kết nghì cùng anh.
Hoa vông đứng ở trên cành,
Nam phương. em đã nên danh nên tài.
Tây phương động nữ anh sai,
Bách hoa này lại như ai rành rành.
Bắc phương hoa gấm anh linh,
Răng đen rừng rúc tựa hình hạt dưa.
Trung phương hoa cúc say sưa,
Đẹp trong lòng ấy bốn mùa chờ trông.
Sai hoa vạn thọ mặc dầu,
Còn anh hoa mộc đi đâu bây giờ?
Tâm xuân hoa nở bên kia,
Hỏi hoa trinh nữ đợi gì còn nguyên.
Đã đành giả nợ thời duyên,
Cùng hoa thiên lý kết nguyên cùng nhau.
Hải đường đứng ở bên sau,
Ngô đồng bên trước, giúp nhau trăm chiều.
Mẫu đơn hoa ấy mỹ miều,
Các cây hoa ấy cũng chiều lòng nhau.
Chù chừ, hoa chuối nở ra,

1. Có nơi hát là hoa dẫu.

Hoa lê, hoa liễu cùng là hoa râm.
 Hoa quéo, hoa muồm đồng tâm,
 Hoa sung, hoa sở lấy công phen này.
 Nay ai hết sức cùng đây,
 Bỏ công luyện tập đêm ngày với hoa.

MỘT TRĂM THỨ HOA

Tại đây một trăm thứ hoa,
 Xanh, đỏ, vàng, trắng, thật là thơm thay
 Đồn rằng hoa sỏi thơm thay,
 Thơm thì thơm vậy chả tầy hoa ngâu.
 Ai ơi, chớ phụ hoa ngâu,
 Hoa ngâu hoa lý, hoa nào cũng thể là hoa.
 Tầm xuân hoa mới nở ra,
 Ngày mai con bướm nó vào lượn quanh.
 Hoa cam, hoa quýt, hoa chanh,
 Còn anh hoa bưởi, ngắt cành một khi.
 Hoa lan, hoa huệ, hoa quỳ,
 Còn anh hoa táo, nó đi đường nào?
 Hoa mơ, hoa mận, hoa đào,
 Còn anh hoa ổi, hoa nào cay hơn?
 Tốt tươi là hoa mẫu đơn,
 Còn anh mướp đắng, nó đương đến mùa.
 Trong rừng hoa huệ, hoa mua,
 Mọc trước cửa chùa, hoa đại, hoa thông.
 Ngoài đồng hoa đỗ, hoa vông,
 Lại thêm hoa lúa, hoa đồng bay qua.
 Tại đây hoa ổi, hoa cà,

Dưới sông hoa muống, lại đà hoa vang.
Tại sao cái cánh hoa vàng?

VỀ HOA

Hoa nhài thoang thoảng bay xa
Mùi thơm khác hẳn, thật là có hương
Hoa cúc không sợ thu sương
Để màu ẩn dật, mùi hương đậm đà
Hoa sen mùa hạ nở ra
Ở bùn mà lại không pha sắc bùn
Hoa mai chót vót đỉnh non
Trắng như bông tuyết hầy còn kém xa
Mẫu đơn phú quý gọi là
Hải đường sắc đẹp nhưng mà không hương
Hoa quỳ nhất ý hướng dương
Hoa liễu trong trắng, trông thường như bông
Phù dung mọc ở bên sông
Hoa đào gặp được gió đông mới cười.

KỂ QUẢ

I

Má đỏ hồng hồng
Quả hồng son sỏ,
Nói cạnh nói khoe
Quả khế xanh xanh,
Miệng chua lạnh chanh

Quả chanh tròn trịa,
 Dầu tròn nứt nẻ
 Là cái quả na,
 Thơm cửa thơm nhà
 Chính là quả thị.

II

Da dẻ vàng khè
 Là anh chàng thị,
 Tròn như lợn ỉ
 Là quả dưa vàng,
 Nằm đất lang thang
 Là anh dưa chuột,
 Mồm nói ngọt xớt
 Là mấy cô hồng,
 Xù xì lấm lông
 Là anh cu dứa,
 Da đỏ như lửa
 Là thằng ớt cay,
 Má mìn hây hây
 Cô mơ cô mạn,
 Ruột thì đỏ thắm
 Là cái ả đào,
 Hay rụng xuống ao
 Thằng sung chua chát,
 Da vàng trơn mát
 Là quýt với cam,
 Chua rụng răng hàm

Cô chanh, cô khế
Xinh tròn be bé
Em táo đầu nhà
Con bảy con ba
Chị dừa mấn để,
Hàm răng to khoẻ
Là bác chuối tiêu,
Nằm đất mốc meo
Là anh chàng bí,
Thon như cái bị
Là chị bầu xanh,
Dáng dài thanh thanh
Cô xoài cô mướp,
Mình dài gai gốc
Cụ mít nhà ta,
Đỏ bóng nước da
Cà chua chính cống,
Vỏ xanh ong óng
Chính thị bà cau,
Nam nám da nâu
Hong xiêm, mắc cọt,
Xù xì bóng rộp
Mướp đắng eo ôi,
Ngọt mát cả môi
Xin chào cô nhãn,
Mặt mày đỏ thắm
Cô vải đang chờ,
Mất mở lơ mơ
Thằng na buồn ngủ.

CÁC LOẠI QUẢ

Nặng chẳng cần che
Là trái rau mát
Rủ nhau chà xát
Ấy là trái chanh
Nhỏ mà làm anh
Trái đào lộn hột
Chặt đầu mà lột
Là trái bưởi chua
Bán chẳng ai mua
Là trái cứt quạ
No lòng phỉ dạ
Là trái chuối cơm
Xát để chờm bơn
Thiệt là trái khế
Tôm thịt nấu thế
Là trái khổ qua
Ăn ỉa không ra
Là trái chuối hột
Ăn mà không lột
Vốn thiệt trái tiêu.

VỀ TRÁI CÂY

Về về về về,
Nghe về trái cây.
Dây ở trên mây,

Là trái đầu rồng.
Có vợ có chồng,
Là trái đu đủ.
Chặt ra nhiều mủ¹,
Là trái mít ướt.
Hình tựa gà xước,
Vốn thiệt trái thơm².
Cái đầu chờm bom³,
Là trái bắp nấu.
Rủ nhau làm xấu,
Trái cà dái dê.
Ngứa ngứa quá ghê,
Là trái mắt mèo.
Khoanh tay lo nghèo,
Là trái bần ổi.
Sông sâu chẳng lội,
Là trái măng cầu.
Chẳng thấy nàng dâu,
Thật là trái cách.
Trong ruột óc ách,
Là trái dừa xiêm.
Chín đỏ thâm kim,
Chuối già chuối sứ.
Tùng tam tụ tứ,
Là trái dưa gang.
Vốn ở miên man,

1. Nhựa.

2. Dứa.

3. Xù ra, rồi rầm

Là trái bí rợ¹.
 Mẹ sai đi chợ,
 Vốn thiệt trái dâu.
 Quen ở ao sâu,
 Là trái bông súng.
 Giống không nên cúng,
 Là trái chuối già.
 Bên Tàu đem qua,
 Là hồng với nhãn.
 Cái hột chang hăng²,
 Là trái sầu đâu.
 Con mắt bồ câu,
 Là trái trao tráo.
 Nhiều con nhiều cháu,
 Vốn là trái sung.
 Nhỏ mà cay hung,
 Là trái ớt hiểm.
 Đánh túc cầu liềm³,
 Đúng thật trái me.
 Nắng mà không che,
 Là trái rau mát.
 Rửa nhau chà xát,
 Vốn là trái chanh.
 Nhỏ mà làm anh,
 Trái đào lộn hột.
 Chặt đầu mà lột,

1. Bí ngô.

2. Xoạc ra.

3. Một lối chơi cờ bạc, chơi me.

Là trái bưởi chua.
Bán chẳng ai mua,
Là trái cứt quạ.
No lòng phỉ dạ,
Vốn là chuối cơm.
Xắt để chiên tôm¹,
Ấy là trai khế.
Cá thịt nấu thế (?),
Là trái khổ qua².
Ăn ỉa chẳng ra,
Là trái chuối hột.
Ăn mà chẳng lột,
Vốn thiệt trái tiu.
Thối nghe ú liu,
Là trái cóc kèn.
Kêu nhau đi rên,
Là trái đậu rựa.
Đua nhau chọn lựa,
Là trái dành dành.
Cam ngọt, cam sành,
Soài riêng, măng cụt.
Những chi lịch thiệp,
Bằng táo với hồng.
Ai gái chưa chồng,
Muốn ăn mua lấy.

1. Xào tôm.

2. Mướp đắng.

VỀ QUẢ*

Lắm hoa lắm quả mới hay
Một trăm thứ quả anh nay đã tường
Rắn thì quả ổi còn ương
Mềm thì quả thị chín vàng trên cây
Đỏ thì quả nài, quả nâu
Nhuộm khăn, nhuộm áo đẹp màu đôi ta
Ước gì cùng ở một nhà
Như đôi dưa ngọc, bát ngà, mâm son
Đắng thì bồ kết, bồ hòn
Đôi ta tắm gội cho trơn mái đầu
Ngọt thì long nhãn, táo tàu
Bưởi đường, cam giấy, hồng đào hỏi ai!
Chua thì quả mận, quả mai
Quả dưa bửa dọc, quả gai (dứa) trái mùa.
Đôi ta tìm ngọt lánh (tránh) chua
Dừng chê khế rụng đi mua quýt rừng
Nê, na, phật thủ đã từng
Trăm năm ngào ngạt xin đừng quên nhau
Nhỏ thì quả vối, quả dâu,
Lớn thì quả mít chia nhau cũng dành
Đôi ta chọn cá nấu canh
Cà chua, cà Hạc để anh đi tìm¹

* Bài này có khi dùng để hát, có khi dùng để kể, chúng tôi đặt vào loại ca vè với nội dung thông cáo các thứ quả ở xứ Thanh.

1. Cà Hạc: cà làng Hạc, thị xã Thanh Hoá. Phương ngôn Thanh Hoá có câu:

*Cà làng Hạc ăn gãy răng
Khoai làng Lãng ăn tắc cổ.*

Tìm em quả ngái, quả sim
Ngàn Nưa bát ngát biết tìm đâu kia¹
Yêu nhau vạn sự chẳng nề
Trám bụi một quả cũng chia nhau cùng
Má em như thể quả hồng
Môi em quả vả đỏ lòng xinh thay!
Tình cờ bắt gặp nàng đây,
Quả cau anh bữa (bổ) đưa tay mời chào.
Vườn anh vải, lựu, hồng đào
Quất, bông, cam, ổi quả nào cũng ưa
Ngọt bụi thì có quả dừa
Xanh xanh quả mướp, tai chua xót lòng
Hạt tiêu cay đắng đã xong
Đắng cay sao chẳng thấy lòng xót xa
Mặt em như thể bông hoa,
Ai đem mướp đắng mà hoà mặt cửa?
Thủi chung cho chúng anh ưa
Kìa như đu đủ nắng mưa dãi dầu
Lòng anh càng thâm càng sâu
Bồ quân nó chín ra màu tốt tươi
.....
Đừng như quả gáo, quả vông
Quả mơ chua chát cho lòng ước ao
Hãy như quả gấc hồng hào
Quả dâu làm rượu, bí đao nấu đường
Tay cầm lấy quả chanh ương
Cắt ra gọi tóc mùi hương ngát ngào

1. *Ngàn Nưa*: núi Nưa thuộc huyện Triệu Sơn.

Quả chuối nó ở trên cao
Chuối mật, chuối ngự như sao tứ bề...

KỂ QUẢ

Cô mơ, cô mạn, cô đào
Trong ba cô ấy, ai nào kém ai
Cô mít thì chỉ nói dai
Còn như cô dứa sồn gai cũng kỳ
Bình bong lại giống hồng bì
Trong lòng những hạt có gì nữa đâu
Quý thay bậc nhất cô cau
Cúng người cúng Phật khẩn cầu bình yên
Trước là hai chữ nhân duyên
Nghinh hôn sánh lễ được đôi vợ chồng
Trung thu mới thấy cô hồng
Cô cam, cô quýt ra lòng đua chơi
Lạ lòng anh mới tới nơi
Hỏi thăm cô nhãn là người ở đâu
Xuân xanh chừng mấy tuổi đầu
Mà em ăn vận ra điều trai lơ
Cô táo chính thực lắng lơ
Ở cao có ý đợi chờ tình nhân
Vui cười cô ả hồng quân
Giận ai tím mặt không phần nào tươi
Cô bứa nghĩ cũng nực cười
Ai ai cũng bảo là người nói ngang
Cô ổi chính thực người ương
Còn như cô khế nhiều đường chua ngoa

Phật thủ vốn ở trên toà
Dùng dằng xuống với cô na cúng kỳ
Cô mít chẳng mỡ mật gì
Bao giờ đến lượt cô thì tiến vua
Cô bông, cô bưởi vào hùa
Kể ra thì thật cô dứa có công
Cô ớt dáo dể vô cùng
Xít xoa cay nghiệt vì hay ghen chồng
Cô măng cầu đạo sắc không
Từ bi chỉ dốc một lòng đi tu.

QUẢ

Quả khế ba bốn cái khe
Quả na chín rạn như đe thợ đào
Mơ mạn kẻ ước người ao
Quả mai tốt đẹp như sao trên trời
Quả lê ăn đủ mọi mùi
Đào tiên to lớn có người ngồi trông
Quả chuông thích chữ chạm rồng
Quả dứa cùi trắng nước trong hời nằng
Quả bí lăn lóc bên đường cái đi
Quả dứa vốn nó sù sì
Núc nác sắc sảo như thanh gươm mài
Quả móc có hạt mà không có màu
Hạt dền bé nhỏ mà mau miệng cười
Quả thị anh để anh chơi
Thanh yên xếp để một nơi trong nhà
Quả hồng thờ mẹ kính cha

Thanh hiền phật phủ xếp để trong nhà nàng ơi
Quả mít đóng cọc mà chơi
Quả nhãn tháng tám mà ngồi trơ trơ
Hồ tiêu cay đắng lắm đường
Bồ kết tằm gọi để nàng chơi xuân.

KỂ GIĂNG

Mồng một cho tới mồng năm
Giăng còn thơ ấu, tôi tằm biết gì
Mồng sáu, mồng bảy trở đi
Đến ngày mồng tám giăng thì lên cao
Mồng chín giăng ánh vườn đào
Mồng mười giăng mọc đã cao hơn đầu
Mười một sáng cả vườn dâu
Mười hai giăng ở địa cầu trung thiên
Mười ba giăng gió giữ duyên
Đến ngày mười bốn giăng lên giữa giờ
Gặp giăng em hỏi em chơi
Liệu giăng sáng cả trần đời được chăng?
Đến rằm giăng đã lên cao
Tới ngày mười sáu giăng treo tổ tường
Mười bảy giăng sậy chiếu giường
Mười tám dọn dẹp cương thường anh đi
Mười chín em định em ngồi
Hai mươi giấc tết, em thì ra trông
Kể từ hăm một nửa đêm
Giăng già thì cũng có phen bạc đầu

Cuối tháng giăng xuống biển sâu
Ba mươi mồng một ai cầu được giăng.

KỂ SAO

Tối qua ngó cửa trông giời
Ông sao bên bắc lại rời về đông
Chẳng tin anh đứng mà trông
Kìa như sao Vịt ăn sông Ngân Hà
Sao Rua¹ trên bốn dưới ba
Nhị thập bát tú thật là thất tinh
Sao Hôm đứng đó một mình
Sao Mai lặn xuống cố tình đợi ai
Vắng Hôm thì đã có Mai
Kìa như sao Vượt chờ ai giữa giời
Nam tào, Bắc đẩu đôi nơi
Thần nông sao ấy dậy đời làm ăn
Muốn cho thiên hạ xoay vần
Từ hôm đến tối dần dần mọc ra
Mọc ra vô số hằng hà
Thiên ức vạn tải biết là bao nhiêu
Phân minh, tuyết bạch chia đều
Đã sáng giăng tỏ ra điều sao thưa
Trách vì một nỗi trời mưa
Giăng sáng chẳng thấy, sao mờ thì không
Sáng ngày tang tảng rạng đông
Giăng sao lặn xuống còn ông mặt trời.

1. Sao tua rua.

2 - VỀ ĐỘNG VẬT *(Chim, cá, các con vật)*

KỂ CHIM

Hay chạy lon xon
Là gà mới nở,
Cái mặt hay đỏ
Là con gà mào,
Hay bơi dưới ao
Mẹ con nhà vịt,
Hay la hay hét
Là con bồ chao,
Hay bay bồ nhào
Là con bói cá,
Hay đi thông thả
Là bác cò ngang,
Hay đi rên râng
Là ông cụ diệc,
Hay ăn thịt chết
Là thằng quạ đen,
Tính nết hay ghen
Là cô chim gáy,
Vừa đi vừa nhảy
Là em sáo xinh,
Hay nói linh tinh
Là con liều diều,
Hay nghịch hay tếu
Là cậu chìa vôi,

Hay chao đớp mồi
Là con chèo bẻo
Tính hay mách lẻo
Bác khách trước nhà,
Hay nhặt lân la
Là bà chim sẻ,
Có tình có nghĩa
Là mẹ chim câu,
Hay đi nhặt sâu
Là cô chiến chiến,
Hay ăn hay diện
Là chị chim vàng,
Hay nấp bên đàng
Cà cà béo hú,
Nhấp nhem buồn ngủ
Là thằng cú mèo,
Mồm hay nói theo
Là anh chàng vẹt,
Hay đan hay dệt
Là bác thợ may,
Tính hay ngủ ngày
Mẹ con nhà vạc,
Người gầy rộc rạc
Là cụ cò ma...

VỀ CHIM CHÓC

Hỡi loài chim chóc
Nghe vè nghe vè

Tụng kinh bốn mùa
 Là con gõ kiến
 Xuống sông tìm kiếm
 Là chim thẳng chài
 Cái đuôi thiệt dài
 Là con chim phướn
 Rủ đi bốn hướng
 Là con công cộc
 Giống ăn sòng sọc
 Là con chim heo
 Theo gió mùa thu
 Là chim lá rụng
 Biết hết trong bụng
 Là con thầy bói
 Lời ăn tiếng nói
 Vốn thiệt chim quỳên
 Hay chếp hay biên
 Là chim học trò
 Rủ nhau đi mò
 Là con chim ốc
 Gõ mõ lốc cốc
 Là chim thầy chùa
 Tánh hay rình mò
 Là con se sẻ
 Áo như núi giẻ
 Là con manh manh
 Miếng rách miếng lành
 Là chim sa sả
 Hay ăn ngoài mã
 Là con cò ma

Tôi chẳng dám ra
 Là con mỏ nhác
 Gù trong bóng mát
 Là con chim cu
 Lót ổ cho sâu
 Là con cò cường
 Tượng đi ngất ngưỡng
 Là con chàng bè
 Hay đậu đọt tre
 Là chim chèo bẻo
 Tánh tình mách lẻo
 Là chim chia vôi
 Vốn thiệt mồ côi
 Là con cun cút
 Cho hôn một chút
 Là chim hít cô
 Bỏ mẹ bơ vơ
 Là con bạc má
 ...

VỀ CHIM CHÓC

Cha sáo, mẹ sáo,
 Trồng một đám dưa.
 Đi trưa về sớm,
 Bầy quạ ăn hết.
 Sáo giận sáo bỏ,
 Sáo ra ngoài đồng.
 Sáo ăn trái giáo,
 Cùng là trái đa.

Người ta bắt đặng,
Cắt cổ, nhổ lông.
Tôi thưa với ông:
Tối là con sáo!
Hay kiện hay cáo,
Là con bồ câu.
Lót ổ cho sâu,
Là con cà cưỡng,
Chân đi lưỡng thương,
Giống chú cò ma.
Tối chẳng dám ra,
Là con mỏ nhát.
Chúi đầu xuống cát,
Là con manh manh.
Tắm rách tắm lành,
Là con sa sả.
Miệng cười hỉ hả,
Là con chim chu.
Hay oán hay thù,
Là con chèo bẻo.
Học khôn học khéo,
Là con te te.
Hay đậu đọt tre,
Là con chèo găm.

VỀ CHIM CHÓC

Nghe về nghe về,
Nghe về chim chóc.

Hay moi hay móc,
Vốn thiệt con dơi.
Thấy nặng thì phơi,
Là con diệc mốc.
Lặn theo mấy gốc,
Là chim thẳng chài.
Lông lá thật dài,
Là con chim phước.
Rành cả bốn hướng,
Là con bồ câu.
Giống lặn thật lâu,
Là con công cộc.
Ăn tấp sông sộc,
Là con chim heo.
Ham đậu cheo leo,
Là chim lá rụng.
Tắm đầu muốn thụng,
Là chim thầy bói.
Hay ăn hay nói,
Ấy thật chim quỳên.
Vừa đứng vừa biên,
Là chim học trò.
Rủ nhau đi mò,
Là con chim ốc.
Gõ mõ lốc cốc,
Là chim thầy chùa.
Tụng kinh bốn mùa,
Là chim bìm bịp.
Chạy theo không kịp,
Là chim bít cô.

Bắt mẹ xẻ khò,
Là con điên điên.
Không ăn ngoài biển,
Là con le le.

VỀ THƯỢNG THÚ HẠ CẨM

Nghe về nghe về
Nghe về tui kể
Thú kêu lớn tiếng
Tu hú ác là
Nhảy nhót lang ba
Chích choè bìm bịp
Thú hay ăn hiếp
Chim ụt chim mèo
Lót ổ cheo leo
Dòng dọc áo già
Núp ở trong nhà
Se sẻ bồ câu
Sáo đậu lưng trâu
Sáo sành sáo nghệ
Lặn không xiết kể
Cồng cọc chàng bè
Thấy mái xà be
Cúm núm trích cổ
Ăn uống hồ đồ
Già dãi kênh kênh
Đáp xuống bay lên
Chim nhàn thấy bói

Cá mồng đỏ lói
 Cao cát hồng hoàng
 Thức suốt canh tàn
 Chim cú chim heo
 Thứ ăn lắt lẻo
 Sa sả thẳng chài
 Cắn cổ quá dài
 Con cò con diệc
 Bay cao kịch liệt
 Con én con diều
 Giò căng tre nêu
 Sua dừa học trò
 Xuống nước hay mò
 Vịt nước le le
 Thứ gáy tám te
 Gà rừng cu gạch
 Trong rừng rục rịch
 Chằng nghịch tăng hăng
 Cái đuôi ngúc nghích
 Mỏ nhát loi chơi
 Cao lớn hản hời
 Khoang cổ dơn xen
 Ô rô cóc kèn
 Chim chóc chim sâu.

CÁC LOẠI CHIM

...Thứ hay lớn tiếng
 Tu hú ác là

Nhảy nhót lạng ba
 Chích choè, bìm bịp
 Tính hay ăn hiếp
 Chim cú, chim diều
 Sang đứng lưng trâu
 Sáo hành, sáo nghệ
 Ăn không xiết kể
 Công cộc, chàng bè
 Đập xuống bay lên
 Chim nhạn, chim bói
 Cái mồng đỏ chói
 Cao các, hồng hoàng
 Thức suốt canh tàn
 Chim heo, chim vọ.

VỀ CHIM CHÓC

Về về về về,
 Nghe về chim chóc.
 Từ trên trời tróc,
 Cho đến đồng xanh.
 Biết bao loài chim,
 Em đây xin kể:
 Hiền từ từ tế,
 Là loại trong nhà,
 Nào vịt, nào gà,
 Nào ngan, nào ngỗng.
 Loại chim bay bổng,
 Lên tận trời xanh.

Sa sả là giống đàn anh,
Đầu đội mũ tía, áo xanh bụng dà.
Bà bít nó gáy đỏ da,
Nước lên, nước rắc¹, bay ra vật vờ.
Con cò nó trắng như tờ,
Bù chao liềng liệng, dật dờ lội bơi.
Con gì bơi khéo là bơi,
Dộc độc khéo léo, mỗi người mỗi khen.
Manh manh ăn trất đã quen,
Đến mùa lúa chín ra xem ngoài đồng.
Ngoài đồng hàng trăm loài chim,
Ai tìm mà bắt cho hết.
Xa la xu lết,
Là con cu kỳ.
Gặp giữa đường đi,
Là con túi mắt.
Đến mùa xuống gặt,
Là con lưỡi văng.
Vác nổi lê sàng (gỗ),
Là chim chim cộc.
Đậu thuyền đậu nóc,
Là con chim chài.
Quần áo rách xài,
Là con coi cối.
Khéo ăn khéo nói,
Là chim chích choè.
Hót chẳng ai nghe,

1. Nước xuống

Là con chim cú.
 Còn chi vui thú,
 Bằng con chim quỳên.
 Hay đậu giữa miến,
 Là con chim phượng.
 Những ai sung sướng,
 Bằng chim bồ câu,
 Ăn no tắm mát lên cầu ấp con.
 Ồ ho than khóc nỉ non,
 Kêu o dống dả, lòng còn khát thương.
 Hoàng anh vui hót tứ phương,
 Đón xem nhàn én tìm đường trao thơ.
 Con công lại đậu cột cờ,
 Hiu hiu gió thổi phất phơ đuôi chàng.
 Chèo hót hoang dã ra hoang,
 No đi giữa đường, đói trốn người ta.
 Chim mèo là cốt con ma,
 Mặt mày râu rĩ, dần dà trên cây.
 Hát lên thì sợ gió vầy,
 Chốc mào đội mũ làm thầy tụng kinh.
 Chèo bẻo lót ổ mái đình,
 Can chi cà cưỡng chiêu linh bốn bề.
 Chàng làng làm ổ bụi tre,
 Cha con rù rì vô nghe sự tình.
 Sao sáo tỉnh đã quá tỉnh,
 Đào hang làm tổ giữ gìn nuôi con.
 Chiến chiến bay bổng lên non,
 Cà lơ ở lại lòng còn khá trông.
 Le le, vịt nước, bồng bồng,
 Chàng bé trôi nổi dưới sông giang hà,

Con vạc ăn đêm rà rà,
 Điều hâu dờm ngó bắt gà vườn hoang.
 Chim khách bay khắp xóm làng,
 Báo tin có khách để nàng nấu cơm.
 Cu cu hay đậu cây rơm,
 Con quạ bay liệng tìm cơm buổi chiều.
 Cuốc kêu mấy tiếng tiêu điều,
 Chích đôi lẽ bạn trăm điều xót xa.
 Chiều hôm nghe tiếng ác là,
 Chim keo ở nhà, choắt, chuyếch đi chơi.
 Mỏ kêu ba tiếng vang trời,
 Bốn phương im lặng nghe lời mỏ rao.
 Đồng bằng cho đến núi cao,
 Họ hàng nhà diều biết bao nhiêu loài.

LÀNG CHIM PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

Tác giả dùng hiện tượng làng chim phân công công việc để kể về các loài chim. Người đọc cho ghi nói rằng, bài về này dài lắm, chỉ nhớ được có thế, nhưng ngắn ấy cũng đủ cho ta biết, cách tác giả bày cho người nghe nhận biết về các loài chim và hình dạng của nó, tính cách của nó,...

Thùng thùng trống đánh ba hồi
 Điểm quân cho chỉnh
 Phụng hoàng thống lĩnh
 Đứng trước hiên ngang
 Chim xếp hai hàng
 Tả công hữu sếu.

Giang cao ngất ngheo
 Đi trước tiên phong
 Lớn cả bồ nông
 Tả lương đi trước.
 Quen sông quen nước
 Chú kết chú le
 Lặn lội chú trôi bè
 Bắt làm quân thủy.
 Chú mào dụ dị
 Kiếm ăn trong làng
 Chèo bẻo nhỏ nhang
 Cho sang làm biện¹.
 Như con chiến chiến
 Giữ lấy năm quân
 Đêm hôm đi tuần
 Thì bầu anh vạc.²
 Anh diều anh ác³
 Thì sai mua gà
 Như anh đa đa
 Bắt làm thôn trưởng.
 Tẻ vật ngất ngưỡng,⁴
 Mà hay nói thàm.
 Nhịn đói cho am
 Là anh trao tráo (sáo)
 Dài quần tốn áo

1. *Biện*: lo chuẩn bị bữa ăn cho làng, thường gọi là quyền biện.

2. Ý nói chim vạc hay ăn đêm.

3. Diều hâu và ác tức chim quạ thường hay bắt gà con.

4. *Tẻ vật*: loại chim nhỏ hay ăn cá.

Là anh seo cờ¹
 Mặt mũi nhéo nha
 Là anh túi mắt.²
 Ăn mặn uống nước,
 Là anh là cà.
 Cái mồm mạnh la,
 Là anh chèo bẻo.
 Trăm điều nói khéo,
 Là chú bông chanh.
 Biết việc thập thành
 Là anh chim khiếu (khuẩu).
 Hay lo hay liệu
 Là chú chích choè.
 Hay việc tỏ the
 Ấy là chú khách.
 Cái mồm thóc thách
 Là chú ó ho³
 Hay rình hay mò
 Thì bầu anh cối.

CÁC LOÀI CHIM

Nghe vẽ nghe ve
 Nghe vẽ chim chóc
 Hay moi hay móc

-
1. Chính là loài chim phước đã nói ở bài trên.
 2. Túi mắt thường gọi là con đớp muỗi.
 3. Ó ho còn gọi là con tu hú.

Vốn thiệt con giới
 Thấy nắng ra phơi
 Là con diệc mốc
 Lặn theo mấy gốc
 Là chim thẳng chài
 Lông lá thật dài
 Là con chim phướn
 Rành cả bốn hướng
 Là chim bồ câu
 Giống lặn thật sâu
 Là con công cộc
 Ăn tấp sông sộc
 Là con chim heo
 Ham đậu cheo leo
 Là chim lá rụng
 Cắm đầu muốn thụng
 Là chim thấy bói
 Hay ăn hay nói
 Ấy thật chim quỳên
 Vừa đứng vừa biên
 Là chim học trò
 Rủ nhau đi mò
 Là con chim ốc
 Gõ mõ lốc cốc
 Là chim thấy chùa
 Tụng kinh bốn mùa
 Là chim bìm bịp
 Chạy theo không kịp
 Là chim hít cô
 Bắt mẹ xẻ khô

Là chim diên diên
 Không ăn ngoài biển
 Là con le le ...

VỀ CHIM*

Vào rừng hái lá đề thơ
 Cầm, kỳ, thi, hoạ đợi chờ người ngoan
 Kể ra các thứ chim ngàn
 Con khướu nó hét nó van đủ điều¹
 Con phượng nó múa trăm chiều
 Con công mặt nguyệt mỹ miều phô trương
 Bìm bịp nhút chẳng phải đường²
 Có thương anh mới tơ vương với nàng
 Kìa như chim trả dong nhan,
 Con chim ngũ sắc xanh, đỏ, trắng, tím, vàng nàng ơi!
 Con iêng nó biết tiếng người
 Đủ ăn, đủ nói, đủ cười, đủ no³
 Chích choè học được chữ nho
 Ai nghe tiếng nó cũng cho hữu tình
 Diều hâu nó lượn tròn trĩnh
 Chim chích bé tí ra tình tình nhanh

* Bài này có khi hát, có khi kể. Chúng tôi đặt vào loại ca vè với nội dung thông báo các giống chim.

1. *Van*: kêu.

2. *Nhút*: nhút nhát.

3. *Đủ no*: đủ no mọi đường (cách nói ở Thanh Hoá) có nghĩa là đủ hết mọi cách.

Con vẹt mỏ đỏ, cánh xanh
 Chào mào ríu rít đậu cành xoan đầu.
 Con sáo đậu ở lưng trâu
 Con ngốc xúc cá ao sâu cả ngày
 Chào mào nó giỏi ăn cay,
 Con cuốc khắc khoải suốt ngày (ngày) mùa hè
 Con cò làm tổ cây tre
 Con vạc, con kết đi về ban đêm
 Chèo bẻo miệng sữa, gan lim
 Vàng anh trở rét đi tìm cây cao
 Vịt trời, kết, sếu bay vào
 Bồ câu thắm thiết biết bao nhiêu tình
 Giang giang thấy mỏ mà kinh
 Cà cưỡng mà lại coi khinh ác là
 Chim trời sa số hồng hà,
 Vậy nên hãy tạm kể ra mấy loài.

KỂ CHIM

Rằng nay đang giữa cuộc vui
 Tên chim hoạ với tên người kể ra
 Nhờ nay được lúc thái hoà
 Các chim mới rủ nhau ra làm đình
 Hoạ mi vẽ kiếu, vẽ hình
 Chim thước một mình - do dẫn cho vương
 Chia vôi mua cát mua vôi
 Bắt anh sáo đá xây tường chung quanh
 Bắt anh chim ngói lợp đình
 Phí tổn vào mình cũng chẳng quản công

Bây giờ đình đã xây xong
 Quan viên làng nước ra lòng cự nhau
 Chim công rủ rủ câu đầu
 Kể như chim hạc sống lâu đã già
 Chim yểng ăn nói tinh ma
 Để cho chim sáo hót đà huyền thuyên
 Chim cam sành sỏi ngồi trên
 Hỏi rằng ai dám ăn tiền của dân
 Mang ra tra hỏi mấy lần
 Chẳng ngờ chim mẹ ăn nhảm thóc công
 Chim cuốc bói vết, tìm lông
 Mang ra tra hỏi của công ăn vào
 Lạ gì chim vẹt suýt vào
 Cát lên ào ào một lũ chim ri
 Dẽ run kinh sợ biết gì
 Còn như cò độc bạn bè với ai
 Dát như chim sít đứng ngoài
 Để cho bói cá nổi đuôi lẩn mò
 Bồ nông sâu sắc khôn dò
 Vịt trời vất vả lẩn mò quanh năm
 Ăn quanh là lũ điều hâu
 Bàn điều ích lợi chim câu có tài
 Chim giang dở dối chuyện cười
 Chào mào mau miệng nói lời đong đưa
 Chích choè ngủ sớm dậy trưa
 Chia vôi, giã gạo say sưa giữa trời.

KỂ CHIM

Sáng ngày liệng khắp xa gần
 Thấy gà thì dớp kiếm ăn thay là

Chìa vôi lĩnh tỉnh trả qua
 Trả hồng, trả sắt cùng là trả tranh
 Chim hoạ với lại chim xanh
 Kia như liễu liễu, vàng anh cũng nhiều
 Chim "tiết linh" kêu đều là sáng
 Tiếng chim luôn¹ chẳng đáng mấy đồng
 Chim quẹt với chim chào mào
 Sáng ở vườn mận tối vào vườn mơ
 Chim cò đen ngẩn ngơ miền núi
 Đỗ đầu ghềnh no đói ai hay
 Cò lửa, cò bộ ngày rày
 Cũng thứ cò trắng cũng rày cò thơ
 Đi ăn đêm ấy là giống vạc
 Bởi vì đâu đánh bạc thua cò
 Cho nên vạc phải đi mò ăn đêm
 Suốt thâu đêm cuộc kêu khắc khoải?
 Đến mùa hè cuộc lại cầm canh
 Chim hoạ với lại chim xanh
 Chim dễ đỏ cẳng, vàng anh, vẹt giới
 Cu giang, cu kểu bay khắp mọi nơi
 Các thứ chim giới em đã hoạ ra
 Sáo đen, sáo sậu thay là
 Cũng thứ sáo đá cũng là chim ri
 Giống nó nhỏ bỏng bất nghi
 Ở nhà coi thóc nó thì nở nang
 Đại bàng, chim yểng xinh thay
 Phượng hoàng, chim tản đỗ cây ngô đồng

1. Chim luôn: một loại chim sâu.

Chèo béo ít thịt nhiều lông
 Diệc ma cao cẳng chàng trông cho tường
 Chim đỗ, chim quẹt, chim hương
 Diều hâu chích chích là phường bắt nhân
 Chim yểng biết nói rõ ràng
 Còn thì chim nhạn bay ngang giữa giờ.

VỀ CON CÁ

Cá khúc, cá ve
 Cá mè, cá vược
 Cá ngừ, cá xước
 Cá rục, cá sòng
 Cá trích, lòng tong
 Cá cồi, cá đối
 Cá chình, cá mối
 Cá rô, cá sơn
 Cá dảnh, lòn bơn
 Cá kình, cá đục
 Cá khế, cá cục
 Cá chao, cá men
 Cá rồng, cá lăng
 Cá ngán, cá bẹ
 Cá nâu, nê kê
 Cá hổ, đồng dong
 Cá mú, mâm thay
 Hồng hô, hồng xộp
 Cá cu, cá lạc
 Cá chuối, cá chim

Cá hói, cá kiểem
 Cá chuồn, cá nục
 Cá thiếu, cá úc
 Cá én, cá hanh
 Mòi dẫu, mòi ranh
 Cá vàng, cá nhám
 Mặc dầm nấu ám
 Công việc đã thành
 Múc ba gàu rượu...

VỀ CON CÁ

Ngồi buồn tôi kể chuyện cá một khi
 Con cá chẳng hay đi
 Là con cá bò
 Con cá mô to
 Là con cá chân tượng
 Hay đi hát xướng
 Là con cá nàng đầu
 Lấy vá múc rau
 Là con cá cán vá
 Đãi lòng thiên hạ
 Là con cá cơm
 Xuống chõng mò tôm
 Là con cá mò
 Mò vôi ăn đỏ
 Là con cá bã trầu
 Không biết ở đâu

Là con cá lặc
Vô đồng bản nhạc
Là con cá bông bông
Hò hát quá đông
Là con cá hố
Lên cây lớt ổ
Là con cá chim
Có khẩu, có im
Là con cá ngựa
Ngồi đâu không cựa
Là con cá tì bì
Quơ đũa ra đi
Là con cá nhám
Thích đi tới đám
Là con cá ngữ
Không nói không ừ
Là con cá bát ngát
Hay đi đánh bạc
Là con cá sông
Ăn ở không xong
Là con cá chược
Đám đầu chạy trước
Là con cá mau
Giống nó hay đau
Là con cá liệt
Tính hơn tính thiệt
Là con cá thu ngân
Sơn son quét vàng
Là con cá đỏ...

VỀ CON CÁ

Cá biển cá bầy,
 Cá nhà rày là con cá nục
 Cất ra nhiều khúc,
 Là con cá chình.
 Trai gái rập rình,
 Là con cá ve.
 Chồng nói vợ nghe,
 Là con cá mát.
 Dem tiền đánh bạc,
 Là con cá cờ.
 Tối ngủ hay rờ,
 Là con cá ngựa.
 Ăn ngày hai bữa,
 Là con cá cơm.
 Ăn chẳng kịp đơm,
 Là con cá hấp.
 Rủ trèo lên dốc,
 Là con cá leo.
 Miệng thờ lẻo phèo,
 Là con cá đuối.
 Nhọn mồm nhọn mũi,
 Là cá chào giao.
 Nhận hũ nhận vò,
 Là con cá nhét.
 Nấu ra đồ trệt¹,

1. Mẹt.

Là con cá khoai.
Đi ăn trộm hoài,
Là con cá nhám.
Khệnh khệnh khạng khạng,
Là con cá cần.
Già rụng hết răng,
Là con cá móm.
Bộ đi lộm khộm,
Là con cá bò.
Ăn chẳng biết no,
Là con cá nóc.
Có gai trên óc,
Là con cá ngạnh.
Có đầu có cánh,
Là con cá chuồn.
Dẫn trai vô buồng,
Là con cá ngộ.
Nghe lời trai dỗ,
Mang gói sang sông,
Bỏ mẹ theo chồng,
Là con bạc má...
...¹Hay nhảy lô xô,
Là con cá rô.
Ở hang sông hồ,
Con cá tràn giỏ (cá quả).
Ở nhà cam khổ,
Chẳng dám múc đầy,

1. Từ đây phần nhiều là cá nước ngọt. Chúng tôi chưa sưu tầm được đoạn đầu.

Là con cá thiếu.
 Dáng đi thẳng chiếu,
 Là cá bằng sa.
 Gặp nhau xuể xoa,
 Là con cá lật.
 Dáng đi ậm ạt,
 Là con cá mương.
 Thịt mập lút xương,
 Là con cá nục.
 Chặt ra từng khúc,
 Là con cá chình.
 Trai gái rập rình,
 Là con cá ve.
 Che nón gần nghe,
 Là con cá mại.
 Mỗi người mỗi cái,
 Là con cá hanh.
 Hay nhảy chung quanh,
 Là con cá ngừa.
 Ăn ngày ba bữa,
 Là con cá cơm.
 Ăn chẳng kịp đơm,
 Là con cá hốc.
 Đi như leo dốc,
 Là con cá còm.
 Nói chuyện om sòm,
 Là con cá choạc.
 Trăm vòng nhảy thoát,
 Là con cá đao.
 Chẳng dám xông xao,

Là con cá liệt.
Cân đồng cân thiếc,
Là con cá măng.
Có lợi không răng,
Là con cá móm.
Vọt tằm giã cám,
Là con cá chầy.
Lũ liệt chân tay,
Là con cá ép.
Ở cho phải phép,
Con cá nhà giàu.
Hai đứa gặp nhau,
Là con cá ngộ...

VỀ CON CÁ

Về về về về
Nghe về con cá
Cứu trong thiên hạ,
Là con cá voi
Đi ngược về xuôi,
Là con cá đuối
Cá hay nói thuật¹,
Là cá hồng leo
Cá hay chạy theo,
Là cá hồng chó
Cá chi to trở²,

1. *Nói thuật*: nói theo người khác mà không biết đúng sai, phải trái.

2. *To trở*: lớn đầu.

Là con cá chai
 Bất hiếu bất hoà,
 Là con cá trặt¹
 Cá biết làm giặc,
 Là con cá cò
 Cá biết làm thơ,
 Là con cá mực
 Con cá không đực
 Là con cá mái
 Ngồi khoanh tay lại,
 Là cá hồng dẫu
 Cá ở vực sâu,
 Là con cá vược
 Cá không bắt được,
 Là con cá tràng
 Cá không biết đàn,
 Là con cá lạc
 Một bầy cá bạc,
 Một bầy cá xanh
 Có lưỡi không nanh,
 Là con cá móm
 Cá với hàng xóm,
 Là con cá ong
 Tức giận lung tung²,
 Là con cá ghẻ
 Ai kiêng ai dè,

-
1. *Trặt*: bắt bẻ lời nói của người khác, thường là một suy luận lật ngược vấn đề (bác bỏ, phủ định).
 2. *Lung tung*: không đâu vào đâu (mà đâu cũng có).

Là cá long hội¹
 Bạo lặn bạo lội,
 Con cá tràu đồ.
 Ai nói hồ đồ,
 Là con cá nóc²
 Nhiều xương nhiều xóc,
 Là con cá bò
 Cái ăn cái kho,
 Là con cá bống
 Lộn chộn lạng chạng,
 Là con cá sơn
 Khéo bào, khéo trơn,
 Là con cá phèn
 Cá chi chạy xuôi,
 Là con cá lúi³
 Cá chi bạo duội,
 Ấy cá lưỡi cày
 Quyết góp lại đây,
 Để mình kể cá
 Ngó xuống dưới phá,
 Có con cá thu
 Ngó xuống dưới su (sâu),
 Có con cá ngừ
 Ngó vô trong lừ,

1. *Long hội*: thường dùng dạng nói lái của "lôi hòng", chỉ nhiều loại cá nhỏ thường là dỏ và lấm xương, do bị loại bỏ sau khi chọn ra số cá có giá trị; chúng được nhóm lại thành từng mớ để bán rẻ cho người nghèo (phải cẩn thận lúc ăn, không sẽ mắc xương).

2. *Óc nóc*: nòng nọc (có người gọi là cá óc nóc).

3. *Cá lúi*: cá ở sông, suối, thân hơi tròn, lưng đen, thịt rất ngon.

Có con cá sao
Ngó xuống dưới ao,
Có con cá hên...

CÁC LOẠI CÁ

Cá biển, cá đồng
Cá sông, cá ruộng
Dân yêu, dân chuộng
Là cá trầu ố
Ăn nói hàm hồ
Là con cá sừ
Đưa đẩy chốn xa
Là con cá đảy
Hay gặp mặt nhau
Là con cá ngộ
Trong nhà nghèo khổ
Là con cá cây
Chẳng dám mức đầy
Là con cá thiếu
Mỗi người mỗi thiếu
Là con cá phèn
Ăn nói vô duyên
Là con cá lạc
Trong nhà rầy rạc
Là con cá kinh
Trai gái rập rình
Là cá trích ve
Dỗ mãi không nghe
Là con cá ngạnh

Đi đàng phải tránh
Là con cá mương
Mập béo không xương
Là con cá nục
Được nhiều điểm phúc
Là con cá hanh
Phản cha hại anh
Là con cá giếc
Suốt ngày ăn miết
Là con cá cơm
Chẳng kịp dọn đơm
Là con cá hấp
Rủ nhau lên dốc
Là con cá leo
Hay thở phì phèo
Là con cá đuối
Vừa đi vừa cúi
Là con cá còm
Hay nói tầm xàm
Là con cá gáy
Vừa trốn vừa chạy
Là con cá chuồn
Cứ viếc lách luôn
Là con cá chép.

VỀ CÁ

Cá ăn không cũ
Là cá trê leo.

Ăn cá ăn bèo
 Là con cá sặc.
 Gai chông gút mắc
 Là con cá rô.
 Đóng bọt ra vô
 Là cá lia thia trống.
 Tuổi cao tác rộng
 Là cá bạc đầu.
 Nhỏ tác có râu
 Là con cá chột.
 Hình xem tươi tốt
 Là con cá chay.
 Nổi đuôi đi hoài
 Là cá lạc ma.
 Hình xem cũng lạ
 Là cá lóc bông.
 Tánh hay ở bầu
 Là con cá chạch.
 Ăn bèo lách chách
 Là cá mè tho.
 Ăn ở không lo
 Là cá hương mảnh.
 Da thịt trắng bảnh
 Là cá thác lác.
 Ăn bùn ăn cát
 Là con cá kèo.
 Ăn thẳm ăn nghèo
 Là con cá cháo.
 Nửa đêm còn rạo
 Là cá lai bai.

Da thịt nó dai
Là cá trê trắng.
Lấy nước cho sần
Là cá ròng ròng.
Ăn học chí công
Là con cá đối.
Mỏ nhọn bay nổi
Là con cá kìm.
Ăn nói chẳng nghiêm
Là con cá nhái.
Miệng mồm dơ dáy
Là cá bã trầu.
Lặn lội hồi lâu
Là con cá cóc.
Kết duyên tơ tóc
Là cá trê dừa.
Thịt nó đều ưa
Là cá trê mỡ.

VỀ CÁ BIỂN

Cá nuôi thiên hạ,
Là con cá cơm
Không ăn bằng mồm
Là con cá ngác.
Không ăn mà ú
Là con cá voi,
Hai mắt thời lòi,
Là cá trao trao.

Không may quần áo,
 Là con cá chim.
 May áo không kim,
 Là cá đuối dễ.
 Sống lâu mạnh khỏe,
 Là cá trường sanh.
 Ở ngoài đầu gành,
 Là cá bống cát.
 Đi thời xách mác,
 Là con cá dao.
 Đốn cây mà rào,
 Là con cá chép.
 Nó kêu óp ép,
 Là con cá heo.
 Buộc lụa mà treo,
 Là cá cờ phướn.
 Để lên mà nướng,
 Là cá nóc vàng.
 Để được hai thoàn¹,
 Là cá nhám nghệ.
 Đi thời chậm trễ,
 Là cá lù dù.
 Đầu óc chù vù,
 Là con cá úc.
 Bắt lên chặt khúc,
 Là con cá sông,
 Vợ đánh với chồng,

1. Thoàn: thuyền.

Là con cá sào.
Mình cũng như dao,
Là cái lưỡi trâu.
Eo đầu ngắn cổ,
Là con cá ét.
Miệng mồm lép xẹp,
Là con cá móm.
Chơi trăng cả hám,
Là con cá thu.
Vừa sủa vừa tru,
Là cá hàm chó.
May ngồi xổm rỏ,
Là cá hàm be.
Lắng tai mà nghe,
Là con cá mỏng,
Việc làm cho chóng,
Là con cá mau.
Lãi dãi theo sau,
Là con cá nóc.
Chân đi lóc thốc,
Là con cá bò.
Ăn chẳng hay no,
Là con cá liệt.
Gái tham huê¹ nguyệt,
Là con cá dâm.
Lấy cây mà dâm,
Là cá nhám nhọn.
Nước da lẠm xẠm,

1. *Huê*: hoa.

Là cá nhám trâu.
 Mặt trắng lầu lầu,
 Là cá bạc má.
 Hình đen như quạ,
 Là cá ô mun.
 Đặt giữa đình trung,
 Là cá ông sập.
 Vừa đi vừa tập,
 Là cá độ dăng.
 Kiểu¹ lạc khua vang,
 Là con cá ngựa.
 Rước thầy về chùa,
 Là cá tà ma.
 Đi xét từ nhà
 Là con cá sát.
 Đắp bờ mà tát,
 Là cá ở mương.
 Giống không biết đường,
 Là con cá lạt².
 Kể cho cô bác,
 Nghe lấy mà chơi.
 Kể đã hết hơi,
 Xin cho tôi nghỉ.

VỀ CÁ

Thiệt giống loài người,
 Là con cá nước.

1. *Kiểu*: yên ngựa.

2. *Lạt*: theo ngữ âm Nam Bộ, *lạt* đọc như *lạc* (lạc đường).

Lội đi hết được,
Là con cá tra.
Cá mới nở ra,
Là cá tai tượng.
Tính hay trận thượng,
Là con cá kình.
Chung trong lục bình,
Là con cá bống.
Đầu đuôi cong cong,
Là con cá dảnh.
Râu mọc lòng quảnh,
Là con cá trê.
Thịt dím tứ bề,
Là con cá cóc.
Dỗ con lẩn lóc,
Là con cá he.
Nó gáy tám te,
Là cá mồng gà.
Tâu rồi cầu bà,
Là con cá bống¹.
Làm quan so sóng,
Là con cá tràu².
Giờn hót cho chúng đào,
Là con cá ngựa.
Mình mảy đóng nhựa,
Là con cá phèn.

1. *Bống*: theo ngữ âm Nam Bộ *bống* đọc như *báng* (bống rỗi, đồng bống).

2. *Tràu*: theo ngữ âm Nam Bộ *tràu* đọc như *trào* (triều, triều đình).

Da thịt nám đen,
 Là con cá cháy.
 Đốt nhang mà vái,
 Là con cá linh.
 Hiện yêu hiện tinh,
 Là cá mặt quỷ.
 Ăn rồi nằm nghỉ,
 Là cá trên bầu.
 Vạch sinh chun sâu,
 Là con cá chạch.
 Ở trên mây trời trong sạch,
 Là cá rồng rồng.
 Mũi dài lòng thông,
 Là con cá sặc.
 Dập mảy dập mặt,
 Là con cá leo.
 Nắm đâu cũng lết theo,
 Là con cá ép.
 Nấu lộn với tép,
 Là con cá khoai.
 Kêu đanh nằm dài,
 Là con cá cúi.
 Vác đập đuôi dui,
 Là con cá vồ.
 Mình bằng cái bồ,
 Là con cá mập.
 Thuốc uống đồn dập,
 Là con cá đao¹.
 Chơi bởi không ai bao,

1. *Đao*: theo ngữ âm Nam Bộ *đao* đọc như *đau*.

Là con cá mại.
 Muốn chồng theo đại,
 Là con cá kèo.
 Hay móc hay quèo,
 Là con cá dứa.
 Trông chồng luy ứa,
 Là con cá thu.
 Tróc vảy lu bù,
 Là cá thác lác,
 Lớn hơn cô hơn bác,
 Là con cá ông.
 Khoan đóng giáp vòng,
 Là con cá chột.
 Ăn mập mà tốt,
 Là con cá cơm.
 Không ướp mà thơm,
 Là con cá ngát.
 Cánh bay thắm thoát,
 Là con cá chim.
 Hụt chơn chết chìm,
 Là con cá đuối.

VỀ KỂ CÁ

Bài này ngoài nói về hình dạng, tính cách của các con cá, tác giả còn dùng tên gọi của nó nữa, mà hình như phương pháp này là chủ yếu trong cách cấu tạo bài vè. Đó là một cách chơi chữ mà ta thường thấy trong ca dao xứ Nghệ. Ví dụ "giở kim ra may là con thên chỉ; thò tay vào bị là con cá thu...". Chỉ gắn liền với kim và may vá, thu dẫu phải bỏ vào chỗ kín mới thò tay vào bị.

Đầu binh đi trước
 Là cá ông voi.
 Đánh trống thổi còi
 Là con cá nhúi.
 Cầm gươm chém trái
 Là cá cầm đao.
 Đội mũ hồng mao
 Là con cá ngựa.
 Không chồng mà chữa
 Là cá hồng hoang.
 Nhảy quéo nhảy quàng
 Là con cá đống
 Chưa nướng đã bén
 Là cá chai sừng
 Lửa đỏ từng bùng
 Là con cá cháy.
 Dương vi dương vẩy
 Là con cá căng.
 Ông cố không răng,
 Là con cá móm.
 Chạy quanh cả xóm,
 Là con cá chày.
 Giở kim ra may
 Là con thên chỉ.
 Cho tay vào bị,
 Là con cá thu.
 Ngày tết đánh đu,
 Là con rọc rọc.
 Ru con hay khóc,
 Là con bẻ bẻ.

Nói chẳng ai nghe
Là con cá hác.
Túng cờ túng bạc
Là con cầm cờ
Nấu cơm hay chờ,
Là con cá hồi.
Hay lặn hay lội,
Là con cá he.
Áo rách le te
Là con cá giống.
Vua ban chức trọng,
Là cá bàng sa.
Mồm mép thở ra,
Là con thụt thụt.
Vừa đi vừa thít
Là cá hột cay.
Có cánh không bay,
Là con chuồn muỗi.
Vừa đi vừa dũi
Là con cá bò.
Cái bụng thò lò
Là con nghểnh ngãng.
Đi đêm về sáng
Là cá thèn đen.
Chợ Bộng, chợ Lèn¹
Là con cá chích.
Chân đi lật đật
Là cá ngạnh đa...

1. *Chợ Bộng*: ở xã Viên Thành, huyện Yên Thành. *Chợ Lèn*: ở xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu.

VỀ KÊ CÁ

Ăn trên ngồi trốc,
 Là con cá sang.
 Bụng bằng cái ang,
 Là con cá nốc.
 Vác chuông đi đọc,
 Con cá lành canh
 Rào kín xung quanh,
 Là con cá lữ.
 Mặc áo làm đi,
 Là cá hồng nhan.
 Đánh trả chồng con,
 Là con cá xạo.
 Nhai cho ông lão,
 Con cá bã trù.
 Tháp bả trao vua,
 Là con cá trượng.
 Đầu binh đi trước,
 Là cá ông voi.
 Thiên hạ ra coi,
 Là cá nhà mái.
 Cầm gươm chém trái,
 Là con cá đao.
 Đội mũ hồng mao,
 Là con cá ngựa.
 Đội nón vô búa,
 Là con cá chiên.
 Thầy bói gia truyền,

Là con cá thề.
 Hay ăn hay ngủ,
 Con cá bì bì.
 Đen sẫm sì sì,
 Là con cá lúc.
 Hay ăn hay học,
 Là con cá he.
 Nói không ai nghe,
 Là con cá ô lạp...

VỀ CÁC LOẠI CÁ

Hai bên cô bác
 Lẳng lẳng mà nghe
 Nghe tui kể về
 Ngư lương tử hổ
 Lý sâm lý chuối
 Dưới rạch dưới ngòi
 Cá nục cá úc cá thơm cá thác
 Hời nào mà kể cho hết cá nơi làng này
 Thần linh chiêm bái
 Vây mới cất chùa chiền
 Mới đúc phật đúc chuông
 Cô bác xóm giếng
 Lẳng lẳng mà nghe
 Cá nuôi thiên hạ
 Là con cá cơm
 Chẳng ăn bằng mồm
 Là con bóng mú

Không ăn thời uống
 Là cá ông voi
 Cặp mắt thời lòi
 Là con cá tráo
 Hay may quần áo
 Là con cá chim
 May vá không kim
 Là con đuối dẽ
 Ở lâu mạnh khỏe
 Là con trường canh
 Ở ngoài đầu gành
 Là con bóng cát
 Đi thời xách mác
 Là con cá đao
 Đốn cây mà rào
 Là con cá chép
 Nó kêu ộp ộp
 Là con cá heo
 Buộc lụa mà treo
 Là con cá phượng
 Để lên mà nướng
 Là cá lóc vàng
 Bà được hai thang
 Là con nhám nghệ
 Đi thời chậm trễ
 Là con lù đù
 Đầu óc chù vù
 Là con cá út
 Bắt lên chặt khúc
 Là con cá sông

Vợ đánh với chồng
Là con cá sào
Mình cũng như dao
Là cá lưỡi trâu
Eo đầu ngắn cổ
Là con cá ét
Miệng mồm lép xẹp
Là con cá móm
Chơi trắng cả xóm
Là con cá thu
Vừa sữa vừa tru
Là cá hàm chó
Hay ngồi xổm
Là con xoè be
Lắng tai mà nghe
Là con cá mỏng
Việc làm cho chóng
Là con cá mau
Lãi dài theo sau
Là con cá nóc
Chân đi lốc thốc
Là con cá bò
Ăn chẳng hay no
Là con cá liệt
Gái tham huê nguyệt
Là con cá dâm
Lấy cây mà dâm
Là con nhám nhọn
Nước da lỏn chỏn
Là cá nhám cào

Mặt trắng lâu lâu
 Là con bạc má
 Hình đen như quạ
 Là cá ô mun
 Đậu giữa đình trung
 Là cá ông sập
 Vừa đi vừa tấp
 Là con dò đàng
 Kiểu lạc khua vang
 Là con cá ngựa
 Rước thầy về chữa
 Là cá tà ma
 Đi xét từng nhà
 Là con cá sát
 Đắp bờ mà tát
 Là con cá mương
 Giống không biết đường
 Là con cá lạc
 Kể cho cô bác
 Nghe lấy mà chơi
 Kể đã hết hơi
 Xin cho tui nghỉ.

VỀ CÁC THÚ CÁ

Nghe vẽ nghe ve
 Nghe vè con cá
 Cầm lên hỏi giá
 Là con cá mại

Ngựa mặt ngựa mày
Là con thác lác
Quý hơn tiền bạc
Là con trê vàng
Nhựa bóng đằng hoàng
Là con cá bống
Thứ bị đình đóng
Là con cá mè
Bất kể lôi xe
Là con cá ngựa
Cùng một trang lứa
Là con rồng rồng
Cấy xuống trở bông
Là con lạc mạ
Nhai đập rồi nhả
Là cá bã trầu
Mèo rượt vình râu
Là cá lang chuột
Đem đo đánh cuội
Là cá lia thia
Bất không đem vìa (vê)
Là cá trăn đục
Tuổi trên tám chục
Là cá bạc đầu
Chơi bạn không lâu
Là cá trên dốc
Mặc áo vằn sọc
Là cá trái bông
Râu vuốt cong cong
Là con cá chột

Bị họ bắt nhốt
 Là cá lòng tong
 Vợ lợi qua sông
 Là con cá đuối
 Bất kể trong túi
 Là cá đồng tiền
 Tính toán liên miên
 Là cá hội lỗ
 Mặt mày bí xị
 Là cá lù đù
 Bị bắt cầm tù
 Là con cá tát
 Tấn công ô ạt
 Là con cá vồ
 Kẻ đợi người chờ
 Là con cá cơ.

VỀ CÁC THỨ CÁ

Cao niên nhiều tuổi
 Là cá bạc đầu
 Đủ chữ sướng câu
 Là con cá đối
 Canh tép đầy nổi
 Là con cá khoai
 Trắng muốt béo trai
 Là con ức thịt
 Dài lưng hẹp kích
 Là cá lòng tong

Ốm yếu hình dong
Là con cá nhái
Thiệt lời như vái
Là con cá linh
Tròn miệng ai in
Là con úc khạo
Mặt mày sắc sảo
Là con cá đao
Khua mõ bán rao
Là con cá cóc
Hàm răng khô khốc
Là con cá khô
Không dám bước vô
Là con cá hố
Mặt mày chẳng hổ
Là con cá chai
Lên cạn đi hoài
Là con cá lóc
Đốt đèn xem sách
Là con học trò
Vô miếu hẹn hò
Là cá bóng thê
Đút con vào xế
Là con bóng kèo
Tiếng dõc tiếng cheo
Là cá bóng mú
Quăng tiền cho đủ
Là con cá thu
Nghe tiếng sũa tru
Là cá nàng chó

Đút tay vào giỏ
Là con cá trê
Gai mọc tứ bề
Là con cá dứa
Lưỡi như gai sứa
Là con cá khoai
Uống nước nghẹn ngào
Là con cá sặc
Hay ăn cắp vặt
Là cá chim gian
Bốn mạng cầu an
Là con cá sủu
Mình tròn như vù
Là con cá lăng
Bay nhảy ra đồng
Là con cá vượt
Bày cây đổ nước
Là con cá heo
Gặp mặt nói leo
Là con cá hốt
Cầm trâu mà quệt
Là cá chìa vôi
Làm biếng vô hồi
Là con chim nhót
Bào da bùi lột
Là con cá thiêu
Bị lửa đốt thiêu
Là con cá cháy
Dám đầu chẳng chạy
Là con cá kình

Vẩy sũa đầy mình
 Là con thác lác
 Bỏ nhà xơ xác
 Là cá bã trầu
 Chòi chọi một mình
 Là cá lốt mít

VỀ CÁ

Kể từ cái giống cá thu
 Ngoài khơi về tiết sương mù lấm thây
 Cá chim như cái bánh dày
 Thịt bùi, cái thủ các vây đều mềm.
 Cá hồng chịu khó làm em¹
 Cá dưa cũng được theo liền thứ tư
 Cá ông lão tướng lừ đừ
 Ai ngờ thu cũng phải từ mặt ra²
 Gõ nghề chịu khó đi xa,
 Nục chạch, bạc má nấu kho mang về
 Tôm hùm cho chí tôm hoe (he)
 Ăn tươi chả hết, ăn dè dễ phơi
 Ai sinh cái giống đuối dơi
 Đuôi dài đủ trượng làm roi đánh người
 Cá lằm chặt thủ đem phơi,
 Ăn ngon chẳng kém cá tươi mới kỳ³

-
1. Cá hồng so với cá thu, cá chim thì không bằng.
 2. Thịt cá ông lão còn béo, thơm hơn cá thu.
 3. Cá lằm chặt đầu (thủ) đem phơi khô ăn ngon như cá khi còn tươi.

Cá nhám chỉ quý cái vi (vây)
 Lòng ăn thì béo, thịt thì ăn khai
 Cá kìm, cá hố mỡ dài
 So tiền hố đất gấp hai lần kìm
 Kể sang giống cá lấm xương
 Làm vua cá bẹ, làm vương cá môi¹
 Vá lạnh đầu nhỏ mình dài
 Tổ cũng tranh thầy ăn gỏi trừ cơm²
 Kể chi giống cá thồn bơn
 Nằm trên bãi cát đội cơn mưa rào
 Kể chi giống cá dầu đầu
 Ăn cơm với muối ra mầu lại ngon³
 Kể cho giống cá chuồn chuồn
 Khi vui nó lội, khi buồn nó bay
 Dù cho cá trích có gầy
 Còn hơn cá dống đầy chan chan⁴
 Cá khoai, cá mực, cá vàng
 Kể quê thì phải giàu sang mới từng...⁵

-
1. Cá lấm xương thì nhất (làm vua) là cá bẹ, thứ nhì (làm vương) là cá môi. Hai loại cá này tuy lấm xương song rất ngon.
 2. Cá lạnh thường dùng ăn gỏi rất ngon và rất tanh.
 3. Cá dầu đầu tức cá lù đầu, loại cá to đầu, kém phẩm chất, ca dao:

Chê tôm ăn cá lù đầu

Chê thằn méo miệng, lấy thằn gù lưng.

4. Cá dống: loại cá nhỏ, lấm xương.
5. Loại cá khoai, cá mực, cá chỉ vàng là loại cá quý, ngon, bổ. Ở nhà nông thì chỉ có nhà giàu mới dùng để ăn chơi, nhà nghèo ít mua vì tốn, không ăn tiết kiệm được.

KÊ CÁ

Giữa ngày mồng tám tháng tư
 Cá nào là cá chẳng đi khoe tài
 Giai nhân hồ nhĩ là ai
 Kìa như cá chép trên gò hoá long
 Bé nhỏ là cá thông dong
 Nằm trên mặt nước lại mong mưa rào
 Cá khôn cá ở dưới ao
 Cá rô, cá diếc ở ao cá mè
 Cá ngạnh, cá chuối, cá trê
 Cá thu, cá đế lê thê một dòng
 Cá khôn cá ở dưới sông
 Cá sủ, cá chép theo dòng nước trôi
 Rong rong theo mẹ rong ơi
 Cá mương vốn nó ở nơi đầu cầu
 Lành canh đội đá trên đầu
 Thồn bơn méo miệng, dẹp đầu cá chai
 Nhàng nhàng là cá chàng xay
 Nằm ăn theo nước tháng ngày trôi xuôi
 Kìa như con cá thất đuôi
 Cá đối, cá đuối ngược xuôi, một dòng.

HỌA CÁ

To nhất là cá ông voi
 Còn như bé nhỏ là đôi thồn bơn
 Méo miệng là giống cá bơn
 To đầu lăm sạm là con lù đù

Cá ngạnh là cá có gai
 Vừa thon vừa dài là giống cá dưa
 Bây giờ kể đến cá ao
 Cá rô, cá diếc lào nhào cá con
 Cá to vốn ở dưới sông
 Chim, thu, nhự, đế là dòng cá ngon
 Lành canh có đá đội đầu
 Cá bò như thể cá hau khác gì
 Cá nác không chân biết đi
 Kìa nha cá đuối đuôi thì có gai
 Cho nên mắc phải lưới chài
 Thuyền bè mặt nước xa xôi bỏ chùng
 Cá mực mai nó ở lưng
 Còn như cá sủ, cá chuồn to thay
 Cá giải vốn nó có tay
 Bởi chưng cá ấy nó hay nạt người
 Bây giờ kể đến cá đồng
 Cá mương, cá rôi ra dòng giăng hoa
 Cá mè vốn nó thực thà
 Còn như cá chép lại là thúc sinh
 Cá trắm thì hay khoe mình
 Cá trê tấm ngấm thông minh nhất đời
 Cá ngao tốt miệng, mỏng môi
 Chuyên môn đưa chuyện cho người ghét nhau
 Còn như cá trạch, cá hau
 Không ngoan lẫn trước lẫn sau tránh người.

VỀ CÁC THỨ CÁ

Cá voi, cá ngựa,
 Cá rựa, cá đao

Úc sào bánh lái,
Lăn hải cá sơn
Lờn bơn thác lác,
Cá ngát dầy tho
Cá rô cá sặt,
Cá sặt cá tra.
Mề gà, dải áo,
Cá cháo, cá cơm
Cá mèn, cá mồn,
Sặt bướm chắt hoa
Cá xà, cá mập,
Cá tộp cá sòng
Cá hồng chim điệp,
Cá ép cá hoa.
Bóng dừa, bóng xệ,
Cá bẹ học trò
Cá vồ cá dục,
Cá nục lù đù
Cá thu trên lá,
Bạc má bạc đầu
Lưỡi trâu bông chó,
Lò chó lành canh
Chim sánh cá biếc,
Cá diếc, cá mè
Cá trê, cá lóc,
Cá nóc thòi lòi
Chim vôi cơm lạt,
Bóng cát bóng kèo
Chim heo cá chết,
Cá ét cá chuồng

Cá duồng cá chẻm,
 Vồ dẽm sắt rằn
 Mồi đường bông mú,
 Tre hú tre vinh
 Cá kình cá gộc,
 Cá sốc cá chày
 Cá dày cá duối,
 Cá đối cá kìm
 Cá chim bon được,
 Cá nước cá người
 Cá bui cá cúí,
 Cá nhái bã trầu
 Cá nàu cá dảnh,
 Hùng hình tơ bởi
 Cá khoai ốc mít,
 Cá tích nạng hai
 Cá cây cá cháy,
 Cá gáy cá ngâm
 Trà bần cá nái,
 Nóc nói cá hô
 Cá ngữ mang rổ,
 Cá hổ cá lãg
 Cá căn cá viễn,
 Rô biễn lẹp xơ
 Cá bò chim rần,
 Cá phường rờng rờng
 Trẽn bông trao tráo,
 Cá sọ cá nhồng
 Lòng trong mọc tích,
 Úc phịch trầu bầu

Bóng sao bóng trăng,
 Càn trảng xanh kỳ
 Cá chình cá gạo,
 Thu áo cá kè
 Cá bè tròn mỡ,
 Đuôi ỏ bè chen
 Nóc vàng cá rói,
 Cá bủi con cù
 Rô lơ tra đầu,
 Chạch lẩn nhám cào
 Tra dầu cá nhám,
 Úc múm cá leo
 Cá thiếu cá suốt,
 Cá chốt cá phèn
 Cá điều cá lúc,
 Con mực con mau
 Chim cu cá lượt,
 Sọc sọc cá làm
 Cá rần cá thiếu,
 Nhảm quéo chim gian
 Cá ong cá quít,
 Cá kết thiên nôi
 Bọng voi út hoát,
 Cá chạch cá môi.

CÁC THỨ TÔM

Đầu lớn chơm bươm
 Là con tôm tít.

Bắt người ăn thịt,
 Là con tôm hùm.
 Ở bụi ở lùm,
 Là con tôm cỏ.
 Bắt bỏ vào giỏ,
 Là con tôm lương.
 Gánh đất đắp đường,
 Là con tôm đất.
 Vô chùa lạy phật,
 Là con tôm tu.
 Sóng đánh chống khu,
 Là con tôm cùn.
 Nấu cơm sồn sồn,
 Là con tôm gạo.
 Lấy nước thơm thảo,
 Là con tôm trâm.
 Bịt chén bịt mâm,
 Là con tôm bạc.
 Phải quấy mình gạt,
 Là con tôm cang.
 Rèn đục rèn chàng,
 Là con tôm sắt.
 Hay cắn hay ngất,
 Là con tôm chông.
 Nghe bậu lấy chông,
 Là con tôm lóng.
 Lấy chông cho chông,
 Là con tôm lang.
 Da thịt nó vàng,
 Là con tôm nghệ.

Việc làm bê trễ,
Là con tôm te.

VỀ CON KIẾN

Nghe vẻ nghe ve
Nghe vẻ nhỏ xíu
Mà thành giàu có
Là con kiến vàng
Tánh khí ngang tàng
Kiến hùm một cồi
Không tắm không gội
Là con kiến hôi
Cơm nước nấu rồi
Là con kiến lửa
Tụ tập ngoài cửa
Kiến riêng coi nhà
Biết trước nắng mưa
Là con kiến cánh
Nữ công nữ hạnh
Là con kiến kim
Bực bội trong mình
Là con kiến nhọt
Hung hăng như giặc
Là con kiến cang
Mọc cánh hạ san
Kiến dương hóm hỉnh
Loài kiến linh tính
Dự báo nắng mưa

Nhà bé nhà to
 Tự lo xây cất
 Học thông lễ phép
 Đụng mặt chào nhau
 Leo núi qua cầu
 Đâu đâu cũng lội
 Làm ngộ cam bưởi
 Là con kiến vàng
 Tánh khí ngang tàng
 Kiến hùm một cồi
 Không tắm không gội
 Là con kiến hôi
 Ai biết nói chơi
 Cái về con kiến.

VỀ CON KIẾN

Về về về về
 Là về con kiến
 Kiến càng kiến kệ
 Kiến mẹ¹ kiến cha
 Kiến ở trong nhà
 Là con kiến đất
 Kiến leo bông mật
 Là con kiến hôi
 Kiến leo miệng nôi
 Là con kiến lửa.

1. Mẹ: bà.

Kiến bay lả xả,
Là con kiến xanh.
Con ở bụi chanh,
Con ở bụi mía,
Con ở bụi khế,
Con ở bụi khoai,
Lẳng lẳng lẳng tai,
Bò ra cho chóng,
Con ở thông thoáng,
Con ở trong hang,
Con ở rành rành,
Mần¹ tổ ngoài bụi
Về nằm lúc tối²
Đến đâu năm canh,
Đồng thanh, đồng thanh³
Chúng choa⁴ bạn kiến!

VỀ KIẾN

Kiến lửa lập đàn,
Kiến vàng ở ổ.
Cao đầu lớn cổ,
Thiệt là kiến hùm.
Cắn chúng la um,

1. *Mần*: làm.

2. *Tối*: tối.

3. *Đồng thanh*: cùng nhau nói lên một tiếng.

4. *Chúng choa*: chúng tôi, chúng tao.

Kiến kim, kiến nhọt.
Nhỏ như con mọt,
Thiệt là kiến hôi.
Động trời nó sôi,
Kiến cánh, kiến lửa.
Bò ngang, bò ngựa,
Kiến riện đơn chai.
Bò đông, bò dài,
Bò qua, bò lại.
Kiến đục nói phải,
Kiến cái làm khôn.
Rủ nhau lên cồn,
Xoi hang lạch cạch.
Thuở xưa, trong sách,
Bàn Cổ sử phân,
Sanh ra chúng dân,
Đỏ đen như kiến.
Ấu tử làm biếng,
Chẳng có mẹ cha.
Không ai dạy la,
Nên không biết sợ.

VỀ RẮN U MINH¹

U Minh nước đỏ,
Choại, dớn, cóc kèn.
Ăn ở cho hiền,

1. *Rừng U Minh*: thuộc tỉnh Minh Hải.

Dạo chơi với rắn.
Bất kỳ sâu cạn,
Rắn nước, rắn râu.
Bay trên trời cao,
Rắn rồng uốn khúc.
Chạy ngang chạy dọc,
Rắn ngựa phóng theo.
Hút gió thật kêu,
Là con rắn lục.
Mái gằm lục đục,
Bò chậm như rùa.
Mở xuống bất ngờ,
Hở mây ẩn núp.
Coi chừng nó quất,
Là con rắn roi.
Ra đồng dạo chơi,
Là rắn bông súng.
Dụng đầy một thúng,
Là rắn cạp nia.
Ăn rồi ngậm nghe,
Hở hành nấu cháo.
Dữ mà nhỏ xin,
Đúng thiệt rắn trun.
Chớ nên coi thường,
Con rắn ri cóc.
Rắn mà muốn học,
Làm cậu ông trời.
Có khách hay mời,
Là con hổ chuối.
Con rắn ri cá,

Thấy nước thì ham.
 Hình vóc hiên ngang,
 Rắn voi, mở rọ.
 Thật là đáng sợ,
 Chàm oạp, hổ mang.
 Xét cho đàn hoàng,
 Rắn thì có nọc,
 Dừng châm, đừng chọc,
 Bỏ mạng là đời.
 Trí khôn con người,
 Biến loài độc ác,
 Lấy nọc làm thuốc,
 Lấy thịt xé phay,
 Chiêu nhậu lai rai,
 Bỏ ơi là bỏ!

VỀ CHIM THÚ

Cuốc đất cho sâu
 Là con mỏ nhác.
 Đập đầu xuống cát
 Là con kênh kênh.
 Chồng đánh vợ rên
 Là con chèo bẻo.
 Nói nhau ri rỏ
 Là con chìa vôi.
 Ăn chẳng biết hôi
 Là con gõ kiến.

Con nào làm biếng
Là con thẳng chài.
Con nào lặn hoài
Là con công cộc.
Con gì thật độc
Là con chim cú.
Con gì không vú
Là con gà tàu.
Con gì làm màu
Là con chim sắc.
Con gì hay nhấc
Là con trảo trệt.
Con gì khéo khệt
Là con chuột cống.
Con gì hay rống
Là cọp trong rừng.
Con gì ở nửa chừng
Là con chim én.
Con gì họ khen
Là con giống giộc.
Con gì thiệt độc
Là con chim mèo.
Con gì hay leo
Là con rắn lục.
Con gì lục đục
Là con cu đất.
Con gì ngủ thẳng giấc
Là con mèo nhà.
Con gì không cha

Là con tép bạc.
Con gì xí gặt
Là con láng ốc.
Con gì nói dốc
Là hồng ai ưa.
Con gì hay cửa
Là con mỗi cảng.
Con gì lẳng nhẳng,
Nó ở dưới giò.
Đập trúng mình nó,
Cũng là cái cảng!

VỀ CON CU CHẰNG CHẰNG

Con cu chằng chằng
Mẹ rằng đi chợ
Mẹ vợ ở nhà
Bắt gà mần thịt
Bắt vịt mà nuôi
Con ruồi có cánh
Đòn gánh có mấu
Con sấu có tai
Con nai có gạc
Con giác có bầu
Nấu cơm sồn sồn
Đi chợ kiến vương
Đội nón ba sườn
Là quân ở Huế

Bắt ngựa đi tể
 Là kẻ chặn trâu
 Cuốc đất trồng sâu
 Là con mỏ nhất
 Đập đầu xuống cát
 Là con kênh kênh
 Chồng đôi vợ rên
 Là con chèo bẻo
 Nói nhau rủ rủ
 Là con chia với
 Ăn chẳng biết hôi
 Là con gõ kiến
 Con nào làm biếng
 Là con chằng chài,
 Con nào lặn hoài
 Là con công cộc
 Con gì thiệt độc
 Là con chim cú
 Con gì không vú
 Là con ngựa trèo,
 Con gì làm giàu
 Là con chim sắt
 Con gì hay nhắc
 Là con chèo choẹt
 Con gì bắn hôi
 Là con chuột cống
 Con gì hay rống
 Là con bò rừng
 Con gì lưng chừng

Là con chim én
 Con gì họ khen
 Là con ròng rọc
 Con gì thiết độc
 Là con chim mèo
 Con gì tiếc của
 Là con thần lùn
 Con gì hay leo
 Là con rắn lục
 Con gì lục đục
 Là con cu đất
 Con ngủ thẳng giấc
 Là con mèo nhà
 Con gì không cha
 Là con tép bạc
 Con gì xí gạt
 Là con lạng óc
 Con gì nói dóc
 Thì không ai ưa
 Con gì hay cưa
 Là con mối cắn
 Con gì lẳng nhẽng
 Nó ở dưới giò
 Nhỡ đập trúng mình
 Nó la cái ằng
 Thủng tha thủng thẳng
 Nghe về nghe về.

VỀ LOÀI VẬT*

Nghe vẽ nghe ve
 Nghe về loài vật
 Mã ngựa, ngư trâu
 Lao bò, độc¹ nghé
 Hầu khỉ, thử heo
 Nê nai, hồ cáo
 Hùng gấu, báo beo
 Miêu mèo, thử chuột
 Hồ cạp, tượng voi
 Tê, tê ngu, sư, sư tử
 Xạ muôn xạ, lang muôn lang²
 Li chồn, sài sói.
 Lại rái³, lư lừa
 Kê gà, áp vịt
 Thuần cun cú⁴, lệ le le
 Học ngỗng trời, kê gà nước

* Bài "Về loài vật" có tính chất như một trang "từ điển Hán Việt" được cấu trúc theo kiểu của "Tam thiên tự", một loại sách dạy vỡ lòng chữ Hán cho học sinh ngày trước.

1. Độc: cũ gọi "đồng độc". Đồng độc trâu nghé hiệu là trâu con (*Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*. Trần Xuân Ngọc Lan chú giải, 1985, Hà Nội: Khoa học xã hội, tr. 197).
2. Xạ (xạ hương) có nhiều thứ; lang (lang sói) có nhiều loài.
3. Rái cá là "thủy thát" (theo *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*. sdd, tr. 199; chưa rõ, "lại" là rái cá có gốc từ Hán Việt không, có điều là động vật này sau khi bắt được cá thường hay lại (lạ), "lại như rái tể cha" (tục ngữ).
4. Cún cú: một loài chim.

Ô quạ, điêu diêu
 Cáp bồ câu, tước se sẻ
 Trĩ chim trĩ, loan chim loan
 Dân chim dân, yến chim yến
 Nhạn chim nhạn, cưu chim cưu
 Lộ cò, tư còt
 Hạc chim hạc, bằng chim bằng
 (?) chim làng, ngan ngỗng trời
 Phụng chim phụng, công chim công.
 Long rồng, xà rắn.
 Nguyên trện¹, quy rùa.
 Cáp sò, li ốc.
 Thiềm cóc, bạng trai
 Nga ngan, kiển kén
 Hiện hến, hào hào
 Giải cua, kỳ ké
 Lý cá gáy, phượng cá mè
 Tôn cá chè, tức cá giếc
 Phụ cá nhét, lê cá leo
 Tiết cá rô, thời cá gáy
 Khoái giỏi, hà tôm
 Thiện lương, oa ếch
 Tắc cá mực, ngư cá chình
 Kinh kinh ngạc sấu
 Chuông chấu, thuyền ve
 Bức dơi, thù nhện
 Nghị kiến, phong ong

1. Trện: trạnh (rùa biển).

Đình chuồn, oanh đóm
 Văn muỗi, xuẩn ruồi
 Nghe vè nghe vè
 Tôi kể xong xuôi.

VÈ MƯỜI HAI CON GIÁP

Tuổi Tý là con chuột nhà,
 Bắt vịt, bắt gà, soi ngách đào hang.
 Tuổi Sửu con trâu kinh cày,
 Cày chưa đúng buổi lại mang cày về.
 Tuổi Dần ông cọp chửi ghê,
 Bắt người móc họng, tha về non cao.
 Tuổi Mão là con mèo ngao,
 Hay quấu hay quảo, ăn vụng quá tinh.
 Tuổi Thìn rồng ở mây xanh,
 Làm mưa làm gió, ẩn mình trong mây¹.
 Tuổi Tỵ rắn ở ngọn cây,
 Nằm khoanh trong bông có hay việc gì!
 Tuổi Ngọ ngựa ô đen sì,
 Ý mình cứng vó ngại gì đường xa.
 Tuổi Mùi là con dê nhà,
 Có sừng có gạc râu ria um tùm².

1. Có bản kể khác:

*Tuổi Thìn sống ở thiên đình,
 Nghe thương đấu võ, ẩn mình trong mây.*

2. Có bản kể khác:

*Tuổi Mùi thân ở trong rừng,
 Tai nghe tiếng sấm vẫn từng nhảy ghê.*

Tuổi Thân con khỉ ở lùm,
Trèo qua trèo lại, lọt ùm xuống sông.
Tuổi Dậu con gà vàng lông,
Có mỏ có móng, sớm gáy ó o.
Tuổi Tuất là con chó cò,
Nằm khoanh trong lò, lỗ mũi lộ lem.
Tuổi Hợi con heo ăn hèm,
Ăn dơ uống dáy, thân lem lấm bùn.

3- VỀ HÀNG HOÁ VÀ SẢN VẬT

CHỢ ĐỒNG XUÂN

Vui nhất là chợ Đồng Xuân
Mùa nào thức ấy xa gần bán mua
Cổng chợ có anh hàng dưa
Hàng cam, hàng quýt, hàng mơ, hàng đào
Xăm xăm em mới bước vào
Thấy anh hàng thuốc hút lờ say sưa
Nút nẻ thì anh hàng na
Chua chát hàng sấu, ngọt nga hàng đường
Thơm ngát thì chị hàng hương
Tanh ngắt hàng cá, phô trương hàng vàng
Xộc xệch thì anh hàng gang
Cả rổ lẫn thúng cả sàng lẫn nia
Sọ sẹ thì anh hàng thìa
Cả bát lẫn đĩa nhiều bề ung dung
Đỏ đơn thì anh hàng hồng
Thanh yên, phật thủ, bưởi bòng kể chi
Trống quân vận chẳng ra gì
Mỗi người mỗi vẻ ai thì kém ai
Trông lên thấy dãy hàng chai
Có một chú Khách vôộc (trọc) đầu trắng răng
Ai ơi khéo nói đãi đàng
Hàng ốc hàng ếch, hàng măng hàng quạ
Trông lên thấy dãy hàng cà

Bánh đúc bánh đậu bánh đa xôi vò
 Trông lên thấy dây thịt bò
 Chú bồi, chú Khách đợi chờ bán mua
 Trông lên thấy dây hàng cua
 Em xách một giỏ anh mua mấy hào
 Trông lên dây phố Hàng Đào
 Miệng chào hôn hử anh vào cùng em.

CHỢ ĐỒNG XUÂN

Hà Nội như động tiên sa
 Sáu giờ máy hết đèn xa đèn gần
 Vui nhất là chợ Đồng Xuân¹
 Thức gì cũng có xa gần bán mua.
 Giữa chợ có anh hàng dừa
 Hàng cam, hàng quýt, hàng dưa, hàng hồng.
 Ai ơi đứng lại mà trông
 Hàng vóc, hàng nhiều thông dong nược nà.
 Cổng chợ có chị hàng hoa

1. *Chợ Đồng Xuân*: tên một chợ lớn nhất của Hà Nội, ở phố Đồng Xuân vốn thuộc phường Đồng Xuân huyện Thọ Xương cũ. Chợ này thay thế chợ Cầu Đông xưa kia, và là nơi tập trung buôn bán của thủ đô và cả các tỉnh lân cận.

Có người đổi bạc chạy ra chạy vào
 Lại thêm "sực tắc" bán rao¹
 Kẹo cau, kẹo đạn, miến xào, bún bung²
 Lại thêm bánh rán, kẹo vừng
 Trước mặt bún chả, sau lưng bánh giò.
 Ồ ào chuyện nhỏ chuyện to
 Lú lo chú khách bánh bò bán rao
 Xăm xăm khi mới bước vào
 Hàng tôm, hàng tép xôn xao mọi bề
 Lịch sự là chị hàng lê
 Quàng quạc hàng vịt, tò te hàng gà
 Nút nở như chị hàng na
 Chua vào hàng sấu, ngọt ra hàng đường
 Thơm ngát là chị hàng hương
 Tanh ngắt hàng cá, phô trương hàng vàng.
 Lôi thôi là chị hàng giang
 Bán rổ, bán xảo, bán sàng, bán nia.
 Thươi môi là chị hàng thìa
 San sát hàng bát nhiều bề long đong
 Đỏ đơn như chị hàng hồng

-
1. "Sực tắc": chỉ gánh hàng mần thẩn, món ăn bằng bột mì viên tròn có thịt hay tôm giã ở bên trong, thả vào nước dùng. Người bán hàng này dùng hai mảnh gỗ gõ vào nhau thành tiếng nghe na ná như "sực tắc" để thay lời rao, do đó mà thành tên.)
 2. *Kẹo cau*: một thứ kẹo nấu bằng đường nhuộm xanh hình quả cau nhưng bé hơn.

Hàng cam, hàng quýt, buổi hồng thiếu chi
 Trống quân cò lả sót gì
 Mỗi người một vẻ ai thì kém ai
 Lại thêm cạo mặt, ngoáy tai
 Lại thêm ngoài chợ có người họa tranh
 Ngoài ra cải, diếp, rấm, hành
 Thì là, cải cúc xanh xanh rõ ràng.
 Có người bán lược, bán gương
 Có người bán cả hòm rương, tử quỳ.
 Có người bán dép, bán giày
 Có người bán cả ghế mây để ngồi
 Suốt ngày chợ họp ai ơi
 Thượng vàng hạ cám bao người bán mua.
 Hay cấp như chị hàng cua
 Nhảy nhót hàng ếch ai mua được rày!
 Có người xem tướng xem tay
 Châu văn, đồng bóng ộp ngay tức thời
 Thôi thì đủ thức đủ người
 Ôn ào nhộn nhịp nói cười chen vai.
 Có anh bán thuốc cũng hay
 Mồm rao liến láu, bệnh khỏi ngay tức thời.
 Lại còn kẻ cấp như rươi
 Hở cơ chốc lát, tiền ôi mất rồi.
 Dậm chân xuống đất kêu trời

Phú-lít có đến cũng thôi đi đời.¹

Tối đến đuổi chợ mình ơi!

Quá năm giờ rưỡi, hết người bán mua.

KẺ CHỢ

Thử xem tính nết mọi người
 Bán hàng ở chợ xem ai hiền lành
 Chua ngoa là chị hành chanh
 Hung hăng có bác hàng hành nói ra
 Cười giòn chị bán bánh đa
 Các cô hàng vải thật là nói dai
 Ngứa mồm là chị hàng khoai
 Sao cô hàng lạc nói bùi dễ nghe
 Ngọt ngào là chị hàng chè
 Sao cô hàng ớt nói thì đắng cay
 Các bà hàng cá suốt ngày mè nheo
 Các anh hàng thịt lắm điều
 Nửa nạc nửa mỡ ai trêu làm gì
 Các bà hàng mắm cũng ghê
 Tính hay gắt gỏng nói thì bùi ngon
 Máy cô hàng bún khéo mồm
 Nói năng mềm dẻo dễ thương đó mà
 Lắm lời nhất chị hàng gà

1. Do tiếng Pháp "agent de police" nghĩa là cảnh sát.

Nói thời quang quác như là cãi nhau
 Lại thêm mấy bà hàng cau
 Nói thì nửa hạt nửa mầu lẳng lơ
 Hàng muối ăn nói mặn mà
 Cong queo tíu tít mấy bà hàng tôm
 Hàng mía nói rõ ngọt mồm
 Sao cô hàng thuốc nói thường mà say
 Các bà trầu vỏ cũng cay
 Nói thời dai ngoách cả ngày không thôi
 Lại thêm hàng nón áo tơ
 Vành vè xoi mới cả ngày không thua
 Nói ngang như chị hàng cua
 Hàng sáu hàng khế nói chua ra tuồng
 Bàn nát có chị hàng tương
 Nói toàn bôi bác hàng sơn đồ mà
 Lại thêm hàng gạo hàng ngô
 Dong đưa gằn sẩy bốn mùa kêu ca
 Lời bác thợ nhuộm nói ra
 Xanh, vàng, tím, đỏ thật là tím gan
 Chỉ lợi cho chị hàng cơm
 Vừa ăn vừa nói nhồm nhoàm mà no
 Thợ may nói chuyện gay go
 Vạch ngang vạch dọc, đẩn đo kéo dài
 Mấy anh thợ tóc ngứa tai
 Đúng nghe rõ hết những lời tóc tơ
 Các bà quả bánh rau dưa
 Lôi thôi xơ mướp, nói thời không đầu
 Việc gì đến bác lái trâu
 Long quanh sừng sộ lắc đầu nhe răng
 Thợ rèn sùi sụt than rằng

Búa kìm bỏ bể xin đừng đe loi
 Các cô hàng chuối lắm lời
 Quả xanh quả chín, quả thối còn ương.

CHỢ LƯƠNG HỢP LẠI VUI THAY

Chợ Lương ở thị trấn Đô Lương. Đây là trung độ của đường giao thông cả bộ lẫn thuỷ từ dưới lên, trên xuống, trong ra, ngoài vào. Hơn nữa, chợ lại nằm giữa một vùng khá trù mật, xưa là tỉnh lỵ của xứ Nghệ vào đời Lý. Nên chợ Lương là một chợ lớn ở Nghệ An.

Bài vè này ca ngợi chợ Lương và cho ta thấy các sản vật, hàng hoá đem bán ở chợ Lương rất phong phú.

Chợ Lương họp lại vui thay,¹
 Đàng đông lúa gạo, đàng tây tru bò.
 Xã đã khéo lo,
 Lập lều hai dãy.

Hàng sồi hàng vải,
 Thì kéo lên đình.
 Hàng xén xung quanh,
 Hàng thịt hàng lòng ở giữa.

Ngong vô trúa (giữa) chợ,
 Chộ (thấy) thị với hồng.

1. Có lẽ những ngày binh hoả trong những năm Cần Vương chống Pháp, chợ Lương không họp được, sau đó mới họp lại.

Dòm ngang xuống sông,
Chộ thuyền với lái.

Ngong sang bên phải
Chộ những vịt gà
Hàng nhơn, hàng na
Hàng trâu, hàng mấu.

Hàng ngô, hàng đậu,
Hàng mít, hàng cà,
Hàng bánh, hàng quà,
Hàng chi có cả.

Rồi nào hàng cá,
Hàng bưởi, hàng bông,
Những cô gái chưa chồng,
Thích hàng gương, hàng lược.

Dạo quanh một lượt,
Thấy hàng thúng hàng tràng (sàng),
Hàng nống, hàng vàng,
Lại có cả hàng mã.

Chị ra trửa (giữa) xã,
Đi chợ mua hương
Hôm nay giỗ chường (chàng)
Thương ời gái goá.

Hàng chi có cả
Dưới biển đưa lên

Rồi hàng miến trên
Chở bè đưa xuống

Tôi xuống chợ Phuống¹
Tôi lên chợ Dừa²
Chợ Dinh, chợ Kê³
Không nơi mô vui bằng chợ Lường ở nơi tôi cả.

KHÔNG ĐÂU BẰNG CHỢ MỖ

Chợ Mỗ ở làng kẻ Mỗ tức làng Đức Lân, sau đổi là Đức Hậu, nay thuộc xã Hậu Thành. Yên Thành. Chợ Mỗ cũng là một chợ lớn ở Yên Thành.

Bài vè này nói về các sản vật và hàng hoá đem bán ở chợ Mỗ. Vì là người trong làng nên mở đầu bài vè, tác giả ca ngợi làng mình và ca ngợi chợ Mỗ. Đã nói đến chợ là nói buôn bán, nên tác giả khuyên người ta: chớ dối trá quàng xiên, hãy giữ lấy điều nhân đức.

Nhìn phong cảnh vui vầy,
Khen giời sao khéo vẫn xây thay là.
Chốn Đức Lân làng ta
Đất mang hình long mã.

Nom thượng kế hạ

-
1. *Chợ Phuống*: ở Thanh Giang, hạ huyện Thanh Chương.
 2. *Chợ Dừa*: ở xã Hùng Sơn thuộc Anh Sơn.
 3. *Chợ Dinh*: ở xã Hoa Thành, *chợ Kê* ở xã Mỹ Thành, hai chợ này ở huyện Yên Thành.

Đất bàn trải chân long
 Kết một giả đình trung
 Để họp làng họp nước.¹

Thỉnh lai dàng trước,
 Có sơn Hán phủ đầu,
 Có cụ lão sống lâu,
 Có nhân khang vật thịnh.

Tiền kế hậu tấn,
 Sang đã nên sang
 Ai đặt tên cho làng
 Có xóm Thượng, xóm Nam
 Xóm kẻ Chùa, xóm Trong
 Xóm Đồng Diếc, Đình Trung
 Đã lấy làm khôn khéo.
 Công thì mực mọ,
 Nông cứ việc cày bừa,
 Đi sớm về trưa,
 Việc chuyên cần ngày tháng.

Sĩ thời lai vãng
 Chơi cửa Khổng sân Trình
 Thương những kẻ trong dân
 Đi khắp nơi thông hành
 Thượng nguồn hạ bể.

1. *Đình*: chỉ đình Mỗ, đình của làng, một đình lớn trong vùng.

Sự tình là thế
 Chẳng kém đất ai
 Trông ra xóm ngoài
 Lấy làm vui vẻ.

Bà con già trẻ
 Công buổi luôn tay
 Đàn ông đi cày
 Tư mùa bát tiết.

Ngày thì cuốc nguyệt
 Tối đàn hát vang lưng
 Nghe hoa nở mùa xuân
 Nghe ngoài trong râm rậy.

Kẻ ngược lên cũng vậy
 Người xuôi xuống cũng là
 Xem phong cảnh làng ta
 Đâu vui vậy hơn nữa.

Chốn Đức Lân làng Mỗ,
 Nở đất nước mô hơn
 Nghe tiếng trống nhịp đờn
 Giọng cò ke diu đặt.¹

Đồ ăn chơi tươi tất,
 Đất no ấm phong lưu,

1. Giọng cò ke là giọng nhị.

Bể rộng trời cao,
Có làng nào hơn nữa.

Năm xưa cưới chợ
Đặt Mỗ là tên¹
Để thuận bề giao liên
Để thuận đường buôn bán.
Được thuận bề mua bán.

Làng bầu cổ Thượng Cán²
Coi chợ cho nghiêm trang,
Nghe đổi chác tiền nong,
Xách một roi ra đứng.
Không ăn thì ngập ngụng,
Ăn vô sợ phải đòn,
Miệng nân nỉ nước non
Mắt dầm dề chây luy.³

Nguồn cơn tình lệ
Ai nỏ (không) sợ nỏ kinh
Yết thị dán giữa đình
Bán buôn có lời lỗ.
Nghĩ như chợ Mỗ,
Năm cưới chợ đến giữ.
Nỏ mấy ai sinh điều hư,

1. Nói làng Đức Lân cưới chợ cũng đặt là chợ Mỗ.

2. Túc ông Cán ở xóm Thượng.

3. Ý nói gian tham khi đi chợ Mỗ không dám làm điều bậy vì sợ cổ thượng cán, người coi chợ, đánh đòn.

Nhưng rồi điều mô nỏ có.

Đồng tiền hột ló
Vốn là ăn của chung
Muốn ăn thông đồng
Cho thuận tình cơ sự

Trong sách có chữ
Chữ thiên tải nhất thì
Nỏ mấy năm ra ri
Loại đồng tiền ra rứa.

Một tháng chín phiên chợ
Nỏ thiếu giống gì đâu
Tơ lụa nhiều tàu,
Ngồi giảng ra ba dây.

Cau trù (trầu) bông vải
Ngồi lải rải chan chan
Đồng Tháp, phường Giàn¹
Chỉ, kim, gương, lược.

Vịt gà, dép guốc
Lá nón cũng nhiều
Phường Lữ đập diu²
Thường thường lên buôn bán.

1. *Đồng Tháp, phường Giàn*: nay thuộc xã Diên Hồng, Diên Châu.

2. *Phường Lữ*: phường ở làng Lữ, nay thuộc xã Diên Yên, Diên Châu.

Kẻ buôn trăm bán vạn
Cũng thế mà thôi.
Hàng chè, hàng nôi,
Nâu, mây cũng có.

Ngô, khoai, đậu, lúa (lúa)
Vô số hàng hà
Tở mở bung ra
Biết bao nhiêu mà kể.

Kẻ thì dài dẽ
Người đầu đội vai mang
Vô (vào) bốn cổng thẳng đàng
Ừ ừ như gió thổi.

Tiết mùa thu thị, ổi,
Tiết mùa hạ mít, gai,
Ba dĩa, bảy dài,
Đồ ăn chơi cũng ghẹo.¹

Bún lòng, bánh kẹo,
Thịt cá nỏ thiếu chi.
Thuốc chè hết đi
Có bà Tri đeo (đem) về bán.²

Bút giấy đã chán,
Vàng mực ngoại trăm ngàn

1. *Cũng ghẹo*: cũng nhiều vô kể.

2. *Bà Tri*: người chuyên bán thuốc lão ở chợ Mỗ, chưa rõ quê bà ở đâu.
có người nói bà ở Diễn Châu, lại có người nói bà ở Quỳnh Lưu.

Rượu đặt để chan chan
Đa đa nhi ích thiện.¹

Chợ đông như ong kiến
Họp từ sớm đến chiều
Xã Qui Lãng cũng nhiều,
Dinh Khoa, Tam Thọ,²

Tường Lai, Thư Phủ
Cồn Sát, kẻ Già
Làng Duệ, Tam Đa
Vũ Kỳ, Hương, Thọ
Làng Giai cũng có
Làng Cầu chợ đôi người
Chốn bầu Gang xa xôi
Tứ vi đều đến cả.³

Bán buôn ra rá
Thật thậm là vui
Gái lắm kẻ hảnh hoi
Trai nhiều người lịch sự.

Đất thì có bữa,
Ế lại có phiên.

-
1. *Đa đa ích thiện*: càng nhiều càng tốt.
 2. *Qui Lãng*: nay là xã Lãng Thành. Dinh Khoa, Tam Thọ, hai làng của xã Thọ Thành, Yên Thành.
 3. Mấy địa danh trên đều ở quanh vùng chợ Mỗ, duy 2 làng Thư Phủ và Cồn Sát là ở xã Diên Thái, Diên Châu, Bầu Gang ở Thanh Chương.

Cứ tính toán đồng tiền,
Miệng lầm bầm xong tuốt.

Thả những lời thừa thốt,
Thả những chuột, những chim
Chớ kẻo, tắc lìm
Thâm chà, tắc lái.¹

Ngồi mà nghĩ lại
Phong cảnh vui vầy
Trời khéo vắn xây
Xây về miền chợ Mổ.

Nên giàu nên có
Nên nhân thọ khang ninh
Nên phú quý hiển vinh
Thiên đường, địa cửu.

Hồi tất cả bạn hữu
Xin nhớ lấy đừng quên
Buôn bán muốn lắm tiền
Muốn lời nhiều, vốn ít.

Hãy nghĩ điều nhân đức,
Chớ dối trá quàng xiên
Để cho làng Mổ mãi mãi bình yên.

1. Tiếng lóng trong buôn bán.

VỀ ĐI CHỢ

Đi chợ, các chị đi chợ,
Chợ nào thú vị bằng chợ Gò Chàm¹.
Tôm khô, cá trụng², thịt bò, thịt heo,
Rất nhiều bánh ướt, bánh xèo,
Bánh khô, bánh nổ, bánh bèo liên ư³.
Còn như cá chép, cá thu,
Cá ngừ, cá gỏi, cá chù thiệt ngon.
Kể thêm mấy thứ bánh dòn,
Nem chua, chả lợn, trà đường ủ ê.
Kể ra cho hết chợ nè,
Thiên hồ, vạn hải⁴, quý thầy nghe chơi.
Ngó ra ngoài chợ bán những tranh cày,
Roi mây, gáo, vá, dép giầy nghênh ngang.
Kể thêm mấy thứ xoàng xoàng,
Bắp rang, củ, đồ, đục, chày, kéo, dao.
Xem qua chẳng thiếu người nào,
Quảng Nam, Quảng Ngãi cũng ào mà vô.
Bán thì nhiều món hàng khô,
Tính ra thật lắm những đồ đẹp thay.
Bên kia còn món hay hay,
Nón rua, nón chóp bán rày huyền thuyên.
Long lanh mấy thứ nhiều tiền,
Hột vàng, cà rá, hột đá, gương cài,

1. Thuộc tỉnh Bình Định.

2. Cá luộc.

3. Nhiều thứ.

4. Nghĩa là nghìn hồ, vạn biển, ý nói từ nhiều nơi đem về.

Dầu thơm dầu tho, bún to bún nhỏ,
 Bát mỏng tai mèo, da lươn da ếch,
 Kể hết đồ đồng, đồ tam, đồ ngũ,
 Kể đủ hàng hoá, ớt hành tiêu tỏi,
 Rau răm rau húng, hàng thùng cà tây,
 Mua bán có bạc cây¹ là mấy cô hàng xén.
 Có ít người lớn lén,
 Ẩn cấp thiết lạnh,
 Mấy chị di canh,
 Ấy là trùm chợ...

SẢN VẬT HÀ NỘI

Làng tôi công nghệ đầu bằng
 Là làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân²
 Quai thao dẹt khéo vô ngần
 Là nghề của Vũ sứ thần dạy cho³
 Tóc rối, lông vịt, mã cò⁴
 Bán ra ngoại quốc cũng to vốn lời
 Khăn đan kiểu lối tân thời
 Cấy tua chân chỉ mọi người đều tinh⁵

-
1. Từng xấp bạc: nhiều tiền.
 2. Ngã ba Thanh Xuân trên đường Hà Đông - Hà Nội.
 3. Vũ sứ thần tức Vũ Úy dưới đời Cảnh Hưng (1740-1786) đã sang Trung Quốc học được nghề làm thao (quai thao) về cải tiến và dạy cho dân làng, sau được làng thờ. Hiện còn có bức tranh vẽ chân dung ở nhà thờ họ Vũ trong làng.
 4. Mã cò: tức lông cò, xưa dùng làm quạt lá đề.
 5. Cấy tua, chân chỉ: dùng chân chỉ chắp vào thành tua.

Tua cờ nhà đạo, nhà binh
 Bán ra Hà Nội, Huế, Vinh, Sài Gòn.
 Chân chỉ, hạt bột, y môn¹
 Tiêu thụ các xứ bán buôn thật nhiều
 Buồng chơi dùng đệm lông cừu
 Hỏi thăm Triều Khúc có nhiều tài hoa.
 Thắng đai ngựa, chổi lông gà²
 Thất lưng, khăn mặt người ta thường dùng
 Len đan mũ trả ít công
 "Tích cô" dệt máy dùng trong mùa hè³
 Hoa bằng lông vịt mời kỳ
 Giỏ đựng ăm tích bằng tre khéo làm.
 Nghề kẹo mạp, thợ kim hoàn
 Nghề nào cũng giỏi khôn ngoan ai tày.
 Quai túi dệt, sợi giấy tây
 Vẽ tranh sơn thủy dùng bày phòng chơi.
 Hơn ba mươi nghề tân thời
 Sĩ, công, nông, cổ mọi người đều hay
 Nghề nào cũng khéo chân tay
 Nhất thân vinh hiển buổi này cạnh tranh⁴.

VỀ HÀNG HOÁ

Bánh chưng thì ngọt

-
1. *Y môn*: rèm treo ở cửa ra vào, cũng có người gọi là nghi môn.
 2. *Thắng*: dây đeo ở đai ngựa.
 3. *Tích cô*: do tiếng Pháp tricol mà ra. Loại áo nịt mặc trong.
 4. Bài này xuất hiện khoảng năm 1924 - 1925. Làng Triều Khúc tên nôm là Đơ Thao nay thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì.

Roi mót đập đầu
 Hàng cau hàng trầu
 Là hàng con gái
 Hàng bánh hàng trái
 Là hàng mụ tra¹
 Hàng hương hàng hoa
 Là hàng Nhật Bản
 Nấu cơm lổn nhổn
 Là chợ Kẻ Diên
 Đội nón năm liễn
 Là con gái Huế
 Cỡi ngựa ra tể
 Là con Kẻ Di
 Mần ra mần tề
 Là con nghề cá
 Xéc rá mần thuê
 Là con nôốc rớ²
 Con gái đi chợ
 Ăn bánh nhụy tôm
 Hai tay bóp lại
 Cái mồm há³ ra.

LỄ QUAN

Sáp vàng hai bánh

1. *Mụ tra*: bà già.

2. *Nôốc rớ*: đánh bắt cá bằng rớ (vó) từ ghe thuyền.

3. *Há*: há.

Yến huyết một cân
 Mút bí mút gừng
 Mút chanh mút khế
 Cam rim, hồng rim
 Đường phối đường đá
 Tôm khô vi cá
 Đom độp, gân nai
 Bột báng bột khoai
 Dầu thông nắm mối
 Cà cuống, trứng sam
 Bạch hương, kỳ nam
 Thuốc tàu, á phiện
 Khô voi, bò miếng
 Vịt nước, le le
 Ba ba cần đước
 Tỏi đà sấm trước
 Đem tới ông Hy
 Chẳng thiếu vật chi
 Lễ mừng công tử.

MỜI QUÝ VỊ DẠO CHƠI TỈNH NHÀ.

Bài này chỉ giới thiệu những thổ sản đặc biệt của xứ Nghệ An từ miền xuôi lên miền ngược. Với giọng văn dí dỏm vui tươi, tác giả dẫn chúng ta tạt qua các huyện của tỉnh Nghệ, thưởng thức những sản phẩm của đất nước mà chủ yếu là những món ăn quê mùa nhưng rất được ưa chuộng của nông dân do sự cần cù kết hợp với thổ ngơi mà có.

Bây giờ mùa đã dần (rối) rồi,
Xin mời quý vị dạo chơi tỉnh nhà:
Quỳnh Lưu đó không xa,
Mời các ngài đến thử.

Lựa sồi không mấy trụ (đồng),
Cứ may mặc tự nhiên.
Chẳng ai dám hỏi tiền,
May một khi mười bộ,
May một lần chục bộ.

Xin mời ngài chiếu cố,
Đến phủ Diễn mà chơi.
Thuyền đánh cá ngoài khơi,
Đang chờ ngài nóng ruột.

Cá đem về luộc tuốt (tất cả),
Ăn không hết phơi khô.
Rồi cho đóng dăm bồ,
Chở theo ngài dùng tạm.

Nước mắm ngon thượng hạng,
Thêm ruốc ngọt trời (nổi) mùi¹,
Nếu ngài chẳng chê hôi,
Xin biếu không chục hũ,
Xin biếu ngài mười hũ.

1. Tức mắm tôm.

Dọc đường qua cũng thú,
Đất Nghi Lộc không xa,
Ở đó thật lắm cà,
Thấy bóng khách đang xa,
Đã đem cà ra hiến.
Cà huyện Nghi dòn bien (tan)
Cà có cuống thật nhiều¹
Ngài dùng độ bao nhiêu?
Thì bảo cho được biết.

Nếu như ngài cần thiết,
Xin sắp sẵn xe bò,
Đủ cà nhỏ, cà to,
Gửi theo ngài một thể.

Vào Hưng Nguyên cũng dễ,
Đường đất chẳng bao xa.
Rươi muối để đầy nhà,²
Ông mô rồi cũng có,
Bà mô rồi cũng có³

Rươi Hưng Nguyên trắng đỏ⁴,
Nghe nói đến đã thèm.

-
1. Cà ở Nghi Lộc nổi tiếng là ngon dòn, gọi cà pháo Nghệ An chính là đây. Tác giả chỉ tiếng Nghi Lộc có 3 thanh nói khó nghe cà với cá là một, nên câu "cà có cuống, cà có đuôi".
 2. Túc mắm rươi.
 3. Ý nói nhà ông bà nào cũng có thứ mắm đó.
 4. Loại rươi trắng đỏ là muối từ rươi tươi ngon; còn loại rươi xanh là rươi ươn.

Ngài nếm thử mà xem,
Ngọt ra đắng sau ót (gáy),
Ngọt tận đắng sau ót.

Ngài muốn dùng tương ngọt,
Xin mời đến Nam Đàn,
Tôi không dám nói gian,
Tương Nam Đàn nổi tiếng.¹

Giữ xin ngài qua viếng (thăm),
Đất Hồ Liễu mà xem²,
Vô kể gái hồng nhan,
Nói năng dòn đặc biệt.
Có đi qua mới biết:

Đàng trước, giải lưng điều,
Tôi không dám nói điều,
Xoè ra như bướm bướm,
Xoè như đôi cánh bướm.

Nếu mặt trời còn sớm,
Đây có sẵn đồ ngang,
Sông Lam nước xanh rờn,
Qua Thanh Chương cũng tiện,
Về Thanh Chương cũng tiện.

Bến chiều: đông hơn kiến,

1. Có câu tục ngữ: "Nhút Thanh Chương, tương Nam Đàn".

2. Túc Xuân Hồ và Xuân Liễu bây giờ. Xuân Hồ nằm trong xã Xuân Hoà, còn Xuân Liễu là hai xã Nam Anh và Nam Xuân.

Đất thanh lịch vui ghê!
 Ăn cơm với cá mè,
 Tiếp thêm dăm đĩa nhút.¹

Nhút Thanh Chương cũng ngọt,
 Kể chẳng mấy đồng tiền,
 Xơ mít chất đầy hiên,
 Băm một khi tám nống (nong),
 Băm một lần mười nống.

Đất Anh Sơn cũng rộng,²
 Cuộc bộ bỏ hơi tai,
 Nay cũng muốn mời ngài,
 Ghé qua chơi một tí (tí).

Phố Đô Lương âm ỉ,
 Mít cũng thật nhiều ghê,
 Đi đàng tẻ đàng tê,
 Đã ngủ nghe mùi mít.

Dưa đóng bè một ít,
 Thì đã đến Long Sơn.³
 Xa nghe tỏ tiếng đồn,
 Nước chè Gay vàng rộm,

-
1. *Nhút*: một loại dưa chua muối bằng mít non băm nhỏ, có pha gừng, là một món ăn phổ biến vùng Thanh Chương.
 2. Anh Sơn nay là hai huyện Anh Sơn và Đô Lương.
 3. Nay cũng là xã Long Sơn thuộc huyện Anh Sơn, có lẽ tác giả nói xã Long Sơn rộng lớn sau Cách mạng tháng Tám cho đến 1953.

Nước chợ Gay vàng rộm.¹

Nếu ngài có đau ốm,
Muốn dưỡng bệnh ít lâu,
Thì thật chẳng ở đâu
Bằng Yên Thành nữa cả².

Rẻ cả cà, cả cá,
Gạo cốt sức mà xơi,³
Ngài ở chẳng mấy hồi,
Đã béo hơn con cút⁴.

Ngài mạnh rồi sẽ ngược,
Qua ba trọt Động Cầu,⁵
Ngô mọc tốt hơn dâu,
Ngô Nghĩa Đàn vàng rộm.

Nếu ngài chưa khỏi ốm,

-
1. Chợ Gay ở Lĩnh Sơn (Anh Sơn). Ở đây thổ sản là chè xanh. Nước chè ở đây nấu rất đặc, chất ngon có tiếng. *Vàng rộm*: vàng khè.
 2. Có câu tục ngữ: "Nghệ Đông Thành, Thanh Nông Cống", là hai nơi nhiều lúa, lắm thức ăn. Yên Thành nay là một nửa của huyện Đông Thành ngày trước.
 3. *Gạo cốt*: gạo giã cho thật trắng.
 4. *Cút*: loại chim lông màu nâu hay lủi trong ruộng lúa. Có câu tục ngữ "béo như chim cút". Con cút cũng có người nói là "vịt nước".
 5. *Trọt*: chỗ trồng nhất của cánh đồng hay đường đi. Động Cầu thuộc xã Lang Thành, Yên Thành, qua ba trọt Động Cầu tức là qua Ba Xanh, Ba Quanh rẽ lên các xã Nghĩa Đông, Nghĩa Bình... tức là vùng Sen, Sẻ thuộc huyện Nghĩa Đàn cũ (1963 lại nay thuộc huyện Tân Kỳ), nơi trồng nhiều ngô.

Thì xin ngược Quì Châu,¹
Nói không phải khoe đâu,
Quế Quì Châu tốt nhất,
Quế Phủ Quì tốt nhất.

Nếu ngài mà lật đật,
Sơ nước độc muốn về,
Thì xin đóng ít bè,
Chở quế về mà uống.

Khoan khoan, ngài đừng vội xuống,
Nếu ngài có thể gượng,
Thì xin ngược Con Công,
Lấy ít nửa, ít luồng,
Mà về dùng cũng lợi,
Đem về dùng cũng lợi.

Mười một nơi đã trải,
Còn một huyện Tương Dương.²
Như chẳng ngại đường trường,
Mời ngài lên một tỉ
Mời lên chơi một tỉ.

Ở đó lắm xương khỉ,

1. Tác giả nói phủ Quì Châu cũ, từ năm 1963 lại nay chia làm ba huyện là Quế Phong, Quì Châu và Quì Hợp. Chỉ Quế Phong mới có quế tốt.

2. Tác giả cũng nói huyện Tương Dương hồi đó, nay là hai huyện Tương Dương và Kỳ Sơn.

Đeo (mang về) ít bộ nấu cao.
Ngài ưng ý ó "xao"¹
Thì cũng đi cho chóng.

Nếu ngài đừng xong nóng²
Cứ nấn ná ở hoài,
Tôi không dám nói sai,
Miền Tương Dương lắm khải (hồ),
Miền Cửa Rào lắm khải.

HÁT VỀ MÙA NÀO THỨC ẤY³

...Quanh năm sản vật đủ loài
Mùa nào thức ấy, đông vui khách tình
Thu đông cây trụi lá cành
Bạn đừng tưởng đó buồn tênh biển mình
Tôm hùm rét mới vào ghềnh
Món ăn đặc biệt xin anh chớ nề...
Rét về, cá dở cũng về⁴
Nem công chả phượng không hề nhường ngôi.
Động trời mâm có cá buôi
Ghép chiên với tỏi, xin mời đi thôi

-
1. *Xao*: tức phu xao, cô gái (tiếng Thái). Đa số dân Con Cuông là người Thái.
 2. *Xong nóng*: vội vã đứng ngồi không yên.
 3. Còn có tên về sản vật biển. Về nhằm giới thiệu các loại cá đặc sản dựa theo cách ngôn ngạn ngữ - phổ biến ở các cửa sông vùng nam sông Gianh trở vào.
 4. *Cá dở*: một loại cá ngon về mùa rét.

Mưa ngàn nước lũ về xuôi
 Sông sâu chảy xiết, sóng dồi hể chi
 Ấy mùa rổ, đáy¹ mê li
 Cá say nước bạc con gì cũng ngon.
 Ông hương, hanh múi, ngạnh nguồn²
 Cá rìa, lệt núi, chẳng nhường thịt heo
 Kéo dài gió bắc liu riu
 Biển trời chưa lặng vẫn nhiều thức ăn
 Bữa cơm mắm kiệu tuyệt trần
 Tuy rằng thanh đạm ngàn lần cao sang
 Mắm cá muối gọt dòn tan
 Khế rành ruốc lạt anh càng thêm ưa
 Đông tàn, xuân ấm vào thơ
 Mai mong cánh bướm, đào chờ gió đông.
 Tết về, câu đối, pháo, bông³
 Chẳng ham giò chả chỉ mong "ngựa, chèo"⁴
 Giêng hai sương bắc le the
 Món chả cá rạ chực về ngôi vua.
 Cúc tàn lửa lựu đâm hoa
 Cá chuồng cá cúng tháng ba béo dân⁵
 Nhưng mà ngôi hậu trong mâm
 Phải nhường cá bớp lên tầm chí tôn.
 Mực tươi xào với thơm Tùng⁶

1. Rổ, đáy: đặng, vó.

2. Tên các loại cá sông mùa lũ.

3. Bông: hoa.

4. Ngựa: cá Ngựa; Chèo: cá Chèo.

5. Tục ngữ: Chuồng cúng tháng 3, thu đa tháng 7.

6. Thơm Tùng (thơm: quả dứa): Dứa của Tùng đem ra bán.

Nướng khô nhấm rượu dầu rừng, gì hơn?
 Hè sang quốc gọi nỉ non
 Bạn về tắm biển¹ gió nồm lằng lằng
 Tha hồ chọn lựa thức ăn
 Nhất gan cá ghé nhai mang cá thiếu.²
 Bạn về làng biển mến yêu
 Nục xồ³ mới luộc nên chiều bánh đa.
 Mỡ, hành hấp cá mú hoa
 Cá thu quét chả như là nem công
 Cá ngừ với bún làng Trung
 Tôm chua thịt nạc tuyệt trần vô song
 Cá hồng thịt, cá đuối lòng
 Vẫn thua con ruốc máu rồng giữa năm
 Nguyên chất nước mắm nục mồng
 Một thời giá trị bằng mâm cỗ đây...

VỀ BÁNH

Tròn như mặt trăng,
 Đó là bánh xèo.
 Có cưỡi có cheo,
 Đó là bánh hời.
 Đi không đặt giới,
 Đó là bánh bò.
 Ăn không đặt no,

1. Có người đọc: Bạn về làng biển. Chữ tắm biển có vẻ mới hơn.
 2. Tục ngữ: Nghé gan mang thiếu.
 3. Nục xồ: loại cá nục, con rất to có con 500gr.

Đó là bánh ít.
Giống nhau như hệt,¹
Đó là bánh in.
Mắc cỡ không nhìn,
Là bánh khổ qua.
Nấu nếp căng ra,
Là bánh trôi nước.
Biết đi, biết bước,
Đó là bánh chưng.²
Có núm trên lưng,
Là bánh nhũ đệ.
Mật đường mà chế
Là bánh da trời.
Để đĩa có ngời,
Bánh trong, bánh lọc.
Giống nó hay mọc,
Chỉ thiệt bánh gừng.
Lại cột trên lưng,
Đó là bánh tét.
Bốn cẳng hay quét,
Đó là bánh qui.
Hay kiêng hay vì,
Là bánh xôi vị.
Bỏ vô trong bị,
Đó là bánh bao.
Sang sảng như sao,
Là bánh bột báng.

1. *Như hệt*: như hệt, giống hệt nhau.

2. *Chưng*: theo ngũ âm Nam Bộ *chưng* đọc như *chưn* (chấn).

Tròn như viên đạn,
 Đó là bánh cam.
 Ăn ở chồm bồm,
 Thật là bánh ổ.
 Tròn như lỗ đố,
 Đó là bánh căng.
 Cái mình có rần,
 Là bánh da lợn.
 Có giống lợn cợn,
 Chỉ thiệt chè khoai.
 Ăn nó ngứa hoài,
 Đó là bánh dứa.
 Lấy trai có chữa,
 Đó là bánh bầu.
 Xe nhợ mà câu,
 Đó là bánh chỉ.
 Muốn ăn cho kỹ,
 Thì ních tàu thương.
 Thiên hạ không ưng,
 Đó là bánh còng.
 Xe nhợ mà vòng,
 Đó là bánh nghê.
 Mật đường mà chế,
 Chỉ thiệt xu xoa.
 Tưởng ông tưởng bà,
 Đó là bánh cúng.
 Hấp ra có nùm,
 Đó là bánh trần.
 Phơi để ngoài sân,
 Đó là bánh trắng.

Hai mùa sáu tháng,
Là bánh trung thu.
Đi lọng đi dù,
Đó là xôi rượu.

VỀ BÁNH

Đứng đầu về nó là bánh tổ,
Cái mình nhiều lỗ là bánh tàn ong.
Để nó không đồng thiết là bánh trắng,
Ngồi lại đây ván vốn thiết bánh qui.
Sai không chịu đi nó là bánh bàn,
Trên đỏ giữa xanh dưới vàng là bánh da lợn.
Mây kéo dờn dợn là bánh da trời,
Ăn không dám mời nó là bánh ít.
Để ngồi cục kịch là thứ bánh bò,
Mập lại nổi gò chính là bánh ú.
Băng rừng băng rú vốn thiết bánh men,
Thấy mặt mà khen là bánh xôi vị.
Nhiều như nhiều nhị là bánh trung thu.
Kê vô lửa nổi cục u là bánh phồng,
Dem thả giữa giòng là bánh neo.
Ra nắng dẻo dẻo là bánh sáp,
Lại gần không ai dám xáp là cái bánh xe.
Xỏ lại treo que nó là bánh rế.
Ăn rồi còn ế nó là bánh dứa,
Ăn mà không có chừa vốn thiết bánh tiu.
Để lâu nó thiu vốn là bánh ứt.
Chưa ăn mà dẫu trước nó thiết bánh cam.

Bỏ vô khám giam là bánh còng,
 Ôm ấp vào lòng là bánh kẹp.
 Xem coi thiệt đẹp là bánh chưng,
 Chồng nói mới ưng là bánh hỏi,
 Đêm ngồi mệt mỏi là bánh canh.
 Kéo rớt từng khoanh là bánh tét,
 Ráp lại từng nét là bánh gừng.
 Bước lên có từng là bánh cấp,
 Ở dưới thấp là bánh hạ nhon.
 Bưng bao nhiêu nó rớt sạch trơn là bánh lột.
 Ăn thơm mà ngọt là bánh hoa viên,
 Ăn khỏi trả tiền là bánh bao.
 Dem liệng đằng sau là bánh quai vạc.
 Trắng trong như bạc là bánh su sê,
 Một trang ê hể nó là bánh bún.
 Minh đen lúm đúm là bánh hột mơ,
 Thấy ai có tiền cũng kè là bánh đập.

VỀ CÁC THỨ BÁNH

Bà con cô bác
 Lẳng lẳng mà nghe
 Tôi nói cái về
 Về các thứ bánh
 Máy tay phong tình tuyết nguyệt
 Thì sẵn có bánh trung thu
 Máy gã thầy tu
 Bông sen thơm ngát
 Ai mà hảo ngọt

Thì có bánh cam
Những kẻ nhát gan
Đây là bánh tét
Còn như bánh ít
Để mấy ông câu
Hủ lậu xưa nay
Thì ưa bánh tổ
Mấy tay báo võ
Bánh thuẫn sẵn sàng
Các thứ bánh bần
Kính chưa chấp bút
Ai nặng trông phúc
Nặng dụng bánh gừng
Còn bánh ít trần
Cu li chia lấy¹
Kẻ nào trông rầy
Thì sẵn bánh khoai
Mấy gã hay say
Bánh men rất quý
Đây là bao chỉ
Để các thợ may
Má phân mấy tay
Thì ưa bánh dứa
Những tay nhún lửa
Sẵn có bánh phồng
Bánh kẹp bánh công
Để cho đạo tặc

1. *Cu li*: là từ bọn đế quốc thực dân dùng để chỉ những người lao động
khuân vác, kéo xe hoặc làm những việc nặng nhọc khác.

Lại như quai vạc
 Đạo cấm mê ăn
 Ai bị thoát gian
 Ai ăn bánh lọt
 Xôi nước rất ngon
 Để các thợ chài
 Dầm mưa ướt hoài
 Bánh mì bánh ướt
 Bất loại vô phước
 Sẵn có bánh bò
 Những kẻ hay lo
 Nên ăn tai yến
 Ai ham trồng kiểng
 Có bánh bông lan
 Còn như bánh trắng
 Để hạng trai tơ
 Mấy ả giang hồ
 Bánh bèo sẵn đó
 Ai mà mặt rỗ
 Kìa bánh chôm chôm
 Mấy chú lạ sơn
 Bánh bao bánh ít
 Những tay bán thịt
 Đa lợn sẵn sàng
 Còn chả bánh canh
 Cho ba chú lính
 Chủ nhân lục tỉnh
 Thì có bánh in
 Đầu bếp mấy tên
 Phải ăn bánh ghế

Này là bánh nghệ
Mấy chị nằm nơi
Kẻ dệt lụa tơ
Bánh tằm sẵn để
Còn như bánh Huế
Mấy đảng y sanh
Tọc mạch mấy anh
Nên ăn bánh hời
Hể mà thấy bói
Nên ăn bánh quy
Mấy ổ bánh mì
Cho người nho nhã
Quảng Đông mấy ả
Ăn bánh cà na
Béo thịt chẳng da
Thì ăn bánh ú
Quảng Đông mấy chú
Bánh kế sẵn đây
Phật giáo mấy thầy
Xin trâu bánh cúng.

4 - VỀ CÁC NHÂN VẬT

BÁCH THẦN - BÁCH NHÂN

Về Bách thần bách nhân, có người còn gọi là về Bà Nàng, và giải thích rằng do một bà gọi là Bà Nàng đặt ra. Vấn đề này đúng sai ra sao, chúng tôi chưa kịp xác minh. Chỉ biết rằng đây là một bài về rất quý. Nhờ có bài về này mà chúng tôi tìm ra được hàng trăm truyện cổ có giá trị, và hiểu thêm được phong tục cổ truyền của Hội vật võ Liễu Đôi.

Bài về có hai phần: một phần kể về các vị thần ở vùng này, hoặc có thể nói là mục lục, tóm tắt các câu chuyện cổ của đất này; một phần bình luận về các đô bốn phương đã về Hội vật võ Liễu Đôi đua tài đoạt giải.

Theo các cụ ở Liễu Đôi thì bài về này, xưa kia chỉ được đem đọc trong các ngày lễ thánh, chứ không được bạ đâu đọc đấy. Khi đọc về này, người ta đốt trầm, hương, thắp đèn trên án thờ; người nghe ngồi trang nghiêm, rồi người đọc bước ra đồng dục đọc như hát. Điều đọc tùy người đọc lựa chọn, có khi như nói lời trong tưởng, có khi lên bổng xuống trầm như đọc văn tế. Cũng có khi đọc rồi có giải thích, kể sự tích của các Thần được nhắc đến trong bài. Nhờ thế mà cho đến nay, nhiều người còn nhớ được truyện, sự tích các Thần.

Như tên bài về này đã tự nói, trăm thần, trăm sự tích, và như vậy mỗi một chú thích của bài về đã là một câu chuyện dài. Và nếu chỉ cần chú thích tóm tắt thôi, thì cũng làm cho phần chú thích dài gấp năm gấp mười lần văn bản chính của bài về. Cho nên, xin bạn đọc tạm bằng lòng với cách hiểu đại khái bài về qua một số truyện chúng tôi chọn giới thiệu ở phần

Truyện cổ. Còn nữa, xin đợi một dịp khác, chúng tôi sẽ giới thiệu đầy đủ hơn.

Những câu những chữ in nghiêng trong bài về là có liên quan đến các truyện đã chọn ở phần Truyện cổ, chúng tôi không chú thích nữa. Còn những truyện chưa chọn giới thiệu ở tập sách này cũng xin miễn cho không chú thích.

Đi đâu chẳng tới làng Đông?

Xem gái đánh cồng,

Xem trai vật võ.

Xem ông Trạng Nghè

Xem bà áo the,

Xem ông gác cổng,

Xem ông nhấc bổng,

Xem ông rút sườn.

Xem ông mổ bụng,

Xem người vú thúng,

Xem người mài gương,

Xem điều ma vương.

Xem thần đồ mổ,

Xem chàng đơm đó,

Được chiếc gương vàng,

Xem giải yếm nàng,

Thành cầu nương tử.

Xem quả đu đủ,

Thành đôi vú thần,

Chỉ gương mười thước.

Xem ông đốt đuốc,

Thành quả núi tròn.

Xem người nuôi con,

Ở trong bụng ngọc.
Xem núi xoã tóc,
Xem đống Chải Đầu.
Xem đầm làng Cầu,
Xem cầu làng Sỏi
 Nhất tụng thì vái,
 Nhất ngãi thì chiêng.
 Nhất vật thì thiêng.
 Đây là đầm Cá,
 Đây là đầm Tôm.
 Đây là chợ Hôm,
 Đây sang chợ Giành,
 Đây nàng áo xanh,
 Đây nàng áo tía,
 Đây đồ mười vía,
 Đây kiếm năm làng,
 Đây giáo bang thang,
 Đây nàng trăm sắc,
 Đây chàng đánh giặc,
 Bằng cái móng tay.
 Đây nàng hát hay,
 Làm quay muôn giáo.
 Làm trời diên đảo.
 Tương tư ai bày?
 Ai biết truyện này?
 Bát hương phát tích.
 Cùng về một đích,
 Mùa con thủy cường.
 Ai đốt nén hương?
 Thơm lòng năm tổng.

Ai cào gò đồng?
 Ai thờ sống trời?
 Ai nhờ để rơi?
 Trăm ngàn giọt máu.
 Sinh ra con cháu,
 Chia về trăm làng.
 Ai chấp ngàn thang?
 Chèo lên Ngọc đế.
 Ai tìm ra kế?
Bẻ được cầu vòng.
 Làm cuộc cày đồng,
 Đào sông khoan núi,
 Ai đem cái túi?
 Lừa được Nam Tào.
Ai đoạt được dao?
 Của ngài Bắc Đẩu.
Ai có cái đấu?
 Đông được cả mây.
 Đông đông, đông tây,
 Mưa dây bão giạt.
 Đông trời, đông đất,
 Kẻ mất người còn,
 Đông núi đông non,
 Đông gò, đông bãi.
 Đông nghì, đông ngãi,
 Đông cả khóc cười.
 Trăm thú trên đời,
 Đều đông được tất.
 Ai có nắm đất?
 Hơn mười cút vàng.

Ai may áo chàng?
 Bằng hơi thở ấm.
 Ai có cái nắm?
 Che cả mặt trời.
 Ai có con dơi?
 Ngậm ngàn viên ngọc.
 Ai có mở tóc?
 Biết khóc biết cười.
 Ai có con người?
 Bồng Lai tiên cảnh
 Ai có đòn gánh?
 Gánh được núi Yên.
 Ai có cái khiên?
 Che mình trăm trận.
 Ai vung tay đấm?
 Vỡ cả Thiên đình.
 Thượng đế đi rình.
 Thì ra cái yếm!
 Của này thật hiếm.
 Đã nắm trong tay.
 Sai gió, gió bay,
 Sai mây, mây lặng.
 Gió lên tắt nắng,
 Hạ xuống tạnh mưa.
 Ai có cái cửa?
 Cửa ngang mặt nguyệt.
 Về sau trăng khuyết,
 Cái lối ăn năn,
 Ném lên cái khăn,
 Thành mây lơ lửng.

Ấy ại tay cứng?
Đánh được hung tinh.
Cải dạng tàng hình,
Đêm ngày quấy nhiễu.
Mặt hoa mày liễu,
Thủ, vĩ mười hai.
Nó có cái tai,
Đụng năm trăm rần.
Nó có nọc cắn,
Chết cả cỏ cây,
Nó có cái tay,
Móc tim ăn sống.
Ai xây nên động?
Cầu vố, chiêu hiền.
Luyện trăm năm liền,
Mà về vẫn trẻ.
Uy trời không xé,
Lượng đất không đầy.
Ai có rượu say?
Trăm ngày không tỉnh.
Được lên thiên đình,
Được qua cỏi tiên.
Được xuống đất hiền,
Bay qua địa ngục.
Rắn dài trăm khúc,
Cũng phải van tha.
Quý sứ, Diêm La,
Cũng ôm đầu chạy.
Đâu đâu cũng thấy,
Hồ biển Động Đình.

Sông núi hữu tình,
 Đều là thưởng ngoạn.
 Ai trừ tà Hán?
 Ai yểm tà Ngô?
 Bẻ cổ hung đồ,
 Xé gan quỷ độc.
 Ai nằm dưới dốc?
 Vốc thành núi đồi.
 Ai luyện ngàn dơi?
 Lên thăm ông Ác.
 Ai dựng ngàn xác?
 Trả nghĩa oan khiên.
 Ai xuống cứu tuyền?
 Còn thêm cau đậu.
 Khoét bụng cá sấu,
 Mà về dương gian.
 Ai tẩy rửa oan?
 Vô tận phiền não.
 Ai dám lên tháo?
 Bể nạn chúng sinh.
 Bối rối Đế đình,
 Đền oan, thác tội.
 Ai cơn bối rối?
 Tư lự thất tình.
 Không chịu quyên sinh,
 Lên tìm Hoàng ác,
 Một là chịu thác,
 Hai gói được mây,
 Trong chiếc khăn dày,
 Thấm đầy nước mắt.

Ác Hoàng không tắt,
 Cháy mất khăn oan.
 Ác nghiệt chán trần,
 Hoá thành sao Hoả.
 Ấy ai nghĩa cả?
 Hoá thành núi Nhân.
 Ấy lại chuyên cần?
 Trời cho núi Tháp.
 Năm canh ai đắp?
 Để có núi Bình.
 Ai làm tội tình?
 Cho nên núi Nan,
 Cho nên làng Quán,
 Cho nên làng Kênh.
 Ai nhắc, ai bệnh
 Cho lòng tổng mặc.
 Nay thời ký thác,
 Một lưỡi gươm thiêng,
 Đánh trăm trận liên,
 Đẹp yên trời đất,
 Linh hồn bất xuất,
 Thánh nghiệp Thánh ta.
 Bốn cõi sơn hà,
 Đều về cõi áo.

 Thiên hạ diên đảo,
 Là đô đất Guồn(?).
 Nhanh tựa cánh chuồn,
 Khố bao mười thước.
 Đố ai vật được?

Đô phủ Từ Sơn¹
 Hai tay cờn cờn,
 Minh như lửa cháy,
 Chân tựa ống đồng,
 Hở miếng là xông.
 Này đô xứ Đông,²
 Minh tròn hỏ dữ.
 Bất động bất cử,
 Như đá chống trời.
 Thế mà trăm nơi,
 Phục tài bỏ gió³.
 Này đô Đình Có (?),
 Nó ở đâu ra,
 Lưng dộp bánh đa,
 Như cây mít mật.
 Chân tung, tay hất,
 Lẳng khảng xương rồng.
 Lừng tiếng xứ Đông,
 Lại vang xứ Bắc.
 Khoan khoan tôi nhắc,
 Đô của Nam Xang⁴,
 Cái tiếng đã vang,
 Cái danh đã khắp,
 Người trông thẳng tắp,
 Bụng gió đượt đườn.⁵

1. *Phủ Từ Sơn*: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

2. *Chỉ đô* vật vùng biển.

3. *Bỏ gió*: một thế vật bất ngờ, nhẹ nhàng quật đổ đối phương.

4. *Nam Xang*: tức là huyện Lý Nhân, Hà Nam ngày nay.

5. *Bụng gió đượt đườn*: bụng như bụng trăn gió thẳng đườn đượt.

Cái vai thương thương,
 Cái lưng bè bè.
 Sang đô xứ Kẻ¹
 Tội kẻ làng nghe.
 Vai như cái đe,
 Hất ngang hất ngửa,
 Đến thở hơi tai,
 Vì cái đôi vai,
 Chấp tài vô cự².
 Sang đô Trung Thứ³,
 Tài miếng nhử mồi,
 Ngồi thụp úp nôi.
 Vọt lên đội ngược,
 Thiên hạ như nước,
 Nay đô Lam Cầu⁴.
 Nhìn tướng ba đầu⁵,
 Một đầu toàn tóc,
 Hai đầu long lóc,
 Trên cái vai trường.
 Đô xứ Lạng Chương⁶,
 Bụng đét ểnh ương⁷,

-
1. *Xứ Kẻ*: ở vùng này có hai nơi gọi là xứ Kẻ: xứ Kẻ Non và xứ Kẻ Sở. Kẻ Non nay thuộc xã Thanh Lưu. Kẻ Sở, tức xã Sở Kiện, nay là xã Kiêm Khê, huyện Kim Thanh.
 2. *Tài vô cự*: tài vô địch.
 3. *Trung Thứ*: nay thuộc xã Thanh Thủy, huyện Kim Thanh.
 4. *Lam Cầu*: nay thuộc huyện Duy Tiên.
 5. *Ba đầu*: hai vai tròn lẳn, gồ lên như thêm hai cái đầu hai bên nữa.
 6. *Lạng Chương*: thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 7. *Bụng đét ểnh ương*: từ này dùng với ý hài hước, ý muốn nói bụng to như bụng ểnh ương.

Lẳng khà lẳng khẳng,
 Tắm sương gội nắng,
 Ở xứ rừng về,
 Mà nó đến ghê,
 Nhanh như con sóc.
 Miếng "chòi", miếng "mói",¹
 Đệm cẳng, khoá lưng.
 Thiên hạ đã từng,
 Kêu lên oai oái!
 Sang đô Đầm Tái²,
 Như cái cối xay,
 Buộc chỉ cổ tay,
 Thề đi là được
 Sang đô Mụa, Đước³,
 Tay tựa rắc hoa,
 Múa bóng múa la,
 Mềm như con cúi,
 Nhiều anh đâm chúí,
 Ngã ngựa bất ngờ,
 Rồi anh sưng sờ,
 Tài nhanh như biển.
 Đây đô Thuỷ Tiến⁴,
 Trông mới lạ kỳ,
 Hình hịch bước đi,
 Vú tròn tròn bát,

1. Tên các miếng vật lợi hại.

2. *Đầm Tái*: nay thuộc xã Thanh Tuyền, huyện Kim Thanh.

3. *Mụa, Đước*: hai thôn này nay thuộc xã Tiêu Động, Bình Lục.

4. *Thuỷ Tiến*: có cụ nói Thuỷ Tiến là tên gọi chung vùng Giao Thuỷ, Hải Hậu, tỉnh Nam Hà (?).

Lông mày lười mác.
 Con sư tử cường,
 Giật gió phi thường,
 Chồm lên như sấm.
 Này đô của Cấm¹.
 Cá rô mồi dẫu.
 Minh tựa đồng thau,
 Lưng trần trâu mộng.
 Hai tay dang rộng,
 Như cánh đại bàng.
 Còn ai mơ màng,
 Sang đô Mậu Chủ.²
 Thật là lủ khủ,
 Nó lại lang nhang,
 Vào vật chàng màng.
 Như con gọng vó.
 Có không, không có,
 Bỏ miếng hũng hồ
 Tay nắm cầm cơ.
 Mặc người sông sọc.³
 Mặc người long lóc,
 Mất nó lừ lừ.
 Thôi chết đứ đừ,
 Vô khoeo nó giật.
 Vô tinh để mất,
 Một miếng mỗi ngon...

1. *Cửa Cấm*: có lẽ Cửa Cấm vùng Hải Phòng chăng.

2. *Mậu Chủ*: nay thuộc xã Thanh Hà, huyện Kim Thanh.

3. *Sông sọc*: tức là xông xộc, xông vào, lao bừa vào.

Này đô Sái Côn¹,
 Ở đâu chẳng tá?
 Tay nhấc cối đá,
 Như nhấc cái nồi.
 Một nhát bể đôi,
 Năm cây tre đứt.
 Này ai độ sức,
 Đô vật xứ Pheo².
 Rút gió vèo vèo,
 Bổng dưng đánh đốp.
 Nó vỗ hai tay,
 Người nó vọt bay.
 Cao hai mươi thước,
 Thôi thôi bất nhược,
 Tôi kể còn dài,
 Ở xứ La Mai,³
 Có đô La Mát⁴.
 Núi rừng có khác,
 Dài nhằng dài nhằng.
 Như thể con trăn,
 Uốn a uốn éo.

-
1. *Sái Côn*: vùng chợ Côn, huyện Hải Hậu.
 2. *Pheo*: theo các cụ Liễu Đôi thì xứ Pheo, thuộc tỉnh Hoà Bình cũ.
 3. *La Mai*: thuộc huyện Hoa Lư. Đây cũng là đất vật võ.
 4. *La Mát*: nay thuộc xã Kiện Khê, huyện Kim Thanh. Đây cũng là đất vật võ.
- Chúng tôi e rằng La Mai - La Mát vốn chỉ về một địa điểm, nhưng nay tên cũ mất đi, chưa xác định được La Mai, La Mát là đất Kim Thanh hay đất Hoa Lư.

Chân đi vất chéo,
Xong cuộc lên đây,
Nó mới giờ ngay,
"Quai gồng", quai gánh¹.
Trông nó rút cánh,
Như rút cây que.
Cũng chẳng cần dè,
Cũng chẳng cần dè.
Hay là nó ếm
Mà tung qua đầu,
Ngàn đô thiên hạ,
Sang đô Đặng Xá².
Tôi kể làng nghe.
Người nó bè bè,
Như con rùa cộ.
Trông nó sồ sộ,
Nặng gớm nặng ghê,
Như một cái mê.
Cái mê bằng đá.
Úp đầu thiên hạ.
Bằng miếng bắt bò,
Tay co, chân co,
Vào trong mê đá.
Dù có phép lạ,
Cũng chẳng lật lên.
Dù có sức bền,
Cũng không nhấc nổi.

1. *Quai gồng*: tức miếng gồng, một thể võ vật.

2. *Đặng Xá*: làng này nay thuộc xã Mỹ Hưng, huyện Bình Lục.

Từ sáng đến tối,
 Nó cứ cù lì.
 Nhè miếng bất kỳ,
 Nó vùng trở dậy.
 Thiên hạ trông thấy,
 Cũng phải rùng mình.
 Nay đô Động Đình.¹
 Tôi xin nhắc trước.
 Hương trời sắc nước,
 Ở mãi chùa Hương,
 Không quản ngày đường,
 Về đây dự hội.
 Giã đá trong cối,
 Một nhát nát tươm.
 Ném ba thanh gươm,
 Vút qua vòng lửa.
 Cái ngực sắp ngửa,
 Đỏ như nổi đồng.
 Khó lòng mà xông,
 Khó lòng mà đội,
 Khó lòng mà đối,
 Chẳng biết lối nào.
 Miếng nó ra sao,
 Thôi thôi chịu chết,
 Cuối cùng mới biết,
 Mẹo nó nghi binh.
 Dấu thể tàng hình,

1. Động Đình: vùng chùa Hương, Hà Tây.

Sự tình là thế.
Để tôi xin kể,
Đô vật Hoa Lư.¹
Vừa bỏ tay tư.
Nó lăn long lóc.
Nào ngang nào dọc,
Như khúc gỗ tròn.
Lăn dập lăn dòn,
Vào chân đối thủ.
Nó ghì nó dú,
Từ dưới quật lên.
Dù giỏi miếng trên,
Cũng quay động địa.
Này sang đô Rịa²
Như con đĩa bò.
Ngẩng cổ lên dò,
Lôi thôi cụp xuống.
Trông đã dữ tướng,
Như cũng chẳng bằng
Đô của Cát Đằng³
Đánh nhanh bằng chó
Rượu ngon cứ tợp,
Vật xong mới say.
Mặt mũi đỏ gay,
Lại vào cạ chén.

1. *Hoa Lư*: chỉ cả vùng Trường Yên, huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

2. *Řĩa*: nay là phố Rịa, trên đường đi Nho Quan, thuộc địa phận xã Kỳ Phú, Ninh Bình.

3. *Cát Đằng*: nay thuộc xã Yên Tiến, huyện Ý Yên Nam Định.

Không bằng đô ném,
 Ở xứ Hạ Bì¹.
 Chẳng lý sự gì,
 Khoẻ như hổ xám.
 Thọc tay vào háng,
 Túm lấy ngà ba.
 Lẳng mạnh, ném xa,
 Rầm rầm mặt đất.
 Chưa bằng đô Nhất (?),
 Nó có tài kên.
 Một nhóang đã bênh,
 Người trên vai khoẻ.
 Như bầy con trẻ,
 Chơi ngựa nhong nhong.
 Thế cũng ngoài vòng,
 Đâu bằng Hoàng Cách (?).
 Thật là rách trời,
 Mà rơi xuống nó.
 Mật ong hàng giỏ,
 Hổ cốt hàng nồi.
 Hai mắt vặc vôi,
 Như đôi sao hoả.
 Hai tay nghiêng ngả,
 Như hai sừng trâu.
 Sầm sập lắc đầu.
 Lại thôi nhả miếng.
 Ruộng rung đất chuyển,

1. Hạ Bì: thuộc tỉnh Hoà Bình cũ.

Người xem nín hơi.
Ồi thiên hạ ơi!
Nhìn kia: nó bể.
Nó bể bằng sừng.
Đô vật xoa lưng.
Vắt trên tay nó.
Rồi nó hất gió,
Một cái đánh vèo,
Đô vật ngã nhào,
Cách xa mười thước.
Kìa trong Non Nước.¹
Ở đâu mà ra?
Tam Điệp thật là²,
Trời sinh đất phủ.
Đầu hai chỏm nụ,
Cổ bằng cái cong.
Lưng rộng hai vòng,
Trần như gỗ gụ.
Chẳng cần lý sự,
Nhử miếng bắt mối.
Ầm ầm thiên lôi,
Xông vào vật ngựa.
Lưng bằng cánh cửa,
Đô ở đâu kia?
Đầu đội một nia,
Bánh giầy Ba Chạ.
Thuồng luồng cũng lạ.

1. *Non Nước*: chỉ vùng thị xã Ninh Bình.

2. *Tam Điệp*: thuộc huyện Yên Mô cũ, nay thuộc thị xã Tam Điệp.

Vì cái bụng thời.
 Nia bánh với rồi,
 Mới xin làng nước.
 Cho tôi vật trước,
 Với đồ nhất vùng.
 Ai nấy lạ lòng,
 Mới hay Kiện, Phạm¹.
 Sang đô Bãi Đạm²,
 Cao chạm ngọn tre.
 Đi đứng dễ huế,
 Con nhà nho nhã.
 Trước tiên mặc cả,
 Xách ai lả người.
 Thì mới nhận lời,
 Cùng nhau vật thử.
 Như cành câu nhử,
 Nó nhấc nhẹ tên.
 Trăm đô thiên hạ.
 Ai nặng kha khá.
 Nó mới vật qua,
 Nó vật gọi là.
 Ai ơi, tôi kể!
 Đô ở Lợ, Lài³.
 Bước ra nằm dài,
 Sai hai đô khoẻ.
 Ra hai bên mé,

1. *Kiện, Phạm*: hai làng thuộc xã Thanh Lâm, huyện Kim Thanh.
 2. *Bãi Đạm*: tức làng Phù Đạm, xã Hoàng Tây, huyện Kim Thanh.
 3. *Lợ, Lài*: hai làng thuộc xã Thanh Bình, huyện Kim Thanh.

Khênh cối chất lên.
Cối đá bên trên,
Một chồng năm chiếc.
Chết kinh chết khiếp.
Bồng nó thả phì.
Đất chuyển một khi,
Đá lăn lông lốc.
Xong rồi nó nốc,
Nửa vò rượu tăm.
Mặt nó vằm vằm,
Xông vào nó vật.
Thiên hạ mất mặt,
Vì miếng "cánh diều" (?).
Trải lăm xem nhiều,
Mới hay đô Nội.¹
Đi bằng đầu gối,
Mà tựa tên bay.
Đứng dang hai tay,
Xoay như chong chóng.
Vì chưng trời ngóng,
Vì chưng đất mời,
Vì bốn phương trời,
Lại mười phương đất.
Nhưng mà vị tất,
Vì cái sức tài.
Tôi kể đã dài,
Nay chưa hết được.

1. Nội: làng Nội, xã Liêm Sơn, huyện Kim Thanh.

Yên Bài như nước¹,
 Hoà Mục như nêm²,
 Mụa, Mền như nấm³.
 Làng Đên, làng Nấm (?),
 Mỡ sừng, thanh la.
 Làng Quán, làng La⁴.
 Cổng thanh, nảo bạt.
 Làng Vàng, làng Cát⁵.
 Trống đồng ngũ liên.
 Làng Khoái, làng Yên⁶,
 Kèn kêu mỡ gọi.
 Mỏi cho đến Bói⁷,
 Cói cho đến Cẩn⁸,
 Cẩn cho đến Chấm (?),
 Ấm ấm như sấm...
 Nay thiên hạ nhân,
 Nay thiên hạ tài,
 Thiên địa cổ lai,
 Nhân tài như nước.
 Thế mới thực là,

-
1. *Yên Bài*: nay thuộc xã Đồng Du, huyện Bình Lục.
 2. *Hoà Mục*: nay thuộc xã Đôn Xá, huyện Bình Lục.
 3. *Mụa, Mền*: hai làng thuộc xã Thanh Nguyên, huyện Kim Thanh.
 4. *Làng Quán, làng La*: nay thuộc xã La Sơn, huyện Bình Lục.
 5. *Làng Vàng, làng Cát*: nay thuộc xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục.
 6. *Làng Khoái, làng Yên*: thuộc xã Liêm Sơn, huyện Kim Thanh.
 7. *Làng Mỏi*: nay thuộc xã Thanh Tâm, huyện Kim Thanh. Làng Bói: nay thuộc xã Thanh Phong, huyện Kim Thanh.
 8. *Làng Cói, làng Cẩn*: nay thuộc xã Thanh Tâm, huyện Kim Thanh.

Nghiệp Thánh nhà ta.
 Hiện linh trời đất.
 Nhân thân bất xuất.¹
 Nghiệp Thánh còn dài,
 Nay kể một bài,
 Năm canh còn đượm.
 Hương thờ còn đượm.

XÃ LÃI HÁT VÍ

Về xã Lãi là một loạt các bài về rất độc đáo của cả vùng Liễu Đôi, là sáng tác của nhiều người về nhiều mặt sinh hoạt của một nhân vật đặc biệt: ông Xã Lãi. Cho đến nay, chúng tôi đã ghi được gần một nghìn câu về Xã Lãi. Theo các cụ thì ghi làm sao hết được về Xã Lãi vì như tục ngữ đã nói: "Về Xã Lãi rãi tự nhiên", có nghĩa là về Xã Lãi sinh ra tự trời, rãi ra khắp trời.

Nhân dân vùng này rất yêu thích về Xã Lãi. Người ta kể về Xã Lãi trong các cuộc thi "Về nói đêm", trong các cuộc hội hè đình đám, lấy về Xã Lãi hát giáo đầu để gây sức hấp dẫn cho cả một đêm chèo, và người ta còn lấy về Xã Lãi dựng thành tiết mục sân khấu "hề chèo Xã Lãi" v.v...

Về Xã Lãi được sáng tác thành các phiên đoạn dài ngắn khác nhau và thủ pháp chính là khoa trương, phóng đại đến cao độ để gây cười, để mua vui, đặc biệt là để đả kích châm biếm bọn phong kiến thống trị, lên án cái xấu, cái ác, ca ngợi người lao động v.v...

1. Theo quan niệm của người địa phương này thì vị Thánh Hội vật khi chết, linh hồn không "xuất" tức là không mất đi vào cõi hư vô mà vẫn còn tồn tại mãi, vẫn thiêng liêng mãi...

Xã Lãi có miệng trời cho,
 Cất lên một tiếng, rần bò ngay ra.¹
 Hát đối thì đến canh ba,
 Còn như hát ghẹo cũng ra tay nghề.
 Xã Lãi ra đàn thuyền ở xứ Ngô Khê²,
 Vừa đàn vừa hát ra bề thảnh thơi.
 Đàn được tám chiếc vừa rồi,
 Trắng lảng càn mít mới thời canh hai.
 Rồi ra Xã Lãi khoan thai,
 Xếp từng chiếc một ra ngoài bờ tre.
 Tay nôm, tay đập xè xè,
 Cái miệng thì hát cứ nghe ngọt lừ.
 Đàn vừa được đến canh tư,
 Thuyền lớn thuyền nhỏ cũng dư chục rồi.
 Bồng dưng thuyền đứng, thuyền ngồi,
 Thuyền xoay ngang dọc, ngược xuôi lạ kỳ.
 Ông Xã Lãi chẳng biết sự chi,
 Thuyền úp ngang dọc nữa thì quanh ông.
 Mai thuyền dãi bóng trắng trong,³
 Mũi thuyền ngấp ghé ra chừng say mê.
 Xã càng say gồm say ghê!
 Cái miệng thì cứ như chè rót ra.
 Cái thuyền như cái lá đa,
 Gió đâu thổi tới lấp la chòng chành.
 - Này em ơi! Bóng trắng xanh,

-
1. *Tục ngữ*: "Nói rần trong lỗ phải bò ra"; ở đây ý là Xã Lãi hát hay, nói ngọt.
 2. *Ngô Khê*: thuộc huyện Bình Lục.
 3. *Mai thuyền*: lật thuyền lật sấp.

Sự tình thì anh kể bóng anh bóng nàng.
 Nay em ơi! Bóng trắng vàng,
 Sự tình anh kể bóng nàng bóng anh...
 Thuyền quay như chong chóng xung quanh,
 Xã Lãi càng chẳng biết sự tình ra sao?
 Càng đan càng cất giọng cao,
 Càng say mê mệt, càng rào rào nan tay.
 Canh năm thì đã sắp đầy,
 Trăng tàn xơ xác, sương bay dật dờ.
 Xã Lãi nửa tỉnh, nửa mơ,
 Lật thuyền lên thấy sững sờ lạ thay!
 Thế gian mà có chuyện này?
 Mỗi thuyền năm ả mặt mày như hoa!...
 Thưa rằng: - Đã cạn canh gà,
 Vì mê vì mệt hoá ra thế này.
 Xã Lãi mới lại hát ngay:
 - Anh đi đan thuyền thiên hạ, nào có tính rày gặp em!
 Thuyền anh chưa sẵn, chưa nê,
 Em mang về gặt hái, anh đến công cho.

*

* *

XÃ LÃI ĐI GẶT

Xã Lãi đi gặt Hưng Yên,
 Chẳng có tiền, cũng chẳng có nông.
 Cơm vàng nắm với cà rong¹,

1. *Cơm vàng*: cơm gạo vàng. Cà rong: cà nổi trên mặt vại. Cà muối cầu thả.

Ba ngày thì đến xứ đồng Hưng Yên.
 Bà chủ có tiếng cà riêng¹,
 Thợ gặt thì phải ăn "kiêng" muối vùi².
 Cơm đào mai "ngon" tựa bánh uôi³,
 Bã mắm thì cũng "chín mười" so với chả chim.
 Chè bờ ao, "mát" lim lim⁴,
 Vại cà "cóc nổi, cóc chìm" nhón nhơ⁵.
 So từ kẻ tóc chân tơ,
 Đến đơn nát đám cỏ bờ mới thôi⁶.
 Chủ rằng: - Chẳng tính ngược xuôi,
 Gặt có một người thì chẳng bỏ chi!
 - Bà chủ chớ có vân vi,
 Gặt đâu thì dẫn tôi đi kịp ngày.
 Bà chủ cong mặt cớn mày,
 Dẫn thợ xong lại về ngay tức thời.
 Nửa buổi bà mang rá tới nơi⁷,
 Ông thợ gặt vẫn ôi ôi gáy vang!
 Đầu gối lên một luống lang,

-
1. *Cà riêng*: ta hay nói "cà riêng cà tỏi", có nghĩa là sinh sự, gây gổ, cãi cọ; còn có nghĩa là cò kè so đo.
 2. *Ăn kiêng muối vùi*: ý là kiêng cá thịt... mà chỉ ăn muối nướng (cho muối vào nồi đất rồi vùi trấu).
 3. *Bánh uôi*: bánh bở ôi, bở hỏng.
 4. *Chè bờ ao*: cây chè mọc ở bờ ao, là cây vối.
 5. *Cóc nổi cóc chìm*: cà thối, cà nấu, quả nổi quả chìm đen bẩn, thối như cóc chết.
 6. *Chủ nhà so đo*: đếm từng đơn lúa để tính giá ngày công cho thợ gặt ngay đầu bờ.
 7. *Mang rá*: mang rá thức ăn cho thợ.

Cái lưng chạy tràng theo cái mẩu hai¹.
 Bà chỉ ngán ngẩm thở dài,
 Thuê ngay được của dặc dài khố dây!
 Được cái người thời chạp đông chạp tây,
 Ra ngõ gặp cổng, lão này của ôi!
 Xă Lãi tỉnh ngủ, nhồm ngời:
 - Bà về cơm nước để tôi xuống đồng!
 - Thôi thôi, tôi cũng lạy ông,
 Ông làm tôi đã mất tong nửa ngày!
 Xă Lãi lội xuống ruộng ngay,
 Bà chủ chưa cất bước, lúa đã đầy bờ cao
 Xă Lãi vợ cất ào ào,
 Bà chủ mất hướng: lối nào về đây?...
 Lúa thì lớp lớp chất đầy,
 Còn nạn châu chấu, nó bay mịt mù!
 Xă Lãi cắt lúa ù ù,
 Cá không chạy kịp, rē khu loạn đồng!²
 Bà chủ bạt vĩa kinh hồn,
 Thối nổi cơm nếp muối vừng mang ra.
 Xă Lãi mới cười hà hà:
 - Một mình tôi gặt bằng ba mươi người.
 Bà về chuẩn bị cho tôi,
 Năm nổi mười cơm nếp với lợn thời ba con.
 Bà chủ gan ruột bồn chồn,
 Tính ra thì cũng như bỏ đồn một phiên³.
 Nửa chiều cơm gặt đã yên,

1. *Chạy tràng*: chạy dài. Cả câu ý nói: lưng, mình dài lắm.

2. *Rē khu*: rē nước lao đi, khu lung tung loạn xạ.

3. Ý là: thuê người lật vật cũng tốn thế, nay đồn lại một lần cũng thế.

Xả gánh một lúc đã đầy hiên chạm xà.
 Cơm thịt, chủ mới dọn ra,
 Xả Lãi dựa hái, tay xoa lắc đầu:
 - Rằng tôi có thiết ăn đâu,
 Miếng ăn bà khéo ra màu vàng thoi¹.
 Chưa gặt bà đã ỉ oi,
 Thì bà ăn tất, thì tôi xin về!
 Bà chủ thì bụng mừng ghê,
 Bên ngoài thì vẫn ra bề dãi buôi².
 Bà chủ tiến thợ xong xuôi,
 Vội vàng muối thịt để dãi mà ăn.
 Không ngờ vừa được tuần trăng,
 Thịt kia nó mới thối hoăng xà xà!
 Bà chủ mới mở nắp ra.
 Đánh hơi chó ngáp phải đà lăn quay.
 Lá cây vội cụp lại ngay,
 Ông mặt trời vội kéo mây che mờ.
 Hơi thối sặc khắp núi non,
 Ông Lý ngửi thấy cào cồn ruột gan:
 - Đứa nào chết ở đầu thôn,
 Làm sao chúng nó không chôn đi à?
 Chúng bay vào bắt lợn ra,
 Tao thời phạt khoán mấy nhà đầu thôn.
 Cụ Chánh tổng đang vui nước vui non,
 Ngửi thấy mùi thối kinh hồn chết cha:
 - Chúng bay tuốt xác Lý ra,

1. Ý cả câu: bà xem miếng ăn quý quá vàng thoi, vàng nén.

2. *Dãi buôi*: chèo khéo lấy lòng, ở đây ý là bà chủ vẫn mời Xả Lãi, nhưng mời lấy lòng vậy thôi.

Mỗi thôn nộp phạt trăm ba quan tiền!
 Quan phủ tàn lọng ngả nghiêng,
 Ngủ thấy mùi thối chẳng yên dạ vàng:
 - Chúng bay đâu đi bắt các làng,
 Hiến tao vàng bạc, tao quần tha ma!
 Thầy cúng đang gõ mõ i a,
 Ngủ thấy mùi thối, thật là loạn âm.
 Quỷ sứ đang bắt người trần,
 Phanh thầy xé xác, ầm ầm các quan.
 Mau tìm xôi, thịt, sỏ, gan,
 Để còn lễ tiễn các quan về trời!

ÔNG THỦ HĂNG

Đất này gái giỏi trai tài. Những người đàn ông thật xứng đáng là người đất vật võ Liễu Đôi. Tuy họ nghèo khổ, nhưng lạc quan, hào hiệp, sẵn sàng trừ gian cứu nạn như kiểu ông Thủ Hăng sau đây.

Sáng trắng tỏ rọi bờ tre,
 Vè ông Thủ Hăng ai nghe thì vào!
 Thủ Hăng vừa lớn vừa cao,
 Ngày nào cũng lặn, ngày nào cũng bê.
 Đồng Đầm ở quăng ông Nghè¹,
 Thuyền thỏ tám thước, chở nghe rào rào.
 Nghiêng chân tát nước ào ào,

1. *Đồng Đầm*: chỉ cánh đồng sâu. *Quăng ông Nghè*: ở quăng đến ông Nghè phía bắc làng Thượng.

Bồng lên hòn đất ngõ cao bằng trời.
 Quanh năm đóng khố que cời¹,
 Chẳng biết mũ nón ở đời là đâu.
 Da đen bóng láng như trâu,
 Ngực như mồm gàu, vai tựa đường quai.
 Một hôm bà Ngãng sang chơi,
 Hỏi mãi, chẳng nghe lời ông Hăng nói chi.
 Đầu hè, có một cái gì?
 - Ông này mới đóng cái phản rõ thì gồm ghê!
 Phản này mà ngồi uống nước chè,
 Vừa uống vừa đọc cái vè *Tam Thiên*².
 Ông Hăng ơi, ông ăn ở thảo hiền!
 Ra đây ngồi phản thì tiên chả bằng!
 Vừa ngồi bà đã kêu âm:
 - Rõ ông Thủ Hăng voi vâm cạp vô!
 Thủ Hăng cười nói ồ ồ:
 - Phản u tôi đóng, đựng trăm vò rượu tăm!
 Đêm thì chả nhấp chả nằm,
 Giá tôi tậu vợ, tậu một trăm vợ liền.
 Đêm về cho vợ nằm trên,
 Dang tay tôi quạt mát liền cả một trăm!
 Năm ấy ông Hăng ra Đông³,
 Nhà chủ ra đồng thấy ông gặt như bay,
 Về nhà mới thật lợn ngay,

1. *Khố que cời*: khố hẹp khố, còn gọi là khố dây, khố dưa cà.

2. *Vè Tam Thiên*: vè kể chuyện ông Tam Thiên. Bài vè này chúng tôi chưa sưu tầm được.

3. *Ra Đông*: chỉ vùng biển.

Cắt một "khoanh bí" thì bày giữa mâm¹.
 Mỡ lợn thì thái từng nắm,
 Rõ là tám đĩa, còn cầm tám bát tiết canh.
 Lôi lên một cái vò sành,
 Rượu tám sủi bọt đãi anh thợ tài.
 Mặt trời đứng bóng đã rồi,
 Ông bảo nhà chủ: gánh nôi ra đây!
 Ăn xong tôi còn làm ngay,
 Từ rày đến tối gặt bay cả đồng!...
 Nhà chủ nào gánh, nào gồng,
 Gánh ra tươm tất, bày ngay đầu bờ.
 Tiết canh, ông húp ngon ơ,
 Tám "sứt", tám bát, ai ngờ? Đến kinh!
 Rượu thì ừng ực ình ình,
 Thoảng cái đã hết, chẳng còn dính dính dính tí nào!
 Nhà chủ khi ấy nhôn nhao,
 Về thịt lợn nữa để khao ăn mừng!
 Cơm hôm còn hãy lưng chừng²,
 Gánh về, ông chất lên từng đống cao.
 Chủ về lạc lối ra vào,
 Tìm ông, ông đã dưới ao uôm uôm.
 Bây giờ tôi lại kể luôn,
 Ông Hăng năm ấy vào Đuôn³ vật chơi.
 Ông vừa mới tới đến nơi,
 Xứ Đuôn liền cử ngay người địch nhau.
 Ông vừa quay trước, quay sau,

1. *Khoanh bí*: chỉ cổ họng con lợn.

2. *Cơm hôm*: chiều hôm.

3. *Đuôn*: chưa rõ là xứ nào.

Bê ngay cái phản, tám ông bầu ngồi trên.
 Thiên hạ mới ngược mắt lên,
 Cổ ông gân chảo nổi lên như thùng.
 Các độ cúi mặt, khom lưng,
 Vái ông ba vái mà mừng giải to!

Lại chuyện ở dưới làng Bô¹,
 Có kẻ moi mồ chắt lấy đầu lâu².
 Toán này hành sự đã lâu,
 Bao nhiêu người chết mất đầu điêu linh.
 Người sống van lạy đến tình,
 Bao nhiêu của cải phải đành dốc ra.
 Chuộc đầu mẹ chuộc đầu cha,
 Dem về đắp đậy cho mà yên thân.
 Ông Hăng cầm lũ bất nhân,
 Một hôm rủ một bạn gân ra đi.
 Làng nước hãy còn ngủ khi,
 Ông moi mả mới, kế ý rõ ràng:
 Ván thiên, ông lật khê khàng,
 Xác người mang đến ruộng lang đặt nhờ,
 Ông nằm vào ván chôn hờ,
 Nửa đêm thì thấy một lô gian thần.
 Mả mới nó xối âm âm,
 Quân này rõ thật như vâm đào mồ!
 Nó bế ông lên đặt trên bờ.
 Ông cũng nằm đờ như kẻ chết chôn.

1. Bô: tức làng Bô Xá, nay thuộc xã Đồn Xá, huyện Bình Lục.

2. *Moi mồ*: đào mả người chết mới chôn, chắt lấy đầu lâu giấu đi, rồi bắt gia đình người chết đó phải đem tiền chuộc.

Chờ cho dao nó giờ lên,
 Ông vùng giật lấy quát lên như thần:
 - Ta là quý sử dưới âm,
 Về đây trị lũ bất nhân chúng mày!
 Gian tặc, một lũ run tay,
 Bái bái lay lay, một bầy kêu than.
 Trói vào, ông dắt lên quan,
 Từ bấy mới tạnh cơn oan làng Bồ.

BÀ BỒI

Bà Bồi cũng là một mẫu người đảm đang và luôn tất tả, vất vả bận rộn. Tục ngữ ở đất Liễu Đôi còn truyền câu: Lỗi thả lỗi thối như bà Bồi không bằng!.

Bài về này có một phong cách vừa hào hùng, phóng khoáng, vừa hóm hỉnh, tươi vui.

Một hôm bà Bồi ngủ ngày,
 Bà gáy như sấm, như cày làng lên.
 Bảo nhau xóm dưới làng trên,
 Đến xem bà Bồi ngủ trên nền nhà,
 Vú thả bằng cái nôi ba,
 Rốn thì sâu hoắm như là lỗ chiêng.
 Cái vai lên xuống, xuống lên,
 Trông như cái thuyền cắm ở ngoài ao.
 Ngủ dậy, bước thấp bước cao,
 Bà Bồi đánh ào xuống cái đầm sâu.
 Bà tắm như thể con trâu,

Làm sòng động cả đồng Dầu, đồng Đa¹.
 Xong đâu đấy, bà mới về nhà,
 Đóng bịt cho gọn, để mà tắm heo.
 Nào gà, nào chó, nào mèo,
 Bọn chúng nhung nhúc mà trèo lên nhau.
 Cho ăn xong, bà mới lấy gàu,
 Ra đồng tát nước, trăng đầu đồng Ngân².
 Tát xong bà lại xoay trần,
 Vắn bờ lớn, vắn bờ bé, để lần tìm cua.
 Cua nhét vào giỏ còn thừa,
 Bà giắt vào váy, nó mới đưa lên sườn.
 Hai bên mạng mỡ ươm ươm,
 Hai bạng cua lớn trườn ươn như cái gò.
 Đít bà như đít tò vò,
 Rập rình một lúc được một bó to rạ rời.
 Trông lên: vẫn còn mặt trời,
 Bà lặn xuống đầm sậy, với vài cành khô.
 Một lúc đã thấy bà nhấp nhô.
 Được một chùm củ súng ở dưới hồ mò lên.
 Về nhà, tứ phía bốn bên,
 Nào cua ốc, nào rơm rạ, lại còn kèm củi khô.
 Bà vào vổ vổ cái bồ,
 "Ừ ì cút kít" tựa như võ đường.³
 Càng xay càng nhện ai lường,
 Chỉ còn tiếng "kít", gạo như nước luống chảy.

1. *Đồng Dầu, đồng Đa*: hai cánh đồng của xã Liêm Túc ngày nay.
 2. *Đồng Ngân*: cánh đồng thuộc xã Liêm Túc ngày nay.
 3. "Ừ ì cút kít": tiếng cối xay xay lúa.

Ấy là công việc của nhà,
 Còn việc võ vật thì bà chẳng kém ai!
 Thứ nhất bà có cái tài,
 Hết lên dẹp đám thì ai cũng xanh mặt mày!
 Tài nữa là tài lên đây,
 Hai móng lưng lẳng như cái giỏ thày của đun.
 Hai tay lên xuống dập dừ,
 Hai chân rê thấp, nâng cao thế này...
 Ấy mà ngoắt một cái như bay,
 Thiên hạ tấm tắc: Gái đất này trường can!
 Bé con nhai nhống ngoan ngoan,
 Con Hồng, con Hoãn, con Hoàn... lại đây!
 Thật là một lũ, một bầy,
 Mười bốn đứa, với "lão đi cày" là mười lăm!⁽¹⁾
 Rồi bà túc mục bữa ăn,
 Con cái xúm xít mới lần cái giỏ thời.
 Sung xanh chấm mẻ, ngon ơi!
 Miệng còn nhai phúng phính, chân đã cời cái te².
 Tối về, con khóc âm eo!
 Hai tay tám đứa, chồng nhè nằm trên.
 Chiều chồng nghĩ đám rau dền,
 Hái đi mà bán, lấy tiền mua khăn.

CHÍN CÔ CHƯA CHỒNG

*Bài về ca ngợi, bình phẩm về 9 cô gái đất Liễu Đôi xưa.
 Vùng Liễu Đôi xưa là đồng chiêm trũng, quanh năm bốn bề*

1. *Lão đi cày*: chỉ ông chồng.

2. *Cái te*: cái vó tép.

mênh mông nước cả, nên nghề chài lưới hình như một thời đã là nghề nghiệp chính của cả vùng. Bởi vậy, nội dung của những bài vẽ có nhiều màu vẽ khác nhau, song riêng điệu của bài vẽ thì vẫn gắn chặt với nghề nghiệp, phục vụ nghề nghiệp.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Ở ngõ ông Lý,
 Chín cô chưa chồng;
 Cô Mơ lông ngông,
 Cái mông lúc lắc,
 Cái cổ bí đặc,¹
 Cái chân tây vò.
 Cái tay tây lợ,
 Đi sụt bờ cỏ,
 Ngồi gãy thang giường.
 Ăn trôi nổi bảy,
 Ăn chảy nổi ba,
 Cấy ba trăm mẫu,
 Cau đậu ba khay,
 Ăn bay lại cấy.
 Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Giờ sang cô Cậy,
 Cái má thì tròn.
 Cái môi thì son,
 Xem chừng óng ả,

1. *Bí đặc*: khoai bí xanh ít ruột dày cùi gần như đặc lại. Ví cái cổ với khoai bí đặc ấy để tả cái cổ to, chắc, tròn trặn.

Bông dừa cốt nhả,
 Lúng la lúng lính,¹
 Như cây khoai riềng.
 Cái mắt biết nghiêng,
 Cái tai biết ngó.
 Đêm nằm vắn vọ²,
 chỉ muốn hò lơ,
 Chỉ muốn phất cờ,
 Như bà đồng trận³.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Sang đến cô Mận,
 Răng đen rừng rúc,
 Cười ra ông trời⁴,
 Mời ra câu hát⁵.
 Lát ra cái nong⁶,
 Đi vòng ra lúa⁷,
 Đi chụa ra cua⁸.

-
1. *Lúng lính*: lúng liếng.
 2. *Vắn vọ*: cũng gần như chữ vắn vự. Ở đây dùng với cái nghĩa là trăn trở dử dội.
 3. *Bà đồng trận*: bà đồng đang ở cái thế đánh tà dẹp quỷ dữ dội (!).
 4. *Cười ra ông trời*: ý nói nụ cười tươi, bừng sáng như mặt trời.
 5. *Mời ra câu hát*: ý nói lời mời chào ngọt ngào và hay như hát.
 6. *Lát ra cái nong*: ý nói tài đan lát nong, nia.
 7. *Đi vòng ra lúa*: khi phơi thóc người ta thường lấy chân dũi lộn vòng để thóc được xáo lên cho chóng khô. Câu này ý nói là tài lao động.
 8. *Đi chụa*: đi lom khom, nhìn dọc bờ ruộng, chân đưa nhẹ vào bờ ruộng (động tác tìm cua).

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Sang đến cô Mụa,
 Mây như lưỡi kiếm,
 Nói ngọt như đường,
 Cười duyên như mật,
 Vai tròn lưng thắt,
 Mắt như nước đầm,
 Cái tay mò ốc,
 Nôn chuối chẳng tà,
 Cái má hây hây,
 Như quả hồng chín,
 Ngủ vờ ngủ vịn,¹
 Cũng được nghìn chày,
 Đây nia gạo trắng.
 Đập vờn đập găng²,
 Cũng được năm sào,
 Chào vờ chào vệt,
 Giai cũng mê tí,
 Vần va vần vít³.
 Cũng được ba đêm.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Sang đến cô Tia,
 Người như cái thương⁴.

-
1. *Ngủ vờ ngủ vịn*: giống như "ngủ gà ngủ gật" nhưng đây là động tác ngủ đứng khi giã gạo.
 2. *Đập vờn đập găng*: ý nói đập đùa đập thêm thôi cũng giỏi.
 3. *Vần va vần vít*: vừa vắn thùng vừa đặt vè, vắn vè hát.
 4. Ý nói người cao gầy như ngọn thương.

Cái đầu cũng nhọn,
 Cái vú cũng nhọn,
 Cái mông tròn thộn¹.
 Rõ thật khô chân,
 Lại còn gân mắt,
 Đi nhanh như cắt,
 Cầm gươm như que,
 Cầm vè như dũa²,
 Cầm lúa như bông,
 Cầm đồng như lựa.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!
 Sang đến cô Êm,
 Tay mềm như bún,
 Múa đẹp như trăng,
 Làm đảo đất bằng,
 Làm thăng ông Bụt.³
 Làm tụt ông Sơn⁴,
 Làm hờn ông Địa⁵.

Gập gà! Gập gập!

-
1. *Thòn thộn*: thon thon, nho nhỏ.
 2. *Vè*: cái nùi để đánh dấu khi cày bừa ở ruộng nước sâu, cày bừa đến đâu đánh dấu đến đó. *Vè* thường được vót bằng một thanh tre chắc, một đầu nhọn.
 3. *Ông Bụt* (ông Phật).
 4. *Ông Sơn*: tức là ông Thần núi.
 5. *Ông Địa*: là ông Thổ Thần.

Gập thùm! Gập thùm!
 Sang đến cô Sứa,
 Còn gọi cô Sang,
 Cái miệng trăm làng,
 Khiêng vè không hết,
 Vè hoan, vè kết,¹
 Vè nối, vè mời²,
 Vè trời, vè đất,
 Vè cỏ, vè cây
 Vè gió, vè mây,
 Vè chim, vè cá,
 Vè hoa, vè lá,
 Vè cá, vè tôm,
 Vè cả may nôm,
 Vè cả con gái,
 Vè cả con trai,
 Vè cả hôm mai,
 Vè cả chài lưới,
 Vè cả riu rũi,
 Vè cả đó lờ,
 Vè cả phát cờ,
 Vè vè vè vè,
 Vè gì cũng có.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!...

-
1. *Vè hoan*: vè mừng, chúc mừng nhau khi vào cuộc hát vè. *Vè kết*: vè kết thúc cuộc hát.
 2. *Vè nối*: tiếp lời người khác vận vè về một nội dung nào đó.

Sang đến cô Thỏ,
 Thủ thủ nhu mì...
 Kéo một guồng xa,¹
 Dài ba ngàn dặm,²
 Cổ tay ai nắm,
 Cũng mịn như bông,
 Ai được bế bổng,
 Thì hơn Hoàng đế,
 Bàn tay cung quế,
 Đưa đẩy con thoi,
 Lựa là ngà ngọc.

Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!...
 Sang đến cô Vọc,
 Búi ngược mớ tóc,
 Váy cộc lưng khoèo³,
 Gánh đi vèo vèo,
 Như ông thần Đổ⁴,
 Gánh nước sắn sỏ,
 Hai thống hai bên.
 Như ông Tam Thiên,⁵
 Gánh hai vỏ trấu,
 Gập gà! Gập gập!
 Gập thùm! Gập thùm!

1, 2. Ý là có tài kéo sợi.

3. Váy ngắn chỉ đến khoeo chân.

4. Ông Thần Đổ: xem *Truyện ông thần Đổ*, ở phần *Truyện cổ*.

5. Ông Tam Thiên: xem *Truyện ông Tam Thiên*, ở phần *Truyện cổ*.

GÁI LÀNG SẤU

Đây là một bài về vào loại khá cổ, ca ngợi con gái Sáu (nay là thôn Đông Sấu) giỏi lao động, tài vật võ, và anh hùng trong đánh giặc ngoại xâm (giặc Ngô).

Con gái làng Sấu,
 Hay cầu hay cào.¹
 Cầu ra bờ rào,
 Cầu vào chuồng lợn.
 Nào ai có tợn,
 Lấy gái làng này?
 Nó vác cả cày,
 Ra đồng nó cấy.
 Nó vác cả đấu,
 Ra đồng nó đong,
 Nó vác cả nong,
 Ra đồng nó quạt.
 Nó vác cả tháp,
 Ra đồng nó xây,
 Nó gói cả mây,
 Bỏ trong giỏ nó.
 Nó thắt khăn đỏ,
 Nó múa gươm thần.
 Đùi nó tấn vắn,
 Bằng hai cây chuối.
 Con trai yếu đuối,
 Nó bẻ bành sườn,
 Con trai cò hương,

1. *Hay cầu hay cào*: ở đây có ý nghĩa là tấn tảo, vợ vật tếp, chất chiu làm ăn.

Nó vợ cặp nách.
 Đầu Ngô nó xách,
 Nó nhảy qua cầu.
 Tóc vấn ngang đầu,
 Ngực bầu ngực sữa.
 Đôi tay sắp ngửa,
 Nhảy thách, rạch ngang.
 Đôi chân rập ràng,
 Nhún lên nhún xuống.
 Lưng vòng bờ ruộng,
 Vai nổi vai chìm.
 Tựa đôi cánh chim,
 Dân hàng, cục cắc.¹
 Gối nằng, nằng chắc,
 Cục cắc, cục cắc
 Tôi có bài vè,
 Thiên hạ cùng nghe.

VÈ BẾN BÀ

Nghe vè nghe vè
 Nghe vè Bến Hạ
 Nước sông gạo chợ
 Tụ hội về đây
 Cũng lắm người tài
 Có bao người đỡ
 Từ thời xưa cũ

1. *Cục cắc*: tiếng điểm nhịp cho động tác biểu diễn vô thuật.

Chí tới bây giờ
 Con nước lũng lờ
 Sáng rồng chiều lớn
 Bần gie đom đóm
 Nói chuyện bao đồng
 Mới chuộng cũ dong
 Thiệt là Tám Lịch.
 Hay gây xích mích
 Vốn thiệt Ba Lâu
 Ăn nói xỏ xâu
 Dích thị Năm Lửa
 Không vách không cửa
 Là chú Hai Giao
 Đụng đầu quơ quào
 Thiệt là Sáu Chợ
 Ăn no mắc nợ
 Đứng gắt Bảy Kiềm
 Rượu như hũ chìm
 Là ông Chín Thực
 Già mà còn sức
 Là tá điền Thanh
 Bụng phệ chành ành
 Thiệt thầy quản Chánh
 Hở ra nóng lạnh
 Không khỏi Ba Phòng
 Qua lại lòng vòng
 Sáng lên chiều xuống
 Ai lo làm ruộng
 Ai phụ khai hoang
 Kẻ lo lập làng

Người thời duỗi giặc
 Bể dâu trận mạc
 Người lạ người dưng
 Người hiền người hung
 Ở cùng một xóm
 Cái tên dính cứng
 Kêu Bến Bạ rồi
 Ai cũng bùi ngùi
 Thuở nào ghe ghé
 Bây giờ tử tế
 Nhớ lại tổ tiên...

ÔNG BẦY

Ở một số vùng trong nông thôn Nghệ Tĩnh, việc chăn trâu bò là một nghề chuyên môn. Trâu bò của riêng từng gia đình thường được thả chung thành bầy do một người cai quản. Người này có thể chuyên nghiệp hoặc luân phiên. Sáng dậy, người ấy đi đến ngã ba đầu làng đánh ba hồi mõ hoặc thổi ít hơi tù và. Đó là hiệu lệnh để mọi nhà mở cửa chuồng cho trâu bò tụ tập thành bầy cho người chăn. Người đó, ở Nghệ Tĩnh thường gọi là ông bầy hay ông đầu bầy. Ông bầy dẫn trâu bò lên sườn núi cho chúng ăn cỏ. Chiều lại, cũng đàn gia súc ấy do ông bầy dẫn về. Đến ngã ba đầu làng, con nào tự động về nhà con nấy không sợ lạc. Nếu núi không có thú dữ như hổ báo thì nghề chăn trâu bò cũng là một nghề thanh nhàn ít lo, tuy rằng đôi khi tìm súc vật lạc cũng chẳng khoẻ khoắn gì.

Bài này đề cao nghề chăn trâu bò. Tác giả miêu tả ông bầy như một viên tướng ra trận; trong khi đó thì mọi người vốn khinh thường ông bầy, coi nghề chăn trâu bò là một nghề hèn hạ.

Dai mang nịt thắt vào mình
 Sơn lâm quân tử giấu hình chút chẳng?¹
 Lời thiên hạ gió trăng:
 Đồn trai ngu đã lắm;
 Phụ ông bấy đã lắm.²
 Giữ ông ngồi ông găm,
 Thiếu chi kẻ tài tình,
 Đừng chộ (thấy) rúa mà khinh,
 Khinh con hùm giấu vút (móng vuốt).

Con hùm kia giấu vút,
 Giấu vút lại giấu vây.
 Ai dám nhạo ông bấy,
 Ông đặt một chuyện này,
 Để thế tình soi xét.

Kẻ cày mây cuốc nguyệt,
 Người trồng đậu, vun khoai.
 Cũng một lúa con trai,
 Kêu anh này, chú nọ.³

Được như ông cũng khó,
 Trai kẻ đã nên trai,
 Tài kẻ đã nên tài,

-
1. *Sơn lâm*: có người nhớ là "song le".
 2. Vì ông bấy không tham gia nghề nông, không thạo việc cày cấy gặt hái, nên người ta cho là ngu, vụng. Tác giả - một ông bấy nào đó - làm bài này để bác bỏ ý kiến đó.
 3. Ý nói đối với những người trai cày, người ta chỉ gọi là anh hay chú là cùng.

Khắp thôn trong xã ngoài,
Ai cũng kêu bằng "ông" cả thầy,
Ai cũng gọi "ông bầy" cả thầy.

Giắc "hoàng lương" mới dậy,
Nổi hiệu lệnh ba hồi,¹
Khắp làng ngược, xóm xuôi,
Đều khắc sinh rấn rả²
Sinh đồ đều rấn rả.

Thung dung nhàn hạ,
Ai sánh được ông bầy.
Đệm (nệm) thì có chiếu mây,
Thạch bàn kia làm tréo.³

Con người ông yếu điệu,
Tâm ông quảng đại từ bi.
Ông sắp sửa kéo quân đi,
Đi nhịp nhàng quen bước,
Đi chân đều quen bước.

Quân "hồng lao" kéo trước;
Quân "hắc hậu" đi sau.⁴
Tốc quân đi cho mau,
Thúc quân vào cho kịp.

1. Tức là đánh ba hồi mõ ra hiệu cho các nhà có trâu bò mở cửa chuồng.

2. *Sinh* hay *sênh*: một thứ nhạc khí làm bằng hai miếng gỗ đánh vào nhau. Ở đây chỉ các nhà đều gõ then cửa chuồng.

3. *Tréo*: ghé, ý nói lấy mây làm nệm, lấy đá tảng làm ghế.

4. *Hồng lao*: chỉ bò. *Hắc hậu*: chỉ trâu. Tác giả dùng những tiếng này để người nghe liên tưởng đến những đội quân.

Ông truyền cho một phép,
Không có tên nào tắt ngang,¹
Lên giữa đỉnh non vàng,
Để cho ông kiểm soát.

Ban chiều bóng mát,
Chốn thạch bàn thanh thoi.
Có tên nào ngược xuôi,
Nghe lệnh truyền trở lại.

Lên cao, ông nhìn ngái (xa),
Nom xuống các lá hải tần.
Chộ (thấy) các chị ăn mần,
Đồng lật cổ, sương (gánh) phân,
Cũng lưng còng, lòng mõi.²

Cổ thì mang ống gọi³
Vai khoác áo miện, tơ mây.
Tay thì cầm siêu đao⁴
Lên giữa đỉnh sơn cao,

-
1. *Tắt ngang*: tức đi tắt ngang, chỉ những con súc vật không ăn theo bầy, mà chạy chỗ này chỗ nọ.
 2. Đoạn này ý nói ông bấy đứng trên sườn núi cao nhìn xuống thấy mọi người làm lưng mết nhọc (để làm nổi bật mình làm công việc khỏe khoắn hơn).
 3. *Ống gọi*: chỉ cái tù và.
 4. Ông bấy mùa mưa cũng như mùa nắng ở vùng Nghi Xuân, Can Lộc, Thạch Hà...(Hà Tĩnh) thường đội nón, mang tờ, quần xắn, áo thắt dây ngang lưng, tù và đeo ở cổ, cây rựa cầm ở tay. Đoạn này tác giả miêu tả ông bấy tương tự như trẻ chăn trâu trong một bài văn ở sách giáo khoa cũ: "Đầu tôi đội nón mê như lọng che, tay đôi cầm cành tre như roi ngựa, ngất ngểu ngồi trên mình trâu, tai nghe chim hót..."

Nom bốn phương vui vẻ,
Nhìn bốn bể vui vẻ.

Tà tà bóng xế,
Ông kéo quân về đồn.
Nghe ống gọi ông loan (loan báo),¹
Các chủ nhà thương con,
Ra nẻo đường đón rước.
Ngày thì lo việc nước,
Tối thì lo việc nhà,
Thung dung trời định cho ta.

ÔNG CHĂN VỊT

Nuôi vịt cũng là một nghề. Người chăn vịt phải tùy thuộc theo bầy vịt, sống nay đây mai đó ngoài đồng ruộng, ít khi được vui thú gia đình. Cũng như bài ông bầy, tác giả đã biến người chăn vịt thành một ông tướng. Toàn bài cường điệu nghề chăn vịt thành một nghề ung dung, nhàn hạ, lăm lăm, kỳ thực đó là một nghề vất vả, dầm mưa dãi nắng và nhiều khi thua lỗ đến sạt nghiệp. Những tiếng những câu dùng trong bài về này cho ta biết nó xuất hiện khá xưa.

Làm trai học đủ trăm nghề,
Canh (cày) ruộng vui thú cùng nghề bán buôn.
Kẻ xuôi biển, ngược nguồn,

1. Ý nói chiều về khi gần tối, ông bầy đưa trâu bò về làng, cầm ống gọi tức tù và rúc lên để những gia đình có trâu hoặc bò ra đón và đưa về chuồng nhà mình.

Cũng vì chưng tiền của.

Kẻ phúc nhà đức tổ,
Giàu sang chẳng ai bì.
Giàu không biết đường suy,
Cũng vào luồn ra cúi.

Khách bán buôn ngang dọc,
Đường cách trở muôn tâm.
Kẻ có đôi ba trăm,
Mong lời ra năm bảy.

Trai anh hùng khi ấy,
Vào sảnh lĩnh binh về¹
Thành ông xây tứ bể,
Quân kéo vào một cửa.

Lương ông phát ngày ba bữa,
Quân ăn uống nhởi chơi.
Ông đối phúc mặc trời,
Tiếng anh hùng ghê gớm.

Ông tập tành khuya sớm,
Công khó nhọc quản bao.
Khi lên bộ xuống rào (sông),
Mò hết tôm hết tép.

1. *Sảnh*: tỉnh đường, tiếng dùng ngày xưa. Đây muốn nói vào chợ tỉnh mua vịt con về.

Âm thanh vang một nhịp,
 Chân ông bước thì thành.
 Dầu sấm chớp lôi đình,
 Ông bằng tâm chẳng sợ.

Sớm mai thành ông mở cửa,
 Quân ngồi thượng mục hạ hoà.¹
 Tay ông cầm nhành hoa,
 Quân âm âm như sấm động.

Ông dựng cờ mở cổng,
 Quân mừng rỡ vui thay.
 Cờ ông chỉ đông tây,
 Quân dốc lòng rửa cả.
 Dốc một lòng rửa cả.

Tiền quân đi rong ra,²
 Ông đi giữa trung quân,
 Dầu năm trăm, một nghìn
 Lệnh ông truyền phải cú (theo).
 Ông đã truyền đều phải cú.
 Ông tập tành khi mới nở,
 Cho thành kỹ thành nhân³

-
1. *Thượng mục hạ hoà*: trên hoà dưới thuận, ý nói không có sự mất đoàn kết.
 2. *Rong rã*: tính từ nói ý chậm rãi, thong dong.
 3. Ý nói luyện tập trở thành phép tắc, khi ra khi vào, khi đi bên phải bên trái,...

Khi mưa dội nắng dồn,
 Tên nào hay cũng biết,
 Tên nào hèn cũng biết.

Khi sương sa gió tuyết,
 Ông chẳng sợ chốn chông gai.
 Ông đi khắp bốn bể đông đoài,
 Tới về ông lập đồn trấn thủ.

Mỗi năm nhậm vụ,
 Ông đem quân đến khám điền hoà¹
 Ruộng cày cấy không qua,
 Nơi gặt xong đòi đến,²
 Nơi gặt rồi đòi đến.

Quân ông chơi bờ nhởi bến,
 Vững tằm mát thoả lòng,
 Vùng vẫy chốn nước trong,
 Rồi đi tìm lúa rừng.

Giữa trưa tròn bóng,
 Ông cho quân cứ nhởi chơi.
 Tên nào chạy ngược, chạy xuôi,
 Lệnh ông truyền trở lại.

Tới về ông lập đồn hạ trại,

1. *Điều hoà*: lúa ở ruộng, người chăn vịt thường thả vịt ở những ruộng lúa đã gặt rồi để chúng nhặt hạt rơi hạt rụng.

2. *Đòi đến*: lừa vịt đến.

Bền mở hai múi cánh dơi¹
 Ông trải chiếu ra ngồi,
 Quân diện tiền bái yết.

Qua tuần bát nguyệt,
 Sang đông chí lập kỳ,
 Trời mưa gió thuận thì,
 Ước ruộng sâu cũng có,
 Ước trâu cày cũng có.

Tiền tiền ló (lúa) ló,
 Ông chất để dư ngàn.
 Ra giếng hai thanh nhân,
 Ông đuổi quân về đổ thóc.²
 Quân phải về ăn thóc.

Quân ông ăn no lòng đủ sức,
 Đứng đỉnh chốn bờ sông.
 Tuần ngũ nguyệt gặt đồng,
 Bạc ông chất dư ngàn vạn mớ.³
 Tiền ông có ngàn vạn mớ.
 Nước sông gạo chợ,

1. Chỉ cái lều của người chăn vịt.

2. Thường thường vào tháng giếng hai, người nuôi vịt đem vịt về nuôi ở đồng nhà. Lúc này không có thóc rơi rụng, nên ngoài những tôm tép ốc cua. v.v... thỉnh thoảng họ phải cho vịt ăn thóc.

3. Vào khoảng tháng 5 gặt lúa chiêm xong, người ta đưa vịt đi ăn hết cánh đồng này sang cánh đồng khác để vịt nhặt những hạt thóc rơi rụng. Vịt béo lên vào dạo này, do đó người nuôi vịt có lãi.

Giếng thiên tạo lưu truyền.
Củ hết có chùa đến.¹
Ông đi đâu bè bạn theo đó.

Đường sá quen phong thổ,
Đồng địa tỏ cạn sâu²,
Khi vô sảng ra câu³,
Thập thành đôi ba huyện⁴.

Cơ đồ ông vĩnh viễn,
Danh ông đã lưu truyền,
Trai anh hùng quyết chí thì nên.

TÀI LAO ĐỘNG CỦA ÔNG HOẠT HUỆ

Ông Hoạt Huệ (còn có tên là Ý Huệ) quê xã Phù Lưu thượng (nay là Hồng Lộc thuộc Can Lộc) là một cố nông nổi tiếng lao động giỏi. Các nghề câu cá, bẫy chim, săn thú v.v... ông đều thành thạo. Tác giả bài này là bạn nối khố của ông Hoạt Huệ, sáng tác để ca ngợi tài năng hơn đời của bạn.

-
1. Ý nói người chần vệt vào trong các bụi bờ lùm lòi xung quanh đền chùa kiếm củ nấu ăn, không phải mua. Mấy câu này chỉ cuộc sống lưu động.
 2. Địa: vũng sâu giữa ruộng để cá tập trung mà bắt.
 3. Sảng: tỉnh đường, tiếng sảng gần với tiếng rãnh là ngòi nước. Câu: câu lớn, bao lớn. Tiếng câu còn có nghĩa là ngòi rãnh. Tác giả chơi chữ để nói nghề chần vệt phải qua lại nơi ngòi rãnh, đồng thời cho độc giả có ấn tượng ra vào nơi dinh thự.
 4. Thập thành: thông thuộc, ý nói đưa vệt đi ăn vài ba huyện nên thông thuộc hết địa hình.

Đói thời bán củi, bán than,
 Ông Hoạt giữa xã chẳng can có gì.¹
 Đám trời, trời thủng (lủng) quách đi!
 Nói đất đất chuyển, vị chi có tài.
 Mặt trời đã gác ngang tai,
 Ông cầm con dao cá ra ngoài đồng Chung².
 Anh hùng thử sức anh hùng,
 Tiết ni nam³ nắng quyết lòng không tha.
 Cứ đường Cửa Lối⁴ ông ra,
 Lên Cồn Quan, Trọt Trống⁵ kiếm cá mà nằm khô.
 Lũng lác⁶ thì rủ khắp bờ,
 Tiết ni năm nắng, cá lên khô cá nằm.
 Lăn dẫu rồi lại lăn giằm,
 Ông úp một lát được tám trăm cá mè.
 Đồn gần rồi lại đồn xa,
 Thuở xưa ngày trước ông có ra Đàng ngoài.⁷
 Làng nước thì chẳng có ai,
 Một mình với cọp (hổ) ai tài địch nhau.
 Khởi công ra đánh trận đầu,
 Đâm con khải (hổ) bỏng, giáo trâu hai phần.
 Làng nước chạy lại mới vân (nói):
 - "Một mình lưu lạc đừng mần nghề ni!"

-
1. Ý nói những ngày đói kém, ông Hoạt chịu khó đi củi đi than kiếm ăn nên không bị đói.
 2. *Đồng Chung*: tên một cách đồng của xã.
 3. *Nam*: gió nam hoặc gọi là gió Lào.
 - 4,5. Tên các cánh đồng của xã.
 6. *Lũng lác*: một loại cỏ.
 7. *Đàng ngoài*: tiếng chỉ những tỉnh từ Nghệ An trở ra Bắc.

- "Làm trai ở giữa đất nì,
 Phận nghèo nặc phận, nghề chi cũng làm"¹.
 Thuở giữ ông cũng còn ham,
 Thuở xưa ngày trước ông có làm nghề câu.
 Cá lớn thì ở vực sâu,
 Cần dài tám thước, nấp sau mép bờ.
 Trời thì vân vũ muốn mưa,
 Gió đông bắc lại, cá thần thơ sóng mòi.
 Triềng (nghiêng) lưng nhấp nhấp mà coi,
 Một đực² lững đững (lững thững) mới lòi cái ghi (kỳ).
 Mồi thì ông kéo rề rề,
 Hai mắt trượng rần đỏ hoe nhìn mồi.³
 Giọt (ném) mồi xuống nước tức thời,
 Nghe "ập" một cái, ông lòi lên bờ.
 Cá thì chẳng nhỏ chẳng to,
 Mười tám thước dọc, ông đo thước già.
 Nói ra chẳng phải nói khoe,
 Cái nghề đập lúa ông Huê cũng hay (giỏi).
 Tinh mơ tảng sáng rạng ngày,
 Xăm xăm bước tới, tốc (xộc) ngay vào nhà.
 Sớm mai ông rả lúa ra,
 Ông vót⁴ cái nạng cả nhà đứng coi!

-
1. Đoạn này kể chuyện có lần ông ra Đàng Ngoài có giết một con hổ. Người ta can ông đừng làm nghề ấy nguy hiểm. Ông đáp lại đại ý rằng: cái phận đói nghèo thì mặc đói nghèo, làm trai có sợ gì hổ.
 2. Một đực: đây có nghĩa là một con cá to lắm.
 3. Miêu tả sự thèm muốn đến cực độ của con cá.
 4. Vót: tức là vót nhọn đầu mũi nạng. Câu này ý nói ông chỉ mới làm có thế mà cả nhà người chủ thuê đã khâm phục.

Ra đi chinh bị đủ rồi,
 Dọn cơm ông chén hẩm hoi vô chừng.
 Cá đồng thì nấu với tương,
 Trứng vịt bác hẹ, cà trường chấm vừng (vừng).
 Đạp lúa ông đạp cầm chừng,
 Một ngày trăm gánh, "ót" gạo hôm ông về¹.
 Có ai không nghe tiếng ông Hoạt Huê?

CAN GIÀ²

LÃO GIÀ ĐI CỦI

Nói lên cái vui nhộn trong lao động của một ông cụ già.

Không chi hơn đi củi,
 Nơi núi thẳm rừng thiêng,
 Thú vui chốn lâm tuyền,
 Vui cảnh Bụt non Tiên,
 Không chi bằng đi củi.

Chặt tre trong bụi,
 Lão làm đồn càn,

-
- 1 *Ót*: lấy gọn. Gạo hôm: gạo trả cho người làm công thay cho bữa ăn tối. Ngày xưa đi làm thuê thường lấy công bằng gạo.
2. Quê xã Hồng Lộc, là một cố nông chuyên chăn bò bầy cho xóm. Ông suốt đời hầu như chỉ bận một manh khố. Nhưng ông có tài hát giặm. Ông thường sáng tác nhiều bài về có phong cách độc đáo. Đến nay nhân dân vùng Hồng Lộc vẫn còn nhớ tên ông. Trên một ngọn núi của dãy Hồng Lĩnh về phía đông nam có một tảng đá lớn bằng phẳng, tương truyền đó là nơi Can Già ngồi nghỉ về, đọc về và chăn bò. Người địa phương vẫn quen gọi hòn đá đó là "đá Can Già". Can: Tổ 5 đời, đây là tiếng người đời sau gọi tôn người đã qua đời.

Nhành chèo bẻo¹ ra ngang,
Lão đứt làm đôi lạt.

Gà gáy đầu một lượt,
Cơm nước lão ăn rồi.
Theo chúng bạn vui chơi,
Chốn sơn lâm hái củi.

Lão leo rừng leo núi,
Đôi trốc cúi (đầu gối) mở chày.
Lão chạy như bay,
Động, dèo cao nỗ ngại.

Này các o (cô) con gái,
Đừng khinh lão tuổi già.
Lão mà thấy đàn bà,
Còn lấm la lấm lét.

Răng lão thì chưa khuyết,
Gối lão cứng hơn đinh.
Con mắt lão tinh:
O nhà ai đã bắt².

Má thì đỏ dất,
Vú thì dửng sỏ (danh).³
Lão muốn đến sờ (sờ),
Sợ o mi không chịu.

-
1. *Chèo bẻo*: một loại cây dây mọc trên rừng, người ta thường dùng làm dây buộc củi.
 2. *Bắt*: nhanh nhẹn, xinh xắn.
 3. Có người nhớ: "Đôi trong yếm cũng vừa". Cũng có người nhớ: "Vú thì lúm trái mơ" nghĩa là vú hơi cao và tròn như quả mơ.

VỀ BÀ TÂN THỊ THẨM

Bà Tân Thị Thẩm quê ở làng Sắt, tên chữ là Trang Liệt, tổng Phù Lưu huyện Đông Ngàn (nay thuộc xã Đồng Quang, Tiên Sơn), lấy chồng là một võ quan người Thanh Hoá, trấn thủ ở biên cương. Một lần có giặc quấy rối, chồng bà bị đánh thua chạy, bà đã dũng cảm cầm quân chống chọi, đánh thắng giữ yên được biên cương. Vua Lê hay tin đã hậu thưởng bà rất hậu. Nhân dân trong vùng cũng ca ngợi:

*"Gặt sắt xưa nay lừng lẫy tiếng
Thuyền quyền còn thế, nữa anh hùng"*

Bài về dưới đây ghi lại dấu tích các phần thưởng của bà:

Có bà Quận nữ họ Tân
Thay chồng dẹp giặc yên lành Lê gia
Thịnh triều thưởng tướng đàn bà
Nổi danh công nghiệp bà già làng Trang
Hạ Tân xiết mấy vẻ vang
Ắt là được đất đặt trong trán rồng
Vua ban nữ sử anh phong
Thưởng mười mẫu ruộng đền công trở về
Ruộng thời kỳ tận Yên Khê
Tháng ba hội hát dân về dâng hương
Lại ban sập đá đôi rồng
Hai ông võ sĩ đứng phòng Thạch Hoa
Kể thưởng ngang dọc sập toà
Dài mà tám thước rộng mà bốn thôi
Dây thời một thước kê ngồi

Thanh nhân bà lại xuống bơi thuyền rồng
Ngao du sơn thủy thông dong
Trở vào bà lại lên phòng xem hoa
Tiếng đồn dậy khắp gần xa
Lầu rồng sập đá của bà họ Tân.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu.....	5
VỀ TRẺ EM.....	7
QUA CẦU HẦU THỂ.....	9
ĂN NO.....	9
NÀY CÒ, NÀY CẤU.....	10
GIẢNG BÀ GIÀO.....	11
ÔNG ĐẾM CÁT.....	11
CHẤP CON THỂ.....	12
ĐÚC CÂY DỪA.....	12
TẬP TẦM VÒNG.....	13
TAY CẦM CON DAO.....	14
LẠY TRỜI MƯA XUỐNG.....	15
CHẬP CHIỀNG CHẬP CHÓE.....	16
TRỜI MƯA LÂM RÂM.....	16
CỐC CỐC KENG KENG.....	17
CÁI SÁO MẶC ÁO EM TAO.....	18
ĐÒN GÁNH CÓ MẤU.....	20
CHÚ GÌ, CHÚ CHUỘT.....	20
CHÚ BÉ BẮT ĐƯỢC CON CÔNG.....	21
HỎI ĐÁP.....	22
MỘT LÊN MƯỜI.....	23
ÔNG GIẢNG ÔNG GIẢNG.....	24
ÔNG GIẢNG ÔNG GIẢNG.....	25
PHỤ ĐỒNG PHỤ CHỐI.....	27

Về - Quyển 1	279
SÁO SÂU LÀ CẬU SÁO ĐEN.....	27
GỐC MẸ, GỐC TRE	28
VỀ CON QUỐC.....	29
CON MÈO HAY HÁT	31
VỀ CON NGHỊT CHẾT KHÔ	33
NGHÉ NHỎ	34
GỌI NGHÉ	34
GỌI NGHÉ	35
GỌI NGHÉ	36
VỀ VUI CHƠI GIẢI TRÍ (Về nói ngược, về nói láo, về nói dối)	39
VỀ LỘN NGƯỢC.....	41
VỀ NÓI NGƯỢC.....	42
VỀ NÓI NGƯỢC.....	43
VỀ NÓI NGƯỢC.....	44
VỀ NÓI NGƯỢC.....	45
VỀ NÓI NGƯỢC.....	46
VỀ NÓI NGƯỢC.....	46
VỀ NÓI NGƯỢC.....	48
VỀ NÓI NGƯỢC.....	48
VỀ NÓI NGƯỢC.....	50
NÓI NGƯỢC.....	50
VỀ NÓI NGƯỢC.....	56
BẢN 2	57
VỀ MỤ ĐẢN.....	58
NÓI NGƯỢC.....	59
VỀ NÓI LÁO	61
VỀ NÓI LÁO	62
VỀ NÓI LÁO	62
VỀ NÓI LÁO	63

VỀ NÓI LÁO	64
VỀ NÓI DÓC	65
VỀ NÓI DÓC	66
VỀ NÓI LỐI	67
VỀ THẮNG BỌM	68
VỀ KỂ VẬT, KỂ VIỆC	71
1 - VÈ THỰC VẬT (<i>Cây, lá, rau, hoa, quả</i>)	73
KỂ CÂY	73
VỀ KỂ CÂY	75
KỂ CÂY	76
KỂ CÂY	77
VỀ CÁC THÚ LÚA	78
VỀ LÚA MIỀN TÂY	82
KỂ LÁ	82
CÁC THÚ RAU	83
VỀ CÁC THÚ HOA	84
VỀ HOA	88
VỀ KỂ HOA	90
KỂ HOA	91
TRÂM THỨC HOA NỞ CẢ TRÊN CÀNH	93
BÁCH BỘ NÀNG HOA	95
MỘT TRĂM THÚ HOA	97
VỀ HOA	98
KỂ QUẢ	98
CÁC LOẠI QUẢ	101
VỀ TRÁI CÂY	101
VỀ QUẢ	105
KỂ QUẢ	107
QUẢ	108

10 - Quyển 1	281
KỂ GIẢNG.....	109
KỂ SAO.....	110
2 - VỀ ĐỘNG VẬT (Chim, cá, các con vật).....	111
KỂ CHIM.....	111
VỀ CHIM CHÓC	112
VỀ CHIM CHÓC	114
VỀ CHIM CHÓC	115
VỀ THƯỢNG THÚ HẠ CẨM	117
CÁC LOẠI CHIM.....	118
VỀ CHIM CHÓC	119
LÀNG CHIM PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC	122
CÁC LOÀI CHIM.....	124
VỀ CHIM.....	126
KỂ CHIM.....	127
KỂ CHIM.....	128
VỀ CON CÁ.....	130
VỀ CON CÁ.....	131
VỀ CON CÁ.....	133
VỀ CON CÁ.....	136
CÁC LOẠI CÁ.....	139
VỀ CÁ.....	140
VỀ CÁ BIỂN.....	142
VỀ CÁ.....	145
VỀ KỂ CÁ.....	148
VỀ KỂ CÁ.....	151
VỀ CÁC LOẠI CÁ	152
VỀ CÁC THỨ CÁ.....	155
VỀ CÁC THỨ CÁ.....	157
VỀ CÁ.....	160

KỂ CÁ.....	162
HỌA CÁ.....	162
VỀ CÁC THỨ CÁ.....	163
CÁC THỨ TÔM.....	166
VỀ CON KIẾN.....	168
VỀ CON KIẾN.....	169
VỀ KIẾN.....	170
VỀ RẦN U MINH.....	171
VỀ CHIM THÚ.....	173
VỀ CON CU CHÀNG CHÀNG.....	175
VỀ LOÀI VẬT.....	178
VỀ MƯỜI HAI CON GIÁP.....	180
3- VỀ HÀNG HOÁ VÀ SẢN VẬT.....	182
CHỢ ĐỒNG XUÂN.....	182
CHỢ ĐỒNG XUÂN.....	183
KÊ CHỢ.....	186
CHỢ LƯỜNG HỌP LẠI VUI THAY.....	188
KHÔNG ĐÁU BẰNG CHỢ MỒ.....	190
VỀ ĐI CHỢ.....	198
SẢN VẬT HÀ NỘI.....	199
VỀ HÀNG HOÁ.....	200
LỄ QUAN.....	201
MỜI QUÝ VỊ ĐẠO CHƠI TỈNH NHÀ.....	202
HÁT VỀ MÙA NÀO THỨC ẤY.....	209
VỀ BÁNH.....	211
VỀ BÁNH.....	214
VỀ CÁC THỨ BÁNH.....	215
4 - VỀ CÁC NHÂN VẬT.....	219
BÁCH THẦN - BÁCH NHÂN.....	219

Vô - Quyển 1	283
XÃ LÃI HÁT VÍ	240
XÃ LÃI ĐI GẶT	242
ÔNG THỦ HẠNG	246
BÀ BỒI	250
CHÍN CÔ CHƯA CHỒNG	252
GÁI LÀNG SẤU	259
VỀ BẾN BA	260
ÔNG BẦY	262
ÔNG CHÀN VỊT	266
TÀI LAO ĐỘNG CỦA ÔNG HOẠT HUỆ	271
LÃO GIÀ ĐI CÚI	274
VỀ BÀ TÂN THỊ THẨM	276

Về

Quyển 1



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ

<i>Biên tập nội dung:</i>	BAN BIÊN TẬP
<i>Kỹ thuật vi tính:</i>	NGUYỄN HÀNG
<i>Sửa bản in:</i>	THANH TRÀ
<i>Trình bày bìa:</i>	NGÔ TRỌNG HIỂN

In 1.020 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty Cổ phần in
và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXB: 136 – 2009 / CXB / 35 – 14 / KHXH.

Số QĐXB: 23 / QĐ - NXB KHXH ngày 18/02/2009.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2009

Bộ sách Phát hành Kỷ niệm 10 năm thành lập

Nhà sách **Thăng Long**



101102311



Giá: 39.000đ